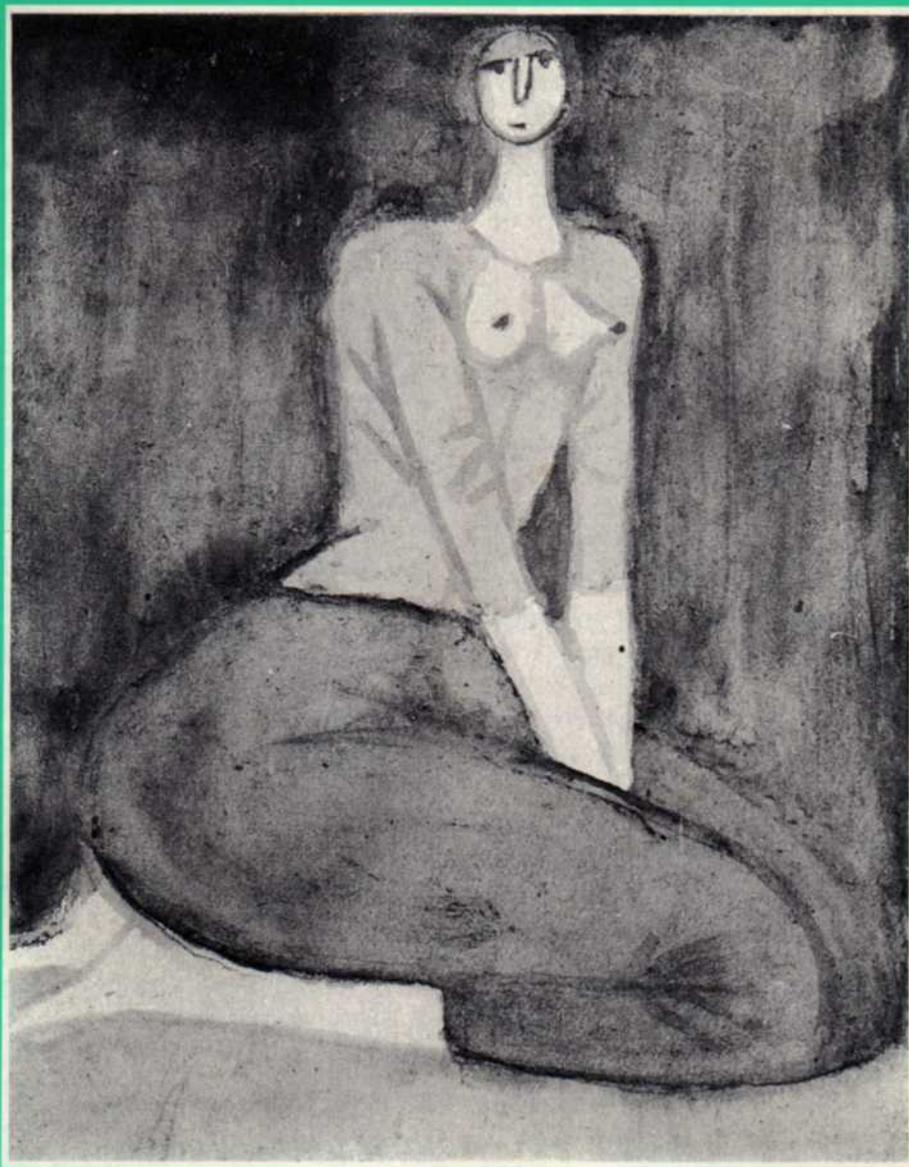


diễn đàn

Số 71 / 1.02.1998

ISSN 1164-2378

F O R U M



Huân Mậu Dân

Tin tức Tin tức

Nhân sự mới trong đảng CSVN

Trong hội nghị thường kỳ lần thứ tư, họp từ ngày 22 đến 29 tháng 12 vừa qua, ban chấp hành trung ương (viết tắt : TŨ) đảng CSVN đã tiến hành thay đổi nhân sự cấp chóp bu của mình như sau :

1/ Ông Lê Khả Phiêu, thượng tướng, chủ nhiệm tổng cục chính trị, uỷ viên ban thường vụ BCT được cử làm tổng bí thư thay thế ông Đỗ Mười.

2/ Các ông Lê Đức Anh (nguyên chủ tịch nước), Võ Văn Kiệt (nguyên thủ tướng) rút ra khỏi bộ chính trị (viết tắt : BCT). Cả ba ông Mười, Anh, Kiệt cũng đều rút ra khỏi TŨ.

3/ Các ông Nguyễn Minh Triết (phó bí thư thành uỷ TPHCM), Phan Diễn (Chánh văn phòng TŨ), Phạm Thanh Ngân (trung tướng, phó chủ nhiệm tổng cục chính trị), Nguyễn Phú Trọng (tổng biên tập tạp chí Cộng sản) được bầu vào BCT.

4/ Ông Nguyễn Tấn Dũng, phó thủ tướng thường trực, rút ra khỏi ban thường vụ BCT. Ban thường vụ mới gồm các ông Lê Khả Phiêu, Trần Đức Lương (chủ tịch nước), Phan Văn Khải (thủ tướng), Nông Đức Mạnh (chủ tịch quốc hội) và Phạm Thế Duyệt (chủ nhiệm uỷ ban dân vận).

5/ Bộ chính trị mới như vậy gồm 19 người như khi được cử ra trong đại hội 8 đầu hè 1996 (3 ông rút ra, 4 vào, nhưng một là để thay thế ông Nguyễn Đình Tú, người đã được đại hội 8 chính thức cử làm uỷ viên *post mortem* của BCT - xem DD số 54), và được xếp thứ tự như sau (con số trong ngoặc sau tên mỗi người là thứ tự của bộ chính trị khi vừa được đại hội 8 cử ra) :

1. Lê Khả Phiêu (5)
2. Trần Đức Lương (12)
3. Phan Văn Khải (8)
4. Nông Đức Mạnh (4)
5. Nguyễn Văn An (10, trưởng ban tổ chức trung ương)
6. Nguyễn Tấn Dũng (19)
7. Nguyễn Mạnh Cầm (8, phó thủ tướng, bộ trưởng ngoại giao)
8. Đoàn Khuê (6, đại tướng, nguyên bộ trưởng bộ quốc phòng)
9. Nguyễn Đức Bình (9, giám đốc học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)
10. Phạm Thế Duyệt (18)
11. Nguyễn Thị Xuân Mỹ (13, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra TŨ)
12. Phạm Văn Trà (11, trung tướng, bộ trưởng quốc phòng)
13. Lê Minh Hương (16, trung tướng, bộ trưởng nội vụ)
14. Lê Xuân Tùng (15, bí thư thành uỷ Hà Nội)

15. Trương Tấn Sang (14, bí thư thành uỷ TPHCM)
16. Phạm Thanh Ngân
17. Nguyễn Minh Triết
18. Phan Diễn
19. Nguyễn Phú Trọng.

Các ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt được cử làm cố vấn ban chấp hành TŨ thay thế các ông Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công.

Đầu tháng 1, hai ông Phạm Văn Trà và Lê Minh Hương đã được phong chức thượng tướng, ông Phạm Thanh Ngân đã được cử làm chủ nhiệm tổng cục chính trị thay ông Lê Khả Phiêu, và ông Đào Trọng Lịch, thiếu tướng, làm tổng tham mưu trưởng quân đội nhân dân Việt Nam.

Theo các hãng thông tấn nước ngoài ở Hà Nội, những thảo luận về nhân sự đã lấn át mục tiêu chính của hội nghị trung ương lần này, được thông báo trước là dành cho các vấn đề kinh tế. Thông báo kết quả của hội nghị chỉ đưa lại những nguyên tắc chung mà không trực tiếp đề cập đến các phương hướng giải quyết những nút mắc hiện nay của kinh tế Việt Nam, như các nhà quan sát Tây phương mong đợi. Theo tin AFP, "hội nghị trung ương đã chấp thuận các ý kiến (về cải tổ kinh tế) của thủ tướng Phan Văn Khải", song không cho biết sẽ đưa ra áp dụng chúng như thế nào. (AFP, Reuters 22-30.12.1997)

Tiểu sử ông Lê Khả Phiêu

Sinh ngày 27.12.1931 tại xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, tổng bí thư mới của đảng CSVN là người suốt đời gắn với công tác chính trị trong quân đội nhân dân Việt Nam. Vào đảng Cộng sản Việt Nam năm 18 tuổi, theo tiểu sử chính thức đăng trên báo Nhân Dân ngày 30.12.1997, ông "là cán bộ trưởng thành từ cơ sở và từ trong quân đội trong các cuộc kháng chiến". Tờ báo bỏ qua thời gian 1949 - 1964, để chỉ kể những chức vụ chính thức của ông trong quân đội từ năm 1964 tới năm 1993, khi ông được phong là thượng tướng : từ chính uỷ kiêm trung đoàn trưởng, thông qua đủ mọi cấp lãnh đạo của công tác chính trị từ quân khu, quân đoàn lên đến phó chủ nhiệm, rồi chủ nhiệm tổng cục chính trị. Bài tiểu sử chỉ cho biết ông từng làm "chủ nhiệm chính trị kiêm phó tư lệnh chính trị" ở "Mặt trận 719", song những nhà báo theo dõi tình hình Việt Nam cho biết là từ năm 1984 đến 1988, ông là chính uỷ của bộ đội Việt Nam ở Cam-Bốt, dưới quyền tướng Lê Đức Anh, nhân vật số hai của đảng từ đại hội 7 (tháng 6.1991). Nhờ thế chẳng mà sự nghiệp chính trị trong bộ máy đảng của ông thăng tiến khá nhanh từ đại hội này, khi lần đầu ông được bầu vào ban chấp hành trung ương đảng ? Một năm sau, ông vào ban bí thư, rồi thường trực ban bí thư, và không đầy 3 năm nữa (tháng 1.1994), vào bộ chính trị, tới nay là tổng bí thư. Xuyên suốt tiểu sử ấy, người ta thấy ông chưa hề lĩnh một nhiệm vụ điều hành hoặc lãnh đạo nào về kinh tế hoặc về một khía cạnh dân sự, xã hội nào khác. Thăng hoặc, trong những năm gần đây, người ta mới đôi khi được nghe tiếng nói của ông về những vấn đề chung của đất nước thì cũng đều là lập lại những quan điểm chính thức, công khai của cơ quan lãnh đạo đảng. Duy có sự kiện ông hai lần gặp gỡ ông Hoàng Minh Chính (lần thứ hai vào tháng 5

năm ngoài) có thể được coi là ra ngoài cái khuôn khổ chính thống ấy.

Thủ tục xuất cảnh mới

Như Diễn Đàn đã đưa tin ngắn trong số 69, công dân Việt Nam có hộ chiếu hợp lệ từ nay không phải xin thị thực xuất cảnh. Dưới đây là chi tiết một số điều khoản trong quyết định của thủ tướng chính phủ (số 957/1997/Qđ-Ttg, đề ngày 11.11.1997) liên quan đến vấn đề này.

Điều 1.

1. Công dân VN có nhu cầu xuất cảnh đi nước ngoài (không phân biệt đối tượng, mục đích xuất cảnh và nước đến), nếu có đủ thủ tục xuất cảnh hợp lệ, đều được xem xét cấp hộ chiếu theo các quy định hiện hành của chính phủ. (...)

2. Công dân VN đã có hộ chiếu hợp lệ khi ra nước ngoài được miễn thị thực xuất cảnh và được qua lại các cửa khẩu quốc tế của Việt Nam.

Điều 2.

1. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang... (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ quản) chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý nhân sự, quản lý hộ chiếu của cán bộ, công nhân, viên chức, quân nhân thuộc biên chế của mình (kể cả người trong diện hợp đồng dài hạn) khi cử hoặc bảo lãnh cho họ ra nước ngoài về việc công hoặc việc riêng.

2. Các lực lượng kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu chịu trách nhiệm không cho xuất cảnh và thu hồi hộ chiếu của những người thuộc đối tượng cấm xuất cảnh... (theo mục 3, danh sách các đối tượng này do bộ nội vụ cung cấp).

Điều 3. (liên quan đến việc các cơ quan nói ở điều 2 phải xử lý cất biên chế... những người của cơ quan mình ra nước ngoài rồi ở lại hoặc về quá hạn hơn 90 ngày)

Điều 4. Người VN xuất cảnh đi nước ngoài không về nước đúng hạn, nếu muốn được bảo hộ quyền công dân VN thì phải đến khai báo tại cơ quan đại diện nước CHXHCNVN (gần nơi cư trú của mình nhất)... Bộ nội vụ chủ trì, phối hợp với bộ ngoại giao quy định thủ tục gia hạn, cấp đổi giấy tờ tùy thân cho công dân theo nguyên tắc quản lý thống nhất, chặt chẽ, bảo đảm an ninh trật tự, và nhanh chóng, tạo thuận lợi cho công dân được cư trú, làm ăn hợp pháp ở nước sở tại.

Điều 5. (liên quan đến việc bồi hoàn chi phí đào tạo cho nhà nước đối với một số đối tượng được cử đi du học, tu nghiệp rồi ở lại nước ngoài)

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những quyết định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

△ *Mặc dầu một số hạn chế (đặc biệt là điều khoản mơ hồ về các đối tượng cấm xuất cảnh, và về các "thủ tục xuất cảnh hợp lệ", hoặc việc buộc các cơ quan phải chịu trách nhiệm về những nhân viên của mình kể cả khi họ xuất cảnh về việc riêng...), người ta phải coi đây là một quyết định tiến bộ chưa từng có trong một chế độ cộng sản: sự tôn trọng quyền tự do đi lại của công dân, một quyền được ghi trong hiến pháp của chế độ. Tất nhiên, nếu quyết định không bị co nhỏ lại quá lỗ khi bộ*

*Kính chúc bạn đọc một năm
Mậu Dần an lành, thành công,
hạnh phúc*

Diễn Đàn

nội vụ sử dụng quyền cấm xuất cảnh một cách quá tùy tiện, không dựa trên những điều khoản luật pháp được công khai hoá và phù hợp với những chuẩn mực văn minh của thời đại. Được ban hành dưới áp lực của Mỹ (để Nhà Trắng có thể bãi bỏ các hạn chế của điều luật Jackson - Vanick về trao đổi thương mại với các nước không cho công dân tự do xuất cảnh), giá trị của những quy định mới này còn cần được thời gian chứng thực qua việc áp dụng chúng.

Thêm một vụ biến loạn ở Đồng Nai

Một vụ biến loạn xã hội mới đã xảy ra ở quận Long Bình, ngoại ô thành phố Biên Hoà chiều ngày 7.1.1998, khi hàng trăm người biểu tình ngăn cản chính quyền địa phương giải toả một số nhà của bị coi là xây cất bất hợp pháp trên đất của quân đội. Theo báo Đồng Nai, chính quyền địa phương muốn thu lại những diện tích đất dành cho quân đội đã dựng phải sự kháng cự của những cư dân tới đây sinh sống từ nhiều năm nay. Hàng trăm người đã dùng đá, gạch tấn công cảnh sát và quân đội khi những lực lượng này tiến đến để dỡ đi những ngôi nhà ấy. Cuộc đụng độ kéo dài trong đêm 7-8.1, và hơn một chục người đã bị bắt giữ. Ngày 15.1, một người phát ngôn bộ ngoại giao Hà Nội, bà Phan Thuý Thanh đã công nhận vụ việc trước báo chí, và cho biết là sẽ có cuộc điều tra về những "phần tử quá khích" bị bắt giữ. Bà Thanh cũng khẳng định là "không có phụ nữ và trẻ em nào trong số những người bị bắt". Cách Trà Cổ, cũng trong tỉnh Đồng Nai, khoảng 20 km, nơi đã xảy ra vụ biểu tình của nông dân công giáo hồi tháng 11 vừa qua (xem Diễn Đàn số 69), Long Bình nguyên là một căn cứ lớn của Mỹ trong chiến tranh. (Reuters 9 và 15.1.1998)

Chính quyền - Công giáo: vẫn lực đực

Đáp lại lời kêu gọi "yêu nước - kính chúa", tham gia nhiều hơn vào sự nghiệp xây dựng đất nước, mà những nhà lãnh đạo Việt Nam (chủ tịch Trần Đức Lương, tổng bí thư Lê Khả Phiêu) đã đưa ra nhân dịp Đại hội Uỷ ban đoàn kết Công giáo cuối tháng 12.1997, thông tấn xã Fides của toà thánh Vatican đã ra một bài bình luận dài ngày 7.1 nhắc lại những cản trở mà người công giáo Việt Nam gặp phải trong những hoạt động xã hội của mình. Bài bình luận than phiền là giáo hội Việt Nam đã nhiều lần xin phép mở các trạm xá y tế, trường học, nhà thương, nhà điều dưỡng bệnh phong hủi, nhưng luôn luôn bị từ chối. Cũng như nhà nước đã từ chối không cho phép mở các chủng viện ở Thái Bình, Xuân Lộc, không cho phép xuất bản các bản tin công giáo và sách tôn giáo... Bài báo cũng nhắc lại cuộc biểu tình ở Trà Cổ "chống

tham nhũng, trưng dụng đất đai và sự chuyên quyền của các cấp chính quyền”.

Không đầy một tuần sau, trong bản tin ngày 12.1, Fides lại lên tiếng phản đối việc hai giám mục Huỳnh Văn Nghi, giám quản địa phận thành phố HCM và Phạm Minh Mẫn, thuộc giáo phận Mỹ Tho, không được phép đi dự hội nghị các giám mục châu Á tại Vatican vào tháng 4 và 5.1998. Lần này, người phát ngôn bộ ngoại giao Hà Nội, bà Phan Thuý Thanh, đã nổi giận cho rằng Fides đã “*vu khống, xúc phạm đến chính phủ Việt Nam và Uỷ ban đoàn kết Công giáo Việt Nam*”. Theo bà Thanh, Vatican “*chẳng hiểu gì về tình hình Việt Nam*”, nên Fides mới có những “*bình luận đầy ác ý*” như vậy. Theo bà, không có chuyện chính phủ “*từ chối thị thực xuất cảnh*” của hai giám mục nêu trên, mà là Hội đồng giám mục Việt Nam không đưa tên họ vào danh sách đề nghị đi dự hội nghị. (AFP, Reuters 31.12.1997, 7, 12, 15.1.1998)

➤ Theo quyết định ngày 11.11.1997 của thủ tướng (xem trong bản tin này), việc xin thị thực không đặt ra nữa. Vậy các giám mục muốn xuất cảnh chỉ cần làm thủ tục xin hộ chiếu như mọi công dân khác là xong. Thời gian 3 tháng còn kịp chán ! Trừ phi họ thuộc diện “*cấm xuất cảnh*”, và không được quyền có hộ chiếu ?

Lạm phát 1997 : giá cả tăng 3,6 %, đô la tăng 14,2 %

Theo những số liệu của tổng cục thống kê vừa công bố, chỉ số giá tiêu dùng đã tăng 3,6 % trong năm 1997. Đây là

mức lạm phát thấp nhất trong 10 năm qua (1996 : 4,5 %). Giá cả hàng hóa tăng 2,7 % trong đó lương thực và thực phẩm tăng 1,6 %, những hàng công nghiệp khác tăng 4,4 %. Dịch vụ tăng giá 8,1 %. Giá vàng giảm 6,6 % trong khi đô la tăng 14,2 %.

Trong năm 1997, tỉ giá đô la đã được điều chỉnh hai lần : vào tháng 3, Ngân hàng nhà nước đã mở rộng biên độ giao dịch của các ngân hàng thương mại từ 1 % lên 5 % so với tỷ giá chính thức, rồi tháng 10 biên độ được mở thêm từ 5 % lên 10 %. Từ đó tỷ giá đô la không ngừng tăng và đọng vào tỷ giá trần 12 300 đồng/USD vào đầu tháng 12, trong khi thị trường tự do mua bán đô la với giá 13 600 đồng. Vào đầu tháng giêng 1997, tỷ giá chợ đen giảm xuống 13 100 đồng, một phần do lượng ngoại tệ mà Việt kiều về nước ăn Tết mang vào (ước lượng khoảng 200 triệu đô la), song trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, tỷ giá vẫn ở sát giới hạn trần (12 293 đồng).

Ngân hàng nhà nước tiếp tục khẳng định sẽ không phá giá đồng Việt Nam. Tuy nhiên, những quan chức ngân hàng đã phải thừa nhận rằng quyết định phá giá tháng 10 vừa qua là do “*hoạt động giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng đã đóng băng*”, nghĩa là do sức ép đầu cơ của chính các ngân hàng thương mại. Được biết là từ mùa hè 1997, cuộc khủng hoảng tài chính khu vực đã buộc Indonesia, Malaysia, Thái lan, Philippines và Hàn Quốc phá giá tiền tệ trên dưới 50 %. (Lao Động 10.12.97 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 1.1 và Reuters 12.1.98)

Độc báo trong nước

Phí môi trường : nên ? không nên ?

LTS : Thành phố Hồ Chí Minh đang dự kiến đặt ra một khoản phụ thu môi mang tên “*phí môi trường*” gọi là để hạn chế những phương tiện vận tải cá nhân phát triển và trợ giá hệ thống vận tải công cộng của thành phố. Mức phí đề xuất ra là 120 000 đồng/năm đối với xe gắn máy và 3 triệu đồng/năm với xe ô-tô. Sau khi có dư luận phản đối, sở giao thông vận tải đã giảm mức thu xuống 50 % (hiện nay, theo những số liệu chính thức, có 194 nghìn xe ô-tô và 1,288 triệu xe gắn máy lưu thông ở Thành phố Hồ Chí Minh). Trong nhiều ý kiến do báo Tuổi Trẻ (ngày 23.12.97) đăng tải lại, ông Lê Hiếu Đằng, trưởng ban văn hóa xã hội của hội đồng nhân dân TPHCM, có đưa ra nhận định như sau về đề án lập ra phí môi trường.

Chủ trương phát triển hệ thống vận tải công cộng là chủ trương đúng đắn mà lẽ ra chúng ta phải triển khai sớm, chứ không phải đợi đến bây giờ mới đặt ra. Đợi đến khi các loại phương tiện cá nhân đã gia tăng quá lớn, chúng ta mới nghĩ ra một loại phí, theo dự báo “*nhằm giảm đến mức thấp nhất sự tăng trưởng số lượng phương tiện cá nhân, đồng thời giải quyết cơ bản nguyên nhân chính gây ra ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường*”. Tôi e rằng mục đích trên sẽ không đạt được khi thực hiện loại phí này, vì trong khi hệ thống vận tải công cộng chưa đủ khả năng thỏa mãn nhu cầu đi lại của người dân, thì họ vẫn phải cố gắng chịu đóng phí để được sử dụng phương tiện cá nhân. Và như vậy, người dân lại phải chi thêm một loại phí.

Một ý nữa là phải chính danh. Nếu gọi là phí môi trường thì phải thu đối với tất cả các đối tượng gây ô nhiễm môi trường, chứ tại sao chỉ thu đối với xe gắn máy và ô-tô tư nhân. Chẳng lẽ số ô-tô của các cơ quan nhà nước thì không gây ô nhiễm ? Như thế là không công bằng. Vừa không chính danh, vừa không công bằng nên loại phí này khi đưa ra thực hiện chắc chắn nhiều người sẽ thắc mắc. Theo tôi, tại sao chúng ta không nghĩ đến việc lập ra một quỹ nào đó để phát triển hệ thống vận tải công cộng. Quỹ này có thể thu từ nhiều nguồn để đầu tư vào hệ thống giao thông công cộng, như hệ thống xe buýt chẳng hạn. Khi xe buýt trở nên tiện lợi thì đương nhiên người dân sẽ chọn xe buýt, chứ không phải ai cũng muốn sắm cho được phương tiện cá nhân. Tôi nghĩ rằng nhà nước phải dám đầu tư trước để hình thành một hệ thống xe buýt thật tốt thì người dân sẽ hưởng ứng. Không thể nói rằng không có vốn vì chúng ta dám bỏ ra tới 60 tỉ đồng để làm lại vỉa hè Thành phố Hồ Chí Minh, trong khi nhiều chỗ vẫn còn rất tốt.

Nhân đây tôi muốn nói điều này : nhiều người, nhiều ngành cứ so sánh nước ta với nước ngoài một cách không hợp lý. Cứ nghĩ rằng nước ngoài họ thu phí này, phí kia thì ta cũng phải thu giống như họ, mà không nghĩ rằng thu nhập của dân ta còn quá thấp và thực tế cũng đã phải chịu hàng bao nhiêu thứ phí. Thêm nữa, cơ sở hạ tầng chúng ta chưa được đầu tư tốt bằng họ thì sao có thể đòi hỏi người dân phải đóng những loại phí như họ !

Ngoại thương 1997 : xuất khẩu tăng 22 %, thâm thủng giảm 40 %

Theo thống kê của bộ thương mại, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam năm 1997 đã đạt mục tiêu dự kiến với 8,905 tỉ đô la, tăng 22,7 % so với năm trước. Mức nhập siêu chỉ còn 2,3 tỉ đô la (dự kiến : 4 tỉ USD), giảm khoảng 40 % so với năm 1996 (3,9 tỉ USD). Giảm nhập khẩu chủ yếu là hàng tiêu dùng (hơn 30 %).

Các bạn hàng mua bán nhiều nhất với Việt Nam trong năm 1997, theo thứ tự, là : ASEAN, Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc và Mỹ. Kim ngạch xuất khẩu đã tăng đối với Trung Quốc (90%), Hồng Kông (51%), Đài Loan (40%), Mỹ (24 %), và đã giảm đối với Hàn Quốc (30 %), ASEAN (10 %). Về khối lượng, những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đều tăng trưởng khá : gạo (22 %), cà phê (37 %), cao su (45 %), dầu thô (11 %). Song do giá cả xuất khẩu của bốn mặt hàng đều giảm cho nên kim ngạch không tăng trưởng tương ứng, thiệt hại được ước tính ít nhất là 350 triệu đô la.

Việc giảm nhập khẩu và siêu trong năm 1997 được chính phủ coi là một thành công của những biện pháp điều tiết nhập khẩu. Tuy nhiên cũng có ý kiến cho rằng đây không phải là hiệu quả đạt được do thực hiện thành công chính sách thay thế hàng nhập khẩu mà chủ yếu do tác động không dự kiến của tình hình chững lại về cung lẫn cầu nội địa. (Lao Động 12.12.97 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 1.1.98)

Mỹ - Việt, chính trị và thương mại

Dẫn đầu một phái đoàn nhiều doanh nhân cao cấp của bang Massachusetts, thượng nghị sĩ đảng Dân chủ Hoa Kỳ John Kerry đã tới Hà Nội ngày 9.1 trong một chuyến đi nhiều ngày tập trung quanh các vấn đề trao đổi kinh tế, thương mại giữa hai nước. Trước khi rời Hà Nội, ông Kerry đã cho báo chí biết là sau những quyết định gần đây của Việt Nam về thủ tục xuất cảnh, tổng thống Clinton dự tính đề nghị với thượng nghị viện bãi bỏ việc áp dụng điều luật Jackson - Vanick hạn chế ngoại thương với một quốc gia không cho phép công dân tự do đi ra nước ngoài. Việc bãi bỏ này là bước cần thiết tiến tới hiệp ước thương mại giữa hai nước, cho phép Việt Nam hưởng quy chế tối huệ quốc và thuế suất thấp đối với hàng hoá xuất sang Mỹ.

Trong thời gian ở Việt Nam, ông Kerry đã gặp thủ tướng Phan Văn Khải và nhiều bộ trưởng trong chính phủ Việt Nam, cũng như đại diện giới doanh nghiệp Mỹ ở Thành phố HCM. Với các nhà báo, ông cho biết đã nhấn mạnh nhiều lần với những nhà hữu trách Việt Nam yêu cầu đẩy mạnh cải tổ, đặt biệt là về những luật sở hữu và điều kiện lưu thông vốn, để phát triển nền kinh tế thị trường, thay vì tìm thế thủ để khỏi bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng ở các nước lân bang lan sang. “ *Vì như thế là bỏ lỡ cơ hội tiến mau, và là một đánh giá sai lầm về lịch sử*”. Theo ông, chính phủ Việt Nam rất ý thức điều này, và ông “ *rời Hà Nội lạc quan và hy vọng nhiều hơn là lúc đến*”.

Trước khi rời Việt Nam, ngày 16.1 thượng nghị sĩ Kerry và đại sứ Peterson đã lên yên tham dự chặng chót (Vũng Tàu - Thành phố HCM) của một cuộc “ *đạo đua* ” xe đạp dọc Việt Nam. Khởi hành ngày 1.1.1998 từ Hà Nội, cuộc đua do Hội

cụ chiến binh Mỹ ở Việt Nam tổ chức, với mục đích “ *hàn gắn vết thương chiến tranh*”, đã quy tụ gần 80 cựu quân nhân hai nước, trong đó có cả những thương chiến binh đi trên những xe đặc biệt của người bị thương tật. Người ta cũng đã ghi nhận sự tham gia của tay đua nhà nghề Greg LeMond, người từng đoạt giải nhất vòng đua quanh nước Pháp ba lần trong những năm 80. (AFP, Reuters 9, 12, 16 và 19.1.1998, VNA 29.12.1997)

Bản quyền : sẽ giảm văn hóa phẩm Mỹ ?

Ngày 27.12 vừa qua, sáu tháng sau khi được ký kết, hiệp định Việt - Mỹ về bản quyền tác giả đã đi vào hiệu lực, đặt ra không ít vấn đề cho các cơ quan Việt nam, mặc dù hiệp định có điều khoản không hồi tố, theo đó : “ *Mọi việc làm của bất kỳ ai thực hiện trước khi hiệp định này có hiệu lực sẽ không bị coi là hành vi xâm phạm bản quyền tác giả*”.

Một số doanh nghiệp Mỹ ước đoán hàng năm Hoa Kỳ thiệt hại khoảng 50 triệu đô la tiền bản quyền các sản phẩm CD nhạc, băng video, sách báo do nạn sao chép lậu trên thị trường Việt Nam. Còn tiền bản quyền phần mềm tin học thì được ước tính là 300 triệu đô la. Ở chiều ngược lại, không phải không có sản phẩm văn hóa Việt Nam bị đánh cắp bản quyền ở Hoa Kỳ. Nhiều cuốn sách của tác giả trong nước được các nhà xuất bản của người Việt ở Mỹ tái bản với số lượng lớn mà không phải trả khoản tiền tác quyền nào. Theo văn phòng luật sư Baker & Mc Kenzie của Mỹ, các băng đĩa nhạc và video của Việt Nam được sao lậu rất nhiều, điển hình mới đây nhất là bộ phim “ *Người đẹp Tây đô*”. Trong khi đó, phía Mỹ đã ít nhất hai lần phản đối mạnh mẽ việc chiếu tràn lan bộ phim “ *Bridges of Madison county* ” ở Việt Nam.

Đến nay, Nhà xuất bản Trẻ ở Thành phố Hồ Chí Minh trả mức tác quyền cho hãng Walt Disney, Oxford University Press hay Dargaut trị giá là 5 % giá bìa sách. Nhưng khi hiệp định Việt - Mỹ đi vào hiệu lực, các nhà xuất bản Hoa Kỳ đã yêu cầu tiền bản quyền cao hơn. Như vậy người đọc trong nước sẽ có ít cơ hội hơn để tiếp xúc với sách của Hoa Kỳ. Các đài truyền hình của Việt nam cũng sẽ không thể sử dụng “ *chùa* ” các chương trình của đài CNN hay các hãng Mỹ khác. Đài phát thanh trong nước không thể tiếp tục sử dụng đĩa CD lậu (phần lớn từ Trung Quốc) cho các chương trình ca nhạc nước ngoài.

Về phần mình Cục điện ảnh cho biết sẽ không duyệt những phim Hoa Kỳ không chứng tỏ được bản quyền. Công ty phát hành phim Fafim cho biết sẽ ngừng nhân bản và bán những băng hình phim Mỹ đã duyệt trong thời gian trước đây. Trước mắt, mặt bằng phim Mỹ ở Việt Nam có thể giảm đến 3/4.

Song Hoa Kỳ có tầm nhìn xa hơn về phương diện phổ biến văn hóa và công nghệ, cho nên đã làm sức ép tối đa để ràng buộc Việt Nam vào một hiệp định song phương. Theo Baker & Mc Kenzie, “ *Hiệp định là bước tiến gần hơn nữa đến hiệp định thương mại song phương Việt - Mỹ, và kế tiếp là qui chế tối huệ quốc (MFN) dành cho Việt Nam. Quan trọng hơn là hiệp định sẽ giúp cho quá trình chuyển giao công nghệ của Việt Nam được thúc đẩy nhanh hơn. Việt Nam thường phân nân là phía nước ngoài chuyển giao công nghệ*

cũ kỹ lạc hậu vào Việt nam. Một trong những lý do là họ cảm thấy không an tâm khi bản quyền công nghệ của họ không được bảo hộ". (Tuổi trẻ 25.12.97 ; Lao Động 2.1.98)

Nổi trống đón Tết

Bị cấm pháo từ ba năm nay, các thành phố Việt Nam đang nghĩ đến dùng tiếng trống để hoạt náo thành phố trong những ngày Tết. Thành phố HCM, trong khi tiếp tục vận động chính phủ đặc cách cho dùng pháo nhân dịp kỷ niệm năm thứ 300 ngày thành lập thành phố, đã tổ chức đào tạo nhiều nhóm chơi trống ở mỗi quận để chào đón năm mới. Theo bà Lê Tự Cẩm, một quan chức sở Văn hoá và thông tin thành phố, ngày Tết khác ngày thường vì không ai sợ tiếng náo động, ngược lại là khác, từ đó mới nảy ra ý dùng tiếng trống thay tiếng pháo. Nếu thử nghiệm thành công trong năm nay, thành phố sẽ tiếp tục phát huy hình thức lễ hội này. Ở Hà Nội, chính quyền cũng đã thông qua một kế hoạch nổi trống năm phút lúc giao thừa trên đài phát thanh và truyền hình để đón năm mới, nhưng không có kế hoạch chơi trống ở các khu phố. Tiếng trống do nghệ nhân chuyên nghiệp chơi sẽ được thu băng bán cho công chúng. (DPA 9.1, AFP 19.1.1997)

Nước ngoài giảm đầu tư ở Việt Nam

So với năm 1996, thì số vốn đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam giảm gần 50 phần trăm, đánh dấu năm đầu tiên thoái trào, kể từ khi có chính sách đổi mới. Theo những con số của Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư qua báo **Saigon Times** thì vốn đầu tư được nhà nước chuẩn y chỉ lên tới 4,4 tỷ đô la so với 8,7 tỷ của năm 1996.

Trên tổng số 333 dự án đầu tư năm 1997, sản xuất công nghiệp chiếm đa số với 197 dự án trị giá 1,97 tỷ đô la. Ngành viễn thông vận tải lôi cuốn 780 triệu đô la với 14 dự án. Ngành xây dựng trị giá 692 triệu đô la.

Cũng theo bộ, thì Pháp đứng đầu trong các nước đầu tư vốn với 722 triệu đô la, sau đến Nam Hàn với 699 triệu đô la và Nhật Bản với 637 triệu đô la. (AFP 2.1.1998)

Hàng ngàn công nhân bị sa thải trong những tháng cuối năm 97

Theo con số của sở Lao Động Thương Binh và Xã Hội, hàng ngàn người lao động ở T.P. Hồ Chí Minh, bị sa thải trong ba tháng chót của năm 1997, đưa số thất nghiệp của thành phố lên đến 40 000 người.

Các công ty sa thải người đều viện cớ khó khăn do sức mua trên thị trường nội địa giảm. Trên thực tế thì một số hãng thuộc vốn đầu tư ngoại quốc đã chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và tiền tệ các nước vùng Đông Á. Một số hãng Nam Hàn, Hồng Kông, Đài Loan, và Thái Lan, có chi nhánh ở Việt Nam đang gặp khó khăn. Một người trách nhiệm hãng Juang Viet của Nam Hàn cho biết cuối tháng chín 1997, hãng đã nợ công nhân 170 ngàn đô la, đưa tới thải 2000 người.

Kết quả của một cuộc điều tra về lao động việc làm trong khu vực thành thị, thực hiện năm 1997, cho biết có 65 % dân

số từ 15 tuổi trở lên tham gia hoạt động kinh tế, và tỉ lệ thất nghiệp là 5,8 %. Nếu chỉ tính trong tuổi lao động thì tỷ lệ thất nghiệp là 6,01 phần trăm. Trong đó tỉ lệ cao nhất là ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng (7,2 %) và thấp nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long (5 %). Bản điều tra không cho biết con số ở nông thôn. Những năm gần đây, khoảng 1,2 triệu lao động được tạo ra mỗi năm, tuy nhiên sức ép của người kiếm việc vẫn mạnh, đặc biệt ở nông thôn. (AFP 3.1.1998)

Vấn đề thuyền nhân ở Hồng Kông

Một ngày sau khi Hồng Kông bãi bỏ chính sách cho người Việt tỵ nạn tại đây, Bộ Ngoại Giao Trung Quốc đã hối thúc Việt Nam và Liên Hiệp quốc giải quyết dứt điểm vấn đề. Tới nay, vẫn còn 3 364 thuyền nhân Việt Nam ở Hồng Kông, trong đó chỉ có 1 213 người được coi là tỵ nạn chính trị và đang chờ được định cư ở một nước phương tây. Một phái đoàn chính phủ Việt Nam sẽ sang Hồng Kông trong tháng 2 này để thương thảo với Trung Quốc về việc hồi hương của những người còn lại. Những người này hiện ở trong một trong ba trại cuối cùng còn mở cửa trên bán đảo. Ông Peter Lai, trách nhiệm an ninh, cho rằng những người này phải trả tiền thuê nhà nếu muốn tiếp tục ở lại trại, và Liên Hiệp Quốc sẽ phải mất đến vài năm mới kiểm ra nơi cư trú cho những người tỵ nạn. Một số tổ chức nhân quyền phê bình chính sách của Hồng Kông. Họ cho rằng những người Việt này đã ở Hồng Kông hàng bao nhiêu năm nay đáng được quyền ở lại.

Tổng cộng 213 000 thuyền nhân Việt Nam đã ghé Hồng Kông, 144 000 người đã trải một thời gian dài trong các trại trước khi tìm được nước cho cư trú.

Việt Nam sẽ thiếu mưa trong năm 98 ?

Theo Tổng cục Khí Tượng Việt Nam ước đoán, mực mưa ở miền Trung, những vùng duyên hải và những vùng cao nguyên Việt Nam sẽ dưới trung bình khoảng 30 phần trăm. Còn ở miền Bắc, thì mực mưa có thể dưới 20 phần trăm so với trung bình. Điều đáng lo ngại là thiếu mưa sẽ dẫn đến đồng bị mặn, đặc biệt ở đồng bằng sông Cửu Long và các vùng duyên hải.

Mặt khác, Tổng công ty điện lực dự báo năm 1998 sẽ thiếu từ 700 triệu đến 1 tỷ kwh điện, nếu mùa khô kéo dài.

Báo chí không đưa lý do vì sao thiếu mưa, song ai cũng nghĩ tới hiện tượng El Nino ảnh hưởng mạnh lên vùng Thái Bình dương. (Reuters 31.12.1997)

Tin Ngắn

• Công ty Nhật Nippon Sheet Glass Corp. (NSG) đã được phép đầu tư xây dựng một nhà máy sản xuất kính xây dựng ở Bà Rịa - Vũng Tàu. Nhà máy trị giá 145 triệu đôla, sẽ do NSG đầu tư 70 %, hợp tác với hai công ty Việt Nam, một của bộ xây dựng và một của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

• Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu gạo thứ hai trên thế giới, sau Thái Lan và vượt Mỹ, với 3,7 triệu tấn gạo xuất khẩu trong năm 1997, so với 5,2 triệu tấn của Thái và 2,8 triệu tấn của Mỹ. Tuy nhiên, do giá gạo giảm 40 đôla mỗi tấn, thu nhập của nông dân giảm đi so với năm 1996 chỉ xuất

có 3,05 triệu tấn. Mặt khác, do đồng tiền Thái phá giá, Việt Nam sẽ khó giữ được thành quả này trong năm 98. Năm 97 cũng là năm lần đầu tiên miền bắc đã thừa gạo ăn, còn xuất cảng được hơn 100 000 tấn.

- Một người Mỹ gốc Việt, có tên trong danh sách 10 tội nhân cần tìm nã nhất của FBI, đã bị công an Việt Nam bắt ngày 22.12 ở Bạc Liêu và dẫn độ về Mỹ. Đại sứ Peterson đã lên tiếng cảm ơn sự cộng tác này của chính quyền Việt Nam.

- Potucky, một làng nhỏ 350 dân của Tiệp gần Karlory Vary (Marienbad), và nhất là gần biên giới Đức, đã trở thành trù phú những năm gần đây nhờ sự phát triển của một chợ bán hàng Á Đông do người Việt ở Tiệp kinh doanh. Thuế thu ở những cửa hàng của chợ lên tới 40 lần thuế của dân làng đóng.

- Một viên đá ngọc rubi nặng 2,3 kg đã được công nhân Tổng công ty đá quý tìm thấy trong một mỏ đá ở Yên Bái vào cuối năm 1997. Công ty đã đề nghị nhà nước mua lại viên đá, giá trị ước lượng khoảng 2 triệu đôla.

- Theo **Thời báo Kinh tế Việt Nam**, bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thống kê khoảng 240 tai nạn lao động trong năm 1997, làm 316 người thiệt mạng và 97 người bị thương. Tờ báo ước tính hàng trăm tai nạn lao động khác không được khai báo và do đó không có trong thống kê. Năm 1996, 285 người đã thiệt mạng trong những tai nạn lao động được khai báo.

- Ngày 10.1, hải quân Việt Nam đã từ một boong-ke trên đảo Trường Sa nổ súng vào một nhóm thuyền chài Philippin đang kiếm hải sâm trên một hòn đảo san hô, làm bị thương một ngư phủ. Philippin đã lên tiếng phản đối “ *hành động không thân thiện* ” này.

- Bộ trưởng Fumio Kuyma là bộ trưởng quốc phòng đầu tiên của Nhật tới thăm chính thức Việt Nam, trong hai ngày 10-11.1 vừa qua. Ông Kuyma đã đề cập với tướng Phạm Văn Trà, bộ trưởng quốc phòng Việt Nam, việc phát triển quan hệ quân sự giữa hai nước, và đã mời tướng Trà sang thăm Nhật.

- Thủ tướng ngoại giao Đức Werner Hoyer đã đến Hà Nội cuối tháng 12.97 để thương lượng với Việt Nam về việc áp dụng hiệp định năm 1995 về việc đưa về nước khoảng 40 000 người Việt sống không giấy tờ hợp lệ ở Đức. Từ đó đến nay, 3500 người liên quan đã trở về Việt Nam.

- Vì mèo bị bắt làm thịt nhiều quá, trong năm qua tỉnh Thái Bình đã phải sử dụng tới 5 tấn thuốc giết chuột, phí tổn lên đến 100 000 đôla. Tỉnh đã cấm bán thịt mèo từ năm 1995, và đang vận động dân nuôi mèo để diệt chuột.

- Theo báo **Nhân Dân**, tai nạn xe cộ đã làm cho 5 680 người thiệt mạng, giảm nhẹ so với con số năm 1996 (5 900 người), nhưng số người bị thương lại tăng chút ít, lên đến gần 22 000 người. Khoảng 75 % tai nạn là do lái ẩu. Có khoảng 418 ngàn xe hơi chạy trên đường phố Việt Nam, tăng 12,3 % so với năm 96. Số xe gắn máy lên tới 5 triệu.

- Đại sứ Pete Peterson đã tìm được hạnh phúc mới với một phụ nữ Việt Nam quốc tịch Úc. Cô Vi Lê sinh ở Sài Gòn năm 1956, theo gia đình sang Úc năm 1957, trở lại Việt Nam năm 1981 làm đại diện cho ngân hàng Úc ANZ và hiện nay là phụ

trách thương mại tại đại sứ quán Úc ở Hà Nội. Đám cưới sẽ được tổ chức vào tháng 5 tới đây.

- Trong kỳ họp quốc hội tháng 12, chính phủ đã cho biết sẽ xét lại quyết định gọi là “ *tăng lương giáo viên* ” mà hiệu quả thực tế là giảm thu nhập của phần lớn các thầy cô (xem ĐĐ tháng 1.98). Chính phủ đã đổ lỗi cho “ *bộ phận tham mưu (ban tổ chức chính phủ và bộ lao động) làm không kỹ, do đó có bất hợp lý* ”.

- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định dẹp chợ hoa Tết ở đường Nguyễn Huệ và đưa đến một địa điểm khác ở công viên Bạch Đằng (từ cầu Khánh Hội đến Ba Sơn). Mặc dù dư luận, kể cả trong các cơ quan chính quyền bày tỏ sự không đồng tình (xem ĐĐ tháng 1.98), chủ tịch Võ Viết Thanh đã từ chối thay đổi quyết định nói trên.

- Trong vụ án Tamexco, tòa án tối cao đã bác đơn của ba ông Phạm Huy Phước, Lê Đức Cảnh và Trần Quang Vinh xin hoãn thi hành án tử hình để có thể khai thêm về nhân sự có liên quan đến vụ án Tamexco. Bản án tử hình đối với ba can phạm đã được thi hành ngay sau đó. Được biết là tổng số nợ của Tamexco để lại là 323,5 tỉ đồng và 814 nghìn đô la.

- Theo tính toán của Chương trình vì phát triển của Liên hiệp quốc PNUD, người nông dân Việt nam chỉ hưởng được 16 % lợi nhuận do hoạt động sản xuất gạo của họ sinh ra. Phần lợi nhuận còn lại thuộc về các tác nhân làm trung gian : công ty quốc doanh thu mua (44%), người bán buôn (16 %), người bán lẻ (9 %), người xuất khẩu (15 %).

- Theo tổng cục du lịch, năm 1997 số khách quốc tế vào Việt Nam là khoảng 1,7 triệu người, tăng 6 % so với năm trước. Dự báo của tổng cục cho năm 1998 là 1,9 triệu khách quốc tế. Tuy nhiên, Hãng không Việt Nam cho biết số khách năm 97 không tăng so với 96, và hãng hàng không KLM (Hà Lan) đã tạm ngưng các chuyến bay sang VN, vì thiếu khách.

- Làng trẻ em Việt Nam SOS (SKI), Dịch vụ tình nguyện hải ngoại Anh (VSO) và Hội đồng dân số Mỹ (PCA) là ba tổ chức phi chính phủ vừa mở văn phòng đại diện ở Hà Nội. Tính đến nay, có 39 tổ chức phi chính phủ nước ngoài được chính phủ cho lập văn phòng đại diện ở Việt Nam.

- 16 000 vụ buôn lậu đã bị khám phá trong năm 1997, tăng 28 % so với năm trước. Trị giá hàng buôn lậu lên tới 44 triệu đô la, tăng 43,5 %. Hải quan đã bắt được 77,8 ki lô thuốc phiện, 7 tấn ma túy, 0,8 ki lô heroin, 375 đồ cổ, 54 ki lô thuốc nổ và một số lớn sách báo cấm.

- Ủy ban SIDA Việt nam cho biết số người bị nhiễm vi khuẩn Sida (HIV) lên tới 7819 người, trong số đó có 3054 người được khám nghiệm năm 1997, và trải ra 57 tỉnh trên 61 tỉnh của cả nước. 1159 người bị nhiễm HIV đã trở bệnh và 620 người đã qua đời. Những người bị nhiễm ở lứa tuổi 15-49, phần đông thuộc diện ghiền ma túy.

- Bộ chính trị đảng CSVN vừa ra một chỉ thị nhằm chống lãng phí và các hiện tượng tiêu cực trong “ tang, chay, hiếu hỉ ”. Chỉ thị giao cho các cấp uỷ nghiên cứu những “ nghi thức thích hợp ” về các chuyện hiếu hỉ này, và phải “ phạt nặng ” những người vi phạm !

Trần Phú, Lê Hồng Phong... Đặng Xuân Khu, Lê Duẩn... Lê Khả Phiêu. Thế là tướng Phiêu đã được cử làm tổng bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam vào đúng dịp sinh nhật 66 tuổi để thay thế ông Đỗ Mười đã ngoại bát tuần. Ở câu lạc bộ Ba Đình, Hà Nội (nơi gặp gỡ của các cán bộ trung/cao cấp về hưu), người ta thường dùng hai chữ *Hậu Lê* để nói tới thời kỳ ông Lê Duẩn làm tổng bí thư (và ông Lê Đức Thọ nắm bộ máy). Với tổng bí thư mới, lại là một ông tướng — tuy là tướng chính trị : binh nghiệp 40 năm của ông Phiêu bắt đầu từ chính trị viên đại đội rồi lên tới thượng tướng, chủ nhiệm Tổng cục chính trị — người ta tự hỏi : đây là thời *Lê mặt* hay *Lê Trung hưng* ?

Có khiên cưỡng quá chăng khi người ta liên tưởng chính

chữ và nghĩa

nó nghĩ

Đọc tin ông Phạm Văn Đồng (và hai ông Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công) nghỉ làm cố vấn Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản, tôi muốn đề nghị với tổng biên tập đặt tựa đề như vậy : *Nó nghĩ*.

Tôi không thuộc loại người mà bà con ở Cali vẫn gọi là “ *chống Cộng đến chiều* ”, nghĩ tới ông Đồng là tưởng tượng ra bức tranh biếm họa răng vẩu, môi vều... Đối với tôi, ông là một trong những nhà lãnh đạo có văn hoá, có trí tuệ. Đáng tiếc chẳng là mấy chục năm làm thủ tướng, dường như quyền hành của ông chẳng có mấy, nên chỉ những ý tốt của ông dường như không đi xa hơn những lời nói. Thôi thì lời nói cũng quý, miễn là nó xuất phát từ thực tâm.

Hè vừa qua, ông lên tiếng kêu gọi mở rộng dân chủ. Ở cái tuổi gần đất xa trời, ở vị trí không còn gì để mất, tôi nghĩ đây là một lời thành tâm. Còn một câu nói khác của ông, đã lâu rồi, mà ít người biết. Cách đây khoảng ba chục năm, tại một hội nghị ngôn ngữ học, có người nhận xét tiếng Việt giàu đẹp thật, nhưng không có những đại từ nhân xưng ngôi thứ hai và ngôi thứ ba như tu/vous, il(s)/elle(s) của tiếng Pháp, nhĩ (môn), tha (môn) của tiếng Trung Hoa (vốn là thứ ngôn ngữ phong kiến gặp mấy lần tiếng ta), nên trong sự xưng hô, vẫn cứ phải dùng những *anh, chị, em, ông, bà, chú, bác, cô, chú, mày, thằng/con (kia, ấy), đồng chí...* (chữ này đang xuống giá, thì lại lam phát chữ *ngài*), thân mật, kính nể hay khinh miệt, không *trung tính* (neutre) một chút nào, gắn liền với tôn ti trật tự, ngôi thứ trên dưới, làm cho ngôn ngữ đối thoại không tạo ra được sự bình đẳng của quan hệ dân chủ. Có mặt trong cuộc họp, (nghe nói) ông Đồng đã gio hai tay lên trời (dường như là thói quen của ông, tỏ ý bất lực, hoặc than vãn) và nói : “ *Bao giờ chúng ta mới nó hoá được tiếng Việt !* ”.

Tôi nghĩ đây là một câu nói chí lý. Và cảm tình của tôi đối với ông một phần cũng xuất phát từ câu nói ấy. Cho nên, ngày nay, khi nghe tin ông rời khỏi chính trường, tôi muốn có thể nói một cách an nhiên : *Nó nghĩ*.

Kiến Văn

quyền hiện nay với thời phong kiến ? Không, ít nhất nếu ta xét sự việc ở cấp độ văn hoá xã hội. Từ vài năm nay, song song với sự thăng tiến khá nhanh của ông Phiêu, trong dân gian có lời đồn “ *kỳ lân xuất hiện ở Thanh Hoá* ” báo hiệu minh chúa giáng trần. Đất Thanh, như mọi người đều biết, là nơi thiếu gạo nhưng thừa vua lắm-chúa, đã sản sinh ra những Lê Lợi, Trịnh Kiểm, Nguyễn Hoàng... (gần đây, có thêm ông vua Hà Trọng Hoà trong *Cái đêm hôm ấy đêm gì* của Phùng Gia Lộc) cũng lại là sinh quán của thượng tướng Lê Khả Phiêu. Lời đồn ấy, chắc chắn không phải do chính ông tung ra : ông chẳng đại gì mà làm như vậy (nghe nói tướng Đoàn Khuê không được cử làm chủ tịch thay tướng Lê Đức Anh cũng vì mùa xuân năm ngoái, hội kiến với tổng thống Pháp ở Paris, ông đã buột miệng hẹn gặp ông Chirac ở Hà Nội vào tháng 11). Song có lẽ nó không phải là một lời đồn tự phát, nếu ta biết rằng, năm kia, tướng Lê Khả Phiêu đã chủ trì một cuộc tế lễ linh đình ở... đền Vua Lê.

Sự thay thế tổng bí thư Đỗ Mười đã diễn ra khá chậm trễ và trắc trở. Lẽ ra, việc này phải thực hiện tại Đại hội VIII của ĐCS (tháng 6-96), cùng với việc thay thế hai nhân vật số 2 và 3 của ĐCS là chủ tịch Lê Đức Anh và thủ tướng Võ Văn Kiệt. Song, như mọi người còn nhớ, giữa năm 1996, số phiếu thăm dò dành cho tướng Phiêu cũng chỉ trôm trèm số phiếu dành cho ông Nông Đức Mạnh. Rồi một năm sau, người ta lại đưa tên ông Nguyễn Văn An, trưởng ban Tổ chức Trung ương, với sự ủng hộ của những thế lực khá mạnh trong quân đội, chứng tỏ uy tín của tướng Phiêu không phải là lớn lao gì ngay trong nội bộ đảng.

Đúng như nhiều nhà quan sát đã nhận định, tướng Phiêu đã giành lại thế thượng phong từ mùa hè năm 1997, chính là nhờ những cuộc biểu tình và đấu tranh của nhân dân tỉnh Thái Bình (có người nói thêm : và cũng nhờ đó mà ông Phạm Thế Duyệt, phụ trách dân vận, lại được cử vào Ban thường vụ Bộ chính trị).

Sự kiện Thái Bình quả đã làm đảo lộn nhân quan của nhiều người, trước tiên là của giới cầm quyền : nó bất ngờ mà không bất ngờ. Không bất ngờ vì đã từ mấy năm nay, sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị đã trở nên hiển nhiên và ngày càng đậm nét, nông dân không những trở thành đa số bị bỏ rơi của kinh tế thị trường, mà còn bị bóc lột, bòn rút một cách trực tiếp và lộ liễu (trong khi các tập đoàn ở cấp tỉnh và trung ương làm giàu bằng biển thủ của công và buôn bán quyền lực thì ở cấp xã, cán bộ vơ vét từ ngay túi tiền của nông dân : đơn từ khiếu nại của nông dân các nơi đã chônng chất từ mấy năm nay). Bất ngờ, vì nó đã diễn ra tại một tỉnh không phải là nghèo nhất của miền Bắc (năng suất lúa ở Thái Bình thuộc loại cao nhất đồng bằng sông Hồng). Bất ngờ hơn nữa ở quy mô, diễn biến của cuộc đấu tranh, và nhất là ở trình độ của nông dân. Cả một tỉnh đấu tranh, từng bước đưa ra những khẩu hiệu cụ thể, đúng mức, kiên quyết mà không quá khích, nhịp nhàng như một dàn nhạc giao hưởng mà tuyệt đối lại không có nhạc trưởng (như ban đầu chính quyền tỉnh đã báo cáo để xin trung ương thẳng tay đàn áp). Nếu phải so sánh Thái Bình với một dàn nhạc, có lẽ nên so sánh nó với một ban nhạc jazz, không có nhạc trưởng, khi thì trompette ra nhịp, lúc thì bộ gõ cầm trịch : một làng khởi xướng thì các xã, các huyện hưởng ứng, và sự phối hợp được

Khả năng phiêu lưu của sức ì

*Cái quay búng sẵn trên trời
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm*
NGUYỄN GIA THIỀU

những cán bộ, sĩ quan về hưu đảm nhiệm một cách trí lược.

Sự kiện Thái Bình biểu lộ rõ một điều nghịch lý : nông thôn, chỗ dựa xã hội mạnh mẽ nhất của ĐCS, lại là chỗ yếu cơ bản của chế độ. Chính chỗ yếu này, trở trêu thay, đã tạo thế mạnh cho tướng Lê Khả Phiêu.

Các nhà bình luận phương Tây, và cùng nhip với họ, khá nhiều báo chí Việt ngữ hải ngoại, đặc tả tướng Phiêu bằng hai nét : (1) ông là đại diện của thể lực quân đội (đây là lần đầu tiên, một tướng lãnh đứng đầu ĐCSVN, lại vào lúc ở khu vực Đông Á và Đông Nam Á, các tướng lãnh lần lượt phải nhường chỗ cho những nhân vật dân sự, thậm chí dân cử) ; (2) ông là một nhân vật bảo thủ (các bài diễn văn của tướng Phiêu, từ nhiều năm nay, đều nhấn mạnh nguy cơ *diễn biến hoà bình*).

Có lẽ chính vì vậy mà trước và sau khi được đề cử, ông đã tìm cách làm thay đổi hình ảnh ấy. Gặp gỡ các nhà đầu tư ngoại quốc để nhấn mạnh ý muốn tiếp tục đổi mới, mở cửa. Đáng chú ý hơn : năm ngoái, ông đã hai lần gặp ông Hoàng Minh Chính (người vừa bị giam thêm một năm tù vì tội " tán phát tài liệu chống chế độ ") và ngồi yên nghe ông Chính trình bày dự án họp một " hội nghị Diên Hồng " để dân chủ hoá. Đó là những cử chỉ thông điệp thuần tuý nhằm sửa đổi hình ảnh, hay ít nhiều biểu lộ ý muốn tìm ra một lối thoát vừa đáp ứng đòi hỏi khách quan của tình hình đất nước, vừa bảo đảm vị trí của ĐCS ?

Kinh nghiệm các nước trong khối xã hội chủ nghĩa nửa thế kỷ vừa qua cho thấy còn quá sớm để trả lời câu hỏi đó.

Lịch sử thời kỳ cầm quyền của ĐCSVN cũng cho thấy, do thiếu vắng những nhân vật bản lĩnh và tầm cỡ, các cuộc cải cách (như cuộc đổi mới năm 86) không do một chính sách chủ động, sáng tạo, mà đều là kết quả những đòi hỏi bức bách của tình hình nội bộ và sức ép của tình hình quốc tế.

Bước sang năm Mậu Dần 1998, Việt Nam lại đứng trước một tình hình như vậy. Bên trong, tác động tích cực của cuộc đổi mới năm 86 đã hết hiệu lực, trong khi những tác động tiêu cực (như nạn tham nhũng, thực ra không phải là hệ quả của sự đổi mới, mà nảy sinh từ sự độc quyền trong khuôn khổ của một nhà nước chưa có pháp quyền) thì ngày càng trầm trọng. Bên ngoài, sức ép của các tổ chức quốc tế như Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế, cũng như cuộc khủng hoảng tài chính ở Đông Nam Á và Đông Á, càng đòi hỏi Việt Nam phải nhanh chóng tiến hành những cải tổ thực chất. Đầu tiên là cải cách hệ thống ngân hàng, dứt khoát cải tổ khu vực kinh tế quốc doanh, giải phóng các lực lượng sản xuất để nền kinh tế quốc dân có đủ nội lực cạnh tranh với các nước trong khu vực, cách duy nhất để hạn chế tác hại của cuộc khủng

hoảng châu Á. Nhưng bài học ở các nước châu Á (đặc biệt ở Thái Lan, Nam Hàn và Indonesia) còn vạch rõ tính chất huyền hoặc của cái gọi là " mô hình châu Á " và cho thấy tất cả sự tai hại của chế độ tập đoàn trị (bất luận màu áo chính trị của chúng, bất luận hình thức gia đình trị như ở Indonesia, hay hình thức những chaebol Nam Hàn). Những sự kiện ở Thái Bình, Đồng Nai, và khả năng tiềm ẩn ở khắp các vùng nông thôn càng chứng tỏ rằng dân chủ hoá không phải là một đòi hỏi không tưởng của những người bị ảnh hưởng phương Tây, cũng không phải là chiêu bài của phe tu bản nhằm tằm thực chính quyền ở Việt Nam, mà đó là một nhu cầu bức thiết của xã hội Việt Nam, ngay từ đằng sau các luỹ tre làng, là nơi xa lạ nhất với văn hoá chính trị Tây phương.

Tổng bí thư Lê Khả Phiêu, trong bài phát biểu kết thúc hội nghị Trung ương, đã nhấn mạnh đến " nội lực ". Nếu đó không phải là một cách nói mới để xào xáo một quan niệm cũ (tự lực cánh sinh...) thì đúng là một từ then chốt : nền kinh tế Việt Nam phải bồi dưỡng nội lực của nó bằng cách giải phóng mọi lực lượng sản xuất (kể cả lực lượng quốc doanh), xã hội Việt Nam chỉ tìm được và tăng cường nội lực của mình bằng một sự đồng thuận mới.

Đảng cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh để bước vào con đường cải tổ thực chất đó chăng, hay một lần nữa, bộ máy cầm quyền vẫn sẽ chỉ hành động theo quán tính, mà sợ hãi không đúng đối tượng càng làm tăng phần ù lỳ tai hại ?

Đó là câu hỏi đặt ra từ nhiều năm nay. Song năm 1998 này dường như là một kỳ hạn không thể trì hoãn để trả lời dứt khoát.

Phong Quang

Dans le cycle *Les soirées romantiques*
de l'**Orchestre national de pays de la Loire**
sous la direction de **Hubert Soudant**,
TOURNEE DE CONCERTS
ĐẶNG THÁI SƠN
consacrés entièrement à **CHOPIN**
du 18 au 29 mars 1998

Au programme : Valses *Les Sylphides* (orchestre), *Barcarolle en da dièse majeur*, op.60 (piano seul), *Trois mazurkas*, op.50 (piano seul), *Andante Spianato et Grande Polonaise brillante pour piano et orchestre en mi bémol majeur*, op.22, *Concerto n°1 en mi mineur*, op.11.

CALENDRIER

Jeudi 19 mars, de 16 à 20h30 : Le Mans (*Palais des Congrès*)
Vendredi 20 mars, à 20h30 : Saumur (*Théâtre*)
Samedi 21 mars : Le Lude
Dimanche 22 mars, à 17h30 : Angers (*Centre des Congrès*)
Mardi 24 mars, à 20h30 : Nantes (*Cité des Congrès*)
Mercredi 25 mars, à 20h30 : Nantes (*Cité des Congrès*)
Jeudi 26 mars, à 20h30 : Angers (*Centre des Congrès*)
Samedi 28 mars : lieu à déterminer (en option)
Dimanche 29 mars, à 17h : Laval (*Salle Polyvalente*)

Từ khủng hoảng tài chính Á Đông vài suy tư về ta

bùì mông hùìng

Con lốc khủng hoảng

Năm con trâu 1997, mở màn một cuộc khủng hoảng không đoán trước. Khủng hoảng trầm trọng, kéo dài. Hậu quả chưa lường hết được.

Khởi đầu ở Thái Lan, nền kinh tế vừa rung rinh vì bong bóng đầu cơ nhà đất bụp nổ, hệ thống ngân hàng siêng niêng, lộ những yếu kém trầm trọng. Sức cạnh tranh lại đang sa sút : nợ nước ngoài đến nghẹt thở, mỗi ngày mỗi phải vay ngắn hạn ngoại tệ nhiều hơn lên để trang trải các món nợ đáo hạn. Thấy rằng đồng bạt không sao tránh khỏi mất giá, đầu cơ bắt đầu công kích tiền Thái từ tháng giêng, tháng hai.

Đến cuối tháng 6, chính quyền Thái Lan hết phương chống đỡ cho đồng tiền của mình. Mùng 2 tháng 7, tuyên bố thả nổi đồng bạt, kêu gọi sự " cứu trợ kỹ thuật " của Quỹ tiền tệ quốc tế (FMI). Tức khắc tiền Thái Lan mất giá 20 % so với đồng US đôla.

Đầu cơ ào ra tấn công đồng tiền các nước trong vùng, Philipin, Mã Lai, Nam Dương. Ngân hàng Philipin tung ngoại tệ dự trữ ra can thiệp đồng thời nâng lãi suất từng ngày lên tới 24 %. Nhưng rồi cũng không kham nổi ; 11. 7 chính phủ Philipin cầu cứu FMI. 14 tháng 7, Quỹ tiền tệ thế giới đưa chương trình cứu trợ 1,1 tỷ đôla.

11 tháng 8, FMI công bố chương trình cứu cấp Thái Lan, cho vay 17,5 tỷ đô la. Không đủ để lấy lại lòng tin của giới đầu tư. Tiền tệ các nước trong khu vực tiếp tục mất giá.

13 tháng 8 Indônêxia thả trôi đồng rupi. Đầu tháng 9, đồng peso Philipin, đồng ringgit Mã Lai tuột xuống mức thấp lịch sử chưa từng thấy. 8 tháng 10, Indônêxia cầu cứu FMI.

Từ 20 đến 23 tháng 10, thị trường chứng khoán Hồng Kông bị công kích dữ dội, thị giá chứng khoán mất 25 %. Nhà cầm quyền tiền tệ phải nâng lãi suất vọt lên, tỷ suất lãi từng ngày có lúc tới 30 %, để tỏ ý chỉ bảo vệ đồng tiền của mình với bất cứ giá nào.

Khủng hoảng lan qua Hàn quốc, quốc gia mới gia nhập OCDE (Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế) câu lạc bộ của những nước giàu có nhất hoàn cầu. Cường quốc kinh tế thứ nhì ở Á châu, thứ 11 trên thế giới, không đủ sức trang trải nợ đáo hạn. Đầu tháng 12 phải chấp nhận chương trình cấp cứu 57 tỷ đôla của Quỹ tiền tệ quốc tế.

Hàn quốc quỵ xuống, thế giới rung chuyển với trận bão tài chính Đông Nam Á.

Vòng luẩn quẩn quái đản

Con lốc khủng hoảng đánh tan hào quang bao quanh rờng, cộp Á Đông. Chúng ta cùng nhau tìm hiểu nguồn cơn. Dĩ nhiên là rất sơ lược.

Các rờng, cộp kinh tế Á Đông trong mấy năm gần đây

kinh tế phát triển tốc độ cao nhờ vào xuất khẩu. Vốn đầu tư nước ngoài là mạch máu thiết yếu cho cuộc phát triển gia tốc này. Suốt nhiều năm, giới đầu tư quốc tế rót vốn vào các nước Á Đông. Họ yên tâm vì hối suất với đồng US đôla được cố định, lãi suất cao hơn ở Hoa Kỳ. Từng tỷ từng tỷ đôla nối đuôi nhau mà tuôn vào. Những số tiền khổng lồ ấy có đáp ứng nhu cầu thật sự hay chẳng, vấn đề không đặt ra.

Và, hệ thống ngân hàng Thái Lan cũng như Indônêxia, Mã Lai, Philipin sống trong một thị trường tín dụng tăng nhanh, mỗi năm từ 20 đến 30 %, nhanh hơn tỷ số phát triển công nghiệp và thương mại, cao hơn tỷ số phát triển tiết kiệm bản xứ. Luồng vốn nước ngoài trở nên nguồn tài chính ngày càng quan trọng.

Trong những năm ấy, phát triển tín dụng lại là do đầu tư nhà đất kéo lên. Thủ tục ước lượng độ rủi ro rất sơ lược, dựa vào thế chấp tài sản là chính mà định giá thường quá cao. Chưa kể đến những món cho vay vì quan hệ bè phái, vì người có quyền có thể gỡ gắm. Tổng số nợ lên đến 150 % tổng sản lượng quốc nội (GDP) ở Thái Lan, 170 % ở Mã Lai. Hệ thống tài chính, ngân hàng bấp bênh.

Tuy nhiên, xuất khẩu còn mạnh, còn nguồn ngoại tệ vào, còn có được lợi nhuận tương lai để trám vào chỗ nợ phải trả trước mắt, thì còn đà chạy tới.

Đùng một cái, trong hai năm 1995 - 96 đồng US đôla lên giá, tiền Á Đông lên theo vì mối quan hệ hối suất cố định, hàng xuất trở nên cao giá khó bán, xuất khẩu chững lại.

Cái vòng luẩn quẩn xuống dốc bắt đầu. Bán ra không được, thiếu ngoại tệ, nợ đến kỳ phải có tiền để trả, không thể không đi vay ngoại tệ. Tỷ suất hối đoái cố định mất rồi, muốn hút tiền nước ngoài chỉ còn cách nâng lãi suất. Cứ thế, nợ lãi nợ vốn chồng lên nhau, xí nghiệp không sức trả, ngân hàng bị cuốn theo...

Thấy nguy cơ vỡ nợ đến nơi, các nhà đầu tư bán chạy cổ phiếu, bán đồ bán tháo tiền tệ địa phương, cốt sao rút vốn chạy, đi đầu tư nơi khác. Thị giá chứng khoán cứ thế mà tuột xuống mức tận cùng. Xí nghiệp, ngân hàng nối đuôi nhau mà phá sản...

Khủng hoảng tài chính. Không thể chối cãi. Nhưng phải chăng đó chỉ mặt nổi, biểu lộ sự kiện mô hình kinh tế của rờng, cộp kinh tế Á Đông đã đến lúc hết thời ?

Bàn chân đất sét của người khổng lồ

Cuối 1994, đầu 95, Mễ Tây Cơ rơi vào nguy cơ vỡ nợ, thế giới lo ngại. Nhưng rồi chương trình cứu trợ của FMI với 50 tỷ US đôla kéo lại được lòng tin của giới đầu tư. Và, khá mau Mễ Tây Cơ vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính.

Phen này, khi FMI công bố chương trình cấp cứu Thái Lan với trên 17 tỷ đôla hồi đầu tháng 8, dư luận chờ đợi là khủng hoảng phải ngừng. Như đã được thấy ở Mễ Tây Cơ.

Nhưng cứ thấy giới đầu tư tiếp tục rút chạy : Thái Lan, Indônêxia, rồi đến Hàn quốc... Mặc dù, nhìn lại chương trình cứu trợ của FMI trong khu vực, Thái Lan 17 tỷ, Indônêxia 30 tỷ, Hàn quốc 55 tỷ, cộng chung lại thì đã gấp đôi con số 50 tỷ cho Mễ Tây Cơ...

Lý do là giới đầu tư quốc tế lo ngại. Một trong những lý do chính là họ đã mất lòng tin vào mô hình kinh tế Á Đông.

Đã đến lúc mô hình này mất hiệu nghiệm ?

Một số tập đoàn xí nghiệp khổng lồ (chaebol) Hàn quốc bị phá sản liên tiếp. Hanbo, tiếp theo là Sammi rồi Jinro, rồi Kia. Khi ấy mới vỡ lẽ ra rằng sau lưng cuộc phát triển vượt bậc của kinh tế Hàn quốc là cái vực thẳm nợ nần. Trung bình các tập đoàn nợ bằng ba đến năm lần số vốn tự có.

Chẳng phải nền công nghiệp Hàn quốc xây dựng trên cát dẫu. Với sản lượng 43 triệu tấn sắt thép Hàn quốc sắp qua mặt Đức lên đứng hàng thứ năm trên thế giới, và công nghiệp đóng tàu đã chẳng chịu nhường Nhật Bản.

Tuy nhiên, trong cấu trúc kinh tế tiềm tàng những điểm yếu đáng ngại bắt nguồn từ cung cách phát triển.

Các tập đoàn lao tới trước mà phát triển. Trút lợi nhuận vào đầu tư, vo vét thêm vốn nước ngoài. Cốt sao mở rộng tầm vóc chiếm lĩnh thêm thị trường mới. Tập đoàn Hyundai chẳng hạn, vừa nhắm tới địa vị số một trên thế giới về sản xuất xe hơi vừa đầu tư 6 tỷ đôla vào công nghiệp sắt thép.

Chính cung cách phát triển này đã làm nên phép lạ rồng Hàn quốc. Nhưng phải nói rằng thể hiện được là có sự kết cấu giữa chính quyền – ngân hàng – xí nghiệp.

Chính quyền độc đoán, nắm ngân hàng làm máy bơm tài chính cho tập đoàn xí nghiệp. Chủ nhân ông các tập đoàn này là những nhóm gia đình cha truyền con nối liên đới với chính quyền. Mô hình đã huy động được sức người, sức của, vốn trong và ngoài nước để phát triển kinh tế, mạnh và nhanh.

Mạnh là đấy. Và yếu cũng ở đấy.

Các chaebol cứ việc lao vào phát triển. Vốn, tiền, cần đến đã có chính quyền thúc ngân hàng cho vay. Trong điều kiện ấy hiệu suất đầu tư không phải là vấn đề hàng đầu, vì vậy mà tương đối thấp. Chiến lược cốt nhằm phát triển rộng về lượng. Cứ vay để mà phát triển, chẳng nghĩ đến dự trữ phòng khi bất trắc. Đem lợi nhuận ngày mai mà trả nợ hôm nay.

Bộ máy đang chạy ngon lành bỗng trục trặc. Doanh nghiệp Hàn quốc đuối sức cạnh tranh trong thị trường toàn cầu hoá, mức lương tăng nhanh trong mấy năm qua lại gặp phải đồng yen xuống giá, hàng cao cấp Hàn quốc không tranh nổi với hàng tương đương của Nhật, trong khi thị trường các mặt hàng ít giá trị thêm vào lại bị các nước mới tấn lên lấn chiếm. Xuất khẩu sút đi, phát triển chững lại.

Tầm vóc các tập đoàn cồng kềnh, phản ứng nhanh không nổi, hiệu suất đầu tư thấp, khả năng sản xuất lại dư thừa vì chiến lược phát triển về lượng. Hong Ki-seik, chuyên gia kinh tế Viện phát triển Hàn quốc nhận định “ *Các chaebol hầu như không còn làm ra lãi nữa...* ”. Nợ chồng chất thêm lên.

Tuy vậy, ngân hàng cứ nhắm mắt cho vay. Vì áp lực chính quyền, và cũng vì hối lộ hậu hĩ; trường hợp tập đoàn Hanbo phá sản hồi tháng giêng 1997 với số nợ 6 tỷ đôla cho thấy sự thông đồng giữa chính quyền, ngân hàng và tập đoàn. Với những lạm đi kèm theo.

Trước khi khủng hoảng xảy ra, giới ngân hàng tin rằng chính quyền không để cho một chaebol nào phá sản. Nhưng rồi không đủ sức, chính quyền buộc phải phó mặc cho

các tập đoàn xoay trở với qui luật thị trường.

Một loạt chaebol sụp đổ, hệ thống ngân hàng chới với trước số nợ khổng lồ. Năm 1995, tổng số nợ các xí nghiệp lên tới 323 tỷ đôla bằng 70 % tổng sản lượng trong nước (GDP). Ngân hàng không còn sức chi trả, tổng số tiền cho vay không đòi lại được ước là 20 tỷ đôla, bằng 17 % dư nợ.

Nhìn lại, vai trò giám hộ của chính quyền trong mô hình kinh tế rồng Á Đông có phần tích cực cho phát triển kinh tế.

Cũng lại chính vì sự giám hộ ấy mà cả hệ thống doanh nghiệp lẫn hệ thống ngân hàng đều tiềm tàng những điểm yếu tai hại. Tập đoàn doanh nghiệp có thể là vĩ đại nhưng bản chân là đất sét, hiệu suất đầu tư thấp, không vốn dự phòng, quỳ gục ngay khi vấp bước trong thị trường toàn cầu hoá. Hệ thống ngân hàng èo uột vì bao lâu gò bó trong vai trò phân phát tín dụng theo ý muốn của chính quyền...

Doanh nghiệp yếu, ngân hàng yếu, chính quyền lúng túng như gà mắc tóc trước cuộc khủng hoảng, phần nào chính vì liên hệ nhùng nhằng với doanh nghiệp, với ngân hàng.

Jwa Sung-hee chủ tịch Viện nghiên cứu kinh tế của Liên đoàn công nghiệp Hàn quốc, tổ chức tự hội chủ nhân 400 doanh nghiệp hàng đầu, đề quyết rằng mô hình kinh tế kết cấu chính quyền – xí nghiệp – ngân hàng “ *đã đưa đất nước đến bên bờ phá sản* ”.

Khủng hoảng của một mô hình ?

Cái mô hình ấy là phổ biến trong các rồng, cạp Đông Nam Á hiện đang lâm vào khủng hoảng, nhiều nước gần như phá sản, không thể tự mình cứu lấy mình. Phải vay tiền Quỹ tiền tệ thế giới.

Ai phải trả đây ?

Hôm sau ngày Hàn quốc cúi đầu chấp nhận chương trình cứu trợ của Quỹ tiền tệ thế giới, hàng nghìn người xuống đường ở Seoul tay cầm tấm bảng ghi ba chữ IMF. Ba chữ đầu của International Monetary Fund – Quỹ tiền tệ quốc tế bằng tiếng Anh – thêm ghi chú bằng mực đỏ rằng “ *I'M Fired* ”, tôi bị đuổi việc.

Người phải trả giá đắt trước tiên là người lao động. Năm 1998, Hàn quốc dự tính có thêm 1, 5 triệu người thất nghiệp, Thái Lan thêm 1 triệu, Indônêxia thêm 2 triệu người mất việc từ ngày khủng hoảng tới nay và ước lượng 1998 có thêm 3 triệu người. Sau người lao động là người dân. Thất lưng buộc bụng góp trả cái món nợ khổng lồ chẳng phải mình gây nên.

Phát triển chững lại, đời sống đắt đỏ lên, nạn thất nghiệp gia tăng, có nguy cơ xáo động xã hội...

Công nhân Hàn quốc biểu tình phản đối xí nghiệp thải người. Viện cơ không có lý gì mà họ là kẻ phải chịu thiệt vì cái lỗi quản lý phiêu lưu của các chaebol. Ở Indônêxia, quần chúng cướp phá cửa hàng vì giá cả tăng quá mau...

Vấn đề chính trị, vấn đề xã hội đi liền kề với nhau. Dân Hàn quốc bầu Kim Dae-jung – kẻ đối lập từng bị chính quyền kết án tử hình – lên làm tổng thống. Ở Indônêxia tổng thống Suharto lại ra ứng cử. Chắc là ông sẽ lại đắc cử. Nhưng điều đó không ngăn cản thời kỳ hậu-Suharto đã bắt đầu.

Cuộc khủng hoảng tiền tệ và tài chính Á Đông này nặng nề kích thước kinh tế, xã hội, chính trị. Không mặt nào sẽ tiếp tục như cũ được nữa. Một giai đoạn đã qua. Đau đớn, nhưng bổ ích, nếu đây là những khủng hoảng trong lớn khôn của cả khu vực.

Nhìn lại Việt Nam

1. Ta có khác... Kinh tế Việt Nam cũng như Trung Quốc không bị cuộc khủng hoảng tiền tệ-tài chính quất thẳng vào mặt như nhiều nước trong khu vực.

Hệ tài chính hai nước tương đối khép, thị trường chứng khoán Trung Quốc chỉ bằng 15 % GDP, Việt Nam thì hoàn toàn chưa có thị trường chứng khoán. Vốn đầu tư nước ngoài ở trong dạng đầu tư trực tiếp, không thể giờ trước giờ sau rút chạy ò ạt như tín dụng trong thị trường chứng khoán như ta thấy ở các nước khác.

Nhưng nguy cơ đe dọa. Cho xuất khẩu, cho đầu tư nước ngoài, hai đòn bẩy chính cho phát triển kinh tế của ta. Phát triển chắc chắn phải chững lại.

Vũ Quang Việt đã góp ý làm gì để kinh tế Việt Nam không bị khủng hoảng trong bối cảnh kinh tế Đông Nam Á (D.Đ. số 70, 1.98, tr. 11- 14). Bài này bàn về một vài khía cạnh khác.

2. Kinh tế có dấu hiệu đuối hơi... Trong năm 1977 tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở mức thấp nhất từ ba năm nay, 12,8 % trong chín tháng đầu năm, cao lắm thì chỉ được 13,5 % trong cả năm, sụt so với tỷ số 14,1 % năm 1996 và không thể đạt 14 % như dự kiến. Tiêu dùng chững lại, hàng hoá ứ đọng. Theo Ngân hàng thế giới, đầu tư nước ngoài thực hiện năm 1996 với 1,8 tỷ đôla sụt 18 % so năm trước. 1997 có khá hơn 1996 một chút nhưng còn thấp so với 1995.

Những dấu hiệu kinh tế Việt Nam đã có bước ngoặt ngay trước cuộc khủng hoảng (Hải Vân, D.Đ. số 68, 11.97, tr. 9). Đó là gì nếu không là triệu chứng mô hình kinh tế hiện hành đã đuối hơi.

Chính là lúc cần suy gẫm một vài bài học nóng hổi từ cuộc khủng hoảng tài chính trong khu vực .

Vấn đề sức cạnh tranh của doanh nghiệp

Một vấn đề hàng đầu của kinh tế Việt Nam. Andrew Steer, đại diện Ngân hàng thế giới tại Việt Nam nhận định “ *Vấn đề mấu chốt là làm thế nào để các xí nghiệp quốc doanh năng động hơn, hiệu quả hơn, có đầu óc kinh doanh hơn trong cạnh tranh thị trường khốc liệt.* ” (Tuổi Trẻ 22.11.97).

Đúng quá. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng cho thấy những điểm yếu kém ấy chủ yếu không ở chỗ là vốn của nhà nước hay là vốn tư nhân. Mà bắt nguồn tại mối liên hệ “ đặc biệt ” với chính quyền. Có thể là qua đảng cầm quyền, qua phe nhóm chính trị hay qua vợ con tổng thống, đầu đầu kết quả cũng tương tự : doanh nghiệp được ưu thế về vốn, về công nghệ, và những ưu đãi của nhà nước. Vì vậy mà cung cách trong đầu tư, xây dựng cấu trúc doanh nghiệp có khác với khi phải thực sự sống với qui luật thị trường.

Trong cuộc làm việc của chính phủ với lãnh đạo Thành

Phố Hồ Chí Minh về tình hình kinh tế xã hội năm 1997 và kế hoạch 1998, bộ trưởng kế hoạch và đầu tư Trần Xuân Giá nhận định TPHCM “ *đã chọn một cơ cấu đầu tư không phù hợp. Một ví dụ : Thành Phố chọn mũi nhọn xuất khẩu là gạo, cà phê hàng may mặc* ” (Tuổi Trẻ 30.10.97).

Không phù hợp ? Tùy quan điểm mà thôi.

Nếu biết, thu mua lúa gạo quốc doanh dựa vào mạng lưới “ hàng sáo ” tư nhân, xay xát lúa chủ yếu cũng do các cơ sở tư nhân thực hiện. Có thể nói tư nhân dọn sẵn mọi thứ, cung ứng gạo đến tận mạn tàu và quốc doanh chỉ việc xuất khẩu bằng hạn ngạch được nhà nước phân. Đến chia phần lợi nhuận thì quốc doanh chiếm lấy cho mình 44 %, cơ sở xay sát được 16 %, tiểu thương 9 %, nông dân 16 % (FEER, 18.12.97), thì ta chỉ có thể cúi đầu “ kính phục ” TPHCM vô cùng chí lý trong chọn lựa mũi nhọn cho mình.

Và ta hiểu tại sao nông dân làm ra lúa gạo mỗi năm mỗi nhiều hơn mà cứ nghèo dài dài. Phương tiện bảo quản, xay xát cứ mãi lạc hậu. Và mãi không làm ra được nhiều gạo cao cấp để xuất khẩu cho được giá.

Muốn doanh nghiệp đầu tư, phát triển phù hợp với lợi ích của đất nước, của quần chúng nhân dân, việc đầu tiên là đặt lại mối quan hệ của nó với chính quyền.

Vấn đề thị trường nội địa

Đặt trọng tâm vào xuất khẩu để phát triển. Không thể chối cãi đó là hướng đúng đắn cho đất nước ta.

Tuy nhiên, không nên vì vậy mà xem nhẹ cái thị trường nội địa Việt Nam trên bảy mươi triệu con người. Doanh nhân nước ngoài đang găm ghé nó. Vũ Quang Việt (đ.d) trong một cái nhìn tổng quát cho thấy xí nghiệp liên doanh với nước ngoài nhắm vào thị trường nội địa hơn là xuất khẩu.

Nhìn ví dụ cụ thể, hai tập đoàn đa quốc gia nổi tiếng Coca Cola và Procter & Gamble, liên doanh của họ với ta đều lỗ trầm trọng. Ngẫm lại, lỗ là lỗ về phía đối tác Việt Nam, không đủ sức góp thêm vốn vào liên doanh hoặc mua lại phần hùn của đối tác nước ngoài. Chẳng còn lối nào khác là bán cổ phần của mình cho đối tác để chuyển thành công ty 100 % vốn nước ngoài. Mặc tình mà họ tung hoành trong thị trường nội địa đã bắt đầu quen với các thương hiệu Coca Cola, Fanta, Sprite của Coca, dầu gội đầu Pantene, Rejoice, bột giặt Ariel, Tide, xà bông Camay của P&G...

Nghĩ đến thị trường nội địa không chỉ là lo phát triển doanh nghiệp cung ứng thị trường ấy. Sức mua của người dân quan trọng không kém. Vậy là phải xét các chính sách giúp người dân ăn nên làm ra và chính sách thuế khoá hiện đang rút rĩa quá đáng mãi lực của nhân dân.

Lê Văn Cường có lưu ý dùng chiến lược tăng trưởng dựa chủ yếu trên xuất khẩu không phải là không nguy hiểm (D.Đ. số 69, 12.97, tr. 11-12). Vấn đề không phải là đối lập thị trường xuất khẩu và thị trường nội địa. Mà tìm những hỗ tương, bổ sung của hai khu vực trong một cuộc phát triển hài hoà kinh tế và xã hội.

Khủng hoảng Á Đông là một kho kinh nghiệm quý.

bùi mộng hùng (1.1998)

Bây giờ là... 1998

Nguyễn Lộc

1

« Trước khi tôi bắt đầu, tôi thấy có một ghi nhận bổ ích nhằm giúp duyệt lại xem nhờ vào đâu chúng ta đạt được đến như hiện giờ. Bởi lẽ, tôi muốn rằng ví như rồi đây quý vị sẽ không ghi nhớ một tí gì về sự có mặt nơi đây vào ngày hôm nay của tôi, tôi vẫn mong quý vị sẽ nhớ và ghi sâu vào tâm não rằng, bây giờ là năm 1997. Và, không phải là năm 1975.

« Thưa quý Bà, quý Ông... ».

Diễn giả bắt đầu bài nói của ông như thế. Thời điểm là ngày 27 tháng 11 năm 1997, địa điểm là Chapman College (Orange County, California). Diễn giả là “ Pete ” Peterson, đương kim Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, cựu sĩ quan không quân Mỹ từng tham chiến tại Việt Nam, bị bắn rơi và bị bắt làm tù binh trong nhiều năm ở miền Bắc. Thính giả của ông gồm cả những công dân Mỹ gốc Việt quan tâm đến vấn đề Việt Nam.

Nhà ngoại giao Mỹ còn “ nôm na ” đến bất ngờ : « Nếu giờ đây quý vị nhìn ra vườn sau nhà mình, quý vị sẽ thấy nó không giống với hồi năm 1975 ». Và, đã dọn đường như thế, ông nói thêm với thính giả rằng : thế giới có đổi thay. Mỹ có đổi thay, và... trong chùng mực nào đó, chính phủ Việt Nam có đổi thay.

2

Sống bên cạnh cộng đồng người Việt hạt Orange, tôi vừa buồn cười, vừa thẩn thía với câu nói của đại sứ Peterson.

Buồn cười, vì cũng như nhiều bà con người Việt ở đây, tôi vẫn được nghe nói “ đùa ” về sự “ bể đồng hồ ” hay “ đứt phim ” của nhiều người Việt mình. Tình trạng thời gian như ngừng lại, dù... dòng nước vẫn cuốn trôi đi, vẫn còn là một trong những nguyên do sâu xa của nhiều hoạt cảnh bi hài trong đời sống cộng đồng. Ông Peterson chắc cũng hơn một lần bị ai đó trân trọng tặng cho một cái đồng hồ bể, trong những dịp ông tiếp xúc với cộng đồng.

Thẩn thía, vì dù 1997 hiển nhiên không phải là 1975, vậy mà, biết đâu cũng phải nhờ đến một viên chức ngoại giao cao cấp Hoa Kỳ mới có thể giúp cho nhiều đồng hồ lấy lại giờ đúng, và phim đời tiếp diễn... Ông Peterson, người đại diện chính thức của Hoa Kỳ tại Việt Nam, cũng đã nghiêm chỉnh khẳng định trong bài nói của ông ta rằng “ chúng tôi không làm một điều gì ở Việt Nam mà không nhằm tới quyền lợi quốc gia của Hoa Kỳ ”. Có lẽ ông muốn trấn an một vài công dân Mỹ “ mới ” mấy ngày trước đây đã nhắc nhở ông lo cho các quân nhân Mỹ mất tích (MIA) ở Việt Nam. Tình trạng mất tích trong chiến trận mà, cũng theo ông Peterson, có khi người lính “ bốc hơi ” (vaporized) và biến mất.

3

Tôi tò mò, đã có khi nào ông Đại sứ Mỹ nói cùng bài nói

này (hoặc, ít ra là lời mở đầu được trích dẫn ở trên) ngay tại Việt Nam, trước một cử tọa là quan chức Việt Nam ? Vì theo nhận xét hạn hẹp của tôi, hội chúng (!) bể đồng hồ, không phải là độc quyền của riêng ai.

Cứ lấy các văn bản của nhà nước Việt Nam về vấn đề nóng hổi và đầy tính chất “ thời đại thông tin ” (1) là vụ Internet ra làm một thí dụ. Phải thú thật, tôi thật sự kinh ngạc khi đọc lần đầu các qui định về việc sử dụng và cung ứng dịch vụ liên quan đến Internet tại Việt Nam. Đây là những văn bản thuần túy được viết trên quan điểm hành chính và “ phòng gian, bảo mật ” của chính phủ Việt Nam ; chúng xa lạ và tách rời cái không khí và vai trò của hệ liên mạng máy tính toàn cầu mà nhiều người đã quen biết, rất đông người sử dụng hằng ngày.

Trong rất nhiều chuyện để nói, trong đó có cả những vấn đề thú vị về công nghệ và kỹ thuật để ngăn chặn và lọc lựa (xin người đánh máy làm ơn đừng đánh thành lửa — NL) thông tin, ở đây tôi chỉ xin chạm đến đôi điều nho nhỏ.

Dịch vụ Internet Access Provider (IAP) và Internet Service Provider (ISP) thực chất là dịch vụ thương mại, qua đó có mối liên hệ quan trọng giữa người cung ứng và khách hàng ; do đó, có lẽ chỉ cần giao cho một Bộ thương mại quản lý và trách nhiệm hành chính là đủ. Vậy mà, ta lại được Chính phủ Việt Nam cấp cho cả một Ban Điều phối liên bộ rất oai quyền (2) để trông coi. Tất cả sự phức tạp hành chính được đưa ra “ dàn chào ” hình như chỉ có tác dụng (ngược) giúp người quan sát nhận thức được rằng, những người cầm quyền ở Việt Nam vẫn còn cái nhìn đầy e dè, né tránh về con quái vật bí hiểm, nhiều nanh vuốt tên Internet.

Nhưng, có lẽ điều kinh hoàng nhất cho một người khách hàng ISP/IAP ở Việt Nam là họ phải tuân hành... “ luật ” báo chí. Cha mẹ ơi, người khách hàng thông tin, chỉ muốn nhỏ to (chít chát) với bạn bè nơi này nơi nọ, bỗng nhiên thấy mình có cơ may được quản lý bởi một quyền lực “ kỳ bí ” mà ngay cả các nhà báo chuyên nghiệp và đầy kinh nghiệm về “ thông tin, văn hoá ” như Kim Hạnh và Thế Thanh còn không sống sót nổi. Liệu kẻ thường dân to gan lớn mật nào dám... surf the net đây ? Phải chăng, thời đại tin học đến hơi sớm so với khả năng tin... dân (và tin mình ?) của nhà nước Việt Nam ? Ấu đó cũng là vấn đề... đồng hồ.

Thành thử, đọc xong tập các qui định, nghĩ ngợi thêm đôi chút, tôi thở phào nhẹ nhõm và “ nghị quyết ” rằng : chuyện Internet Việt Nam chắc là kế hoạch... dài hơi. Hôm nay, có bắt đầu nói tới, bắt đầu bàn chuyện mở ra thì cũng “ tốt thôi ”. Làm thử để học hỏi thêm, học buông, học bóp một lúc xem sao. Rồi năm, mười, hai mươi năm nữa, khi các nhu cầu bức thiết về thông tin tốc độ nhanh và dung lượng lớn thật sự “ bùng nổ ” theo nhịp độ phát triển đất nước (?), đem ra bàn cặn kẽ và nghiêm chỉnh lại về Internet chắc cũng còn... chưa quá muộn.

Vậy thì, tại sao người ta lại phải ồn ào, xôn xao về chuyện Internet “ vào ” Việt Nam dữ vậy ? Thưa, có lẽ là do thời thượng, vì bây giờ, bên ngoài Việt Nam ... đã là 1998.

4

“ Phòng gian bảo mật ”, “ đề phòng kẻ địch đánh phá ” là trách nhiệm lo đêm lo ngày của những người (tự) nhận trọng

trách bảo vệ mảnh giang sơn cha ông để lại, và mưu cầu hạnh phúc cho đồng bào. Kể sắc mắc mấy cũng không dám... xô xiên !

Nhưng, “cầm lái” cũng có kiểu “bể đồng hồ”, dễ gây dư luận. Trộm nghĩ, kể “dịch” của năm 1998 đâu còn là “giặc Mỹ” mặc bình phục rần rỉ của thập niên 60, vào Việt Nam qua cửa biển Đà Nẵng, súng ống khệ nệ, vòng hoa do các em nữ sinh “cộng hoà” choàng trên cổ. Hoặc, kể dịch đâu còn là những “bà già”, “thần sấm”, “con ma”, “cây nhiệt đới” mà Việt Nam đã phải đem chính sinh mạng mình ra đổi phó. Chỉ cần nghe ông Peterson báo cáo các thành tích và nỗ lực của Mỹ nhằm “giúp đỡ Việt Nam hội nhập vào cộng đồng thế giới” là tôi “ngộ” ra rằng ba cái tờ báo, hoặc mấy kiến nghị, điều trần kêu gào Việt Nam thay cái này, đổi cái kia, nói cái nọ, quả chỉ là chuyện hiền lành, nhỏ nhoi quá đỗi.

Vậy mà, hàng rào phòng thủ chống “diễn biến hoà bình” lại hùng hổ, trùng trùng với ba cái lẽ tẻ tẻ này hơn là với các kiểu “diễn biến” ghê gớm khác ? Người “cầm lái” cần nuôi ngáo ộp để dễ chặn dân chẳng ? Hay đây cũng chỉ là triệu chứng lời cổ vấn Mỹ “linh” hơn dân mình ?

Thật ra, ông đại sứ Mỹ cũng có những cái nhìn về Việt Nam khá vàng son, nhiều mùi rờng cọt. Nghe vui tai, và vừa bụng. Mong sao, với thực tế các con rờng, cọt châu Á hiện phải cầu tới ông lang IMF cứu chữa (!), toa thuốc lên đến hơn trăm tỉ đô-la, cũng phần nào giúp một số người chọn lại, nghĩ suy...

5

Đã nói đến Internet theo viễn kiến của nhà nước Việt Nam, cũng nên nói tới chuyện Internet theo quan điểm vài người không ưa nhà nước Việt Nam.

Một số người quen nẹp lặn thoả thuê trong nếp sống tự do dân chủ Mỹ lấy làm “xì nẹt” kiểu “mở mà đóng, đóng mà mở” của chính phủ Việt Nam trong vụ Internet. Các vị bèn làm ngay một sự so sánh giữa anh Việt Nam đang dò dẫm, lân la tới Internet và cha đẻ của Internet là Mỹ. Eo ôi, xem đó, không những người ta chẳng cấm đoán gì, mà lại cứ ê hề những mồi mọc dùng thủ miễn phí. Chỉ cần cho cái đĩa mềm hoặc CD vô máy PC với *modem* và điện thoại nối sẵn, đọc một đọc số trên thẻ tín dụng, và *voilà* (Mỹ thích chữ này) bạn tha hồ mà *surf*, mà *browse*, mà *download* (3) đủ thứ hình ảnh kỳ... hoa và di... thảo ! Người ta còn rành mạch trưng ra mật độ dân số Mỹ thâm nhập được vào Internet, vân vân và vân vân... Nhìn mấy con số mà (không ít người Mỹ.. thiệt cũng) tủi thân !

Vâng, sự đời là thế. Từ Việt Nam, chỉ cần một chuyến bay xuyên Thái Bình Dương, và nhân tiện “bay” xuyên vài thế kỷ phát triển xã hội, “bỏ qua” giai đoạn cách mạng công nghiệp (đoạn này không hề có từ kinh điển “ngoại lai” nào cả), là người ta có tất cả (4). Cái tội là của anh Việt Nam quá... chậm chạp, lạc hậu, không chịu đổi mới. Vẫn cái cày (thường là) đi sau con trâu ; trồng được lúa còn chưa biết bán cho được giá ; chỉ một trò nghịch ngợm của thằng nhóc *El Nino* là hàng ngàn, hàng vạn người mất mạng, mất của như chơi. Sự thật Việt Nam cũng còn là như thế nữa.

Thông tin Internet, thông tin qua vi tính, vệ tinh, truyền

thông tế bào (*cellular communications*), cáp quang... nếu dùng đúng cách đúng chỗ, đều là những tiện ích có giá trị gia tăng lớn. Nhưng, nói tới Việt Nam — năm 1998 — phải chẳng vấn đề vẫn còn ở chỗ làm sao cho các luồng thông tin, kể các các luồng rất “cổ điển” và “đại chúng” như sách báo, truyền thanh, truyền hình, và mọi thứ thông báo, diễn văn của các cấp chính quyền cần được chính xác, minh bạch, trong suốt và có lượng thông tin ? Vì, bây giờ, khiêm tốn mà nói, vẫn chỉ mới là 1998 (tại Việt Nam).

Browse (4) một tờ *Tuổi Trẻ*, một tờ *Nhân Dân*, hay *Sài Gòn Giải Phóng*, *Phụ Nữ*, và — nhân dịp năm con Cọp, thử nghĩ “táo tợn” hơn cho vui — một tờ báo xuất bản ở hải ngoại, như *Diễn Đàn* chẳng hạn, một cách thoải mái và qua đó thật sự nhận được những giá trị thông tin, có lẽ là một ước mơ đầu năm vừa tầm cho năm 1998. Trong hoàn cảnh Việt Nam.

Nguyễn Lộc

1-1998

1. Tôi được đọc đâu đó một ý khá thú vị (dù đơn giản) về quan niệm thời đại thông tin: Nói đến “thời đại thông tin” người ta hiểu rằng trong thời đại ấy, con người có hoàn cảnh và khả năng vận dụng công cụ thông tin trong mưu cầu làm cho đời sống của mình thuận lợi và tốt đẹp hơn. Ý này có lẽ phát xuất từ việc khảo sát các thời đại đồ đá, đồ đồng mà ra chăng ? Trong bối cảnh thời nay, việc mưu cầu cải thiện cuộc sống phải gồm cả việc người dân, thông qua sự tiếp nhận và sử dụng thông tin, thấu hiểu và tham dự vào sinh hoạt chính trị xã hội trong cộng đồng của họ.

Đã nghĩ như thế, ngay tại Hoa Kỳ, xã hội thông tin cũng còn là một ước vọng, một cái đích hơn là một hiện thực. Dù bị “oanh tạc” đến tối tăm mặt mũi với thông tin, mức độ người dân Mỹ sử dụng thông tin để hành sử dân quyền của mình vẫn còn rất thấp, nếu không nói là thấp hơn trước kia. Phần nào, đây là do các thuộc tính (và từ đó, giá trị) của loại thông tin vẫn tràn ngập cái xã hội này. Phần khác, có thể là do tình trạng việc tham dự vào chính sự của người dân Mỹ suy giảm rất nhiều.

2. Ban điều phối do Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường là Trưởng ban. Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện làm Phó Trưởng ban và các uỷ viên là lãnh đạo các cơ quan sau đây : Bộ Văn hóa – Thông tin, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban chỉ đạo chương trình Quốc gia về Công nghệ thông tin, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia (trích Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban điều phối quốc gia mạng INTERNET ở Việt Nam)

3. Viết mấy dòng này, tôi chợt nhớ một sự kiện nhỏ. Sáng hôm ấy, tôi đưa một nhà khoa học, từ Hà Nội sang, đi ngắm phố Bolsa. Chúng tôi đang đứng trước một chợ thực phẩm lớn. Một người đàn ông bỏ tiền xu vào thùng bán báo Việt ngữ trước chợ để mua báo. Khi ông vừa lấy xong tờ báo, một người đàn ông khác đứng bên cạnh ông nhanh nhẹn thò tay vào chộp thêm một tờ báo nữa, xong thanh thản thụ hưởng lượng thông tin ông ấy vừa “có” được. Nhà khoa học từ cái đất nước nghèo nàn, chậm tiến kia nhìn tôi, khê lắc đầu.

Câu chuyện chỉ có vậy, nhưng nó bám riết theo tôi suốt nhiều năm. Có lần gặp lại nhau ở Hà Nội, anh nhắc chuyện ấy. Anh và tôi cùng thăm thía về quãng đường một dân tộc, một xã hội phải đi qua một cách có ý thức hầu bắt kịp mấy trăm năm... Chiêu bài, khẩu hiệu, và rất có thể ngay cả những ngẫu nhiên của lịch sử, không thu ngắn quãng đường ấy !

4. Những thuật ngữ tin học, xin tạm dịch : *surf the net* = lướt trên mạng ; *download* = nạp từ xa ; *browse* = (nhìn) lia.

đọc sách :

**Thủ bản về
nội dung tư tưởng
của phong trào
Đông Kinh nghĩa thực**

Nguyễn Trọng Nghĩa

Khó khăn lớn nhất khi nghiên cứu lịch sử Việt Nam là sự thiếu thốn nghiêm trọng về tài liệu, đừng nói chỉ đến những triều đại cổ xưa như Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần..., mà ngay cả đối với một cuộc vận động văn hoá, chính trị quan trọng, mới xảy ra cách đây chưa đến 100 năm như Đông Kinh Nghĩa Thực (từ tháng 3 đến tháng 12-1907) ! Chiến tranh xâm lược (đặc biệt chính sách huỷ diệt văn hoá Việt Nam của nhà Minh¹), nội chiến, khí hậu ẩm ướt và nhất là sự thiếu truyền thống lưu trữ, bảo tồn ở mức độ nhà nước trung ương cũng như các cấp chính quyền địa phương và tư nhân đã biến thành tro bụi hầu hết các loại tài liệu viết vốn đã không nhiều của đất nước². Chính vì thế mà ta không thể không vui mừng đón nhận tập **Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thực** do Cục Lưu trữ Nhà nước Việt Nam và Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp thực hiện. Ngoài bài giới thiệu của Đinh Xuân Lâm, sách gồm những phần chính sau đây :

– Bản dịch tiếng Việt, tiếng Pháp và nguyên văn chữ Hán của hai quyển **Tân đính Luân lý giáo khoa** và **Quốc dân độc bản**.

– 19 bài thơ viết bằng chữ quốc ngữ đăng trong tập **Quốc văn tập đọc** dày 40 trang, in thạch bản vào năm 1907, tại nhà in Tân Tiến, số 244 phố Hàng Bông Hà Nội. Trước đây, 6 bài trong số đó đã được đăng trong các tuyển tập thơ văn.

– Phụ lục : **Nam Hải bá thần ca** (Bài hát của người ở Nam Hải phải chạy trốn) của Phan Bội Châu (trước đây thường được gọi là **Á tế á ca** hay **Đề tình quốc hồn ca** mà nhiều người cho tác giả là Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Thiện Thuật, Dương Bá Trạc hoặc Nguyễn Thượng Hiền)³, **Việt Nam vong quốc nô phú**, **Tà khí ca** và **Vô đề**.

Dưới đây chúng tôi sẽ thử phân tích nội dung tư tưởng của hai tập **Tân đính Luân lý giáo khoa** và **Quốc dân độc bản**.

Đây là lần đầu tiên quyển **Tân đính Luân lý giáo khoa** được dịch ra quốc ngữ và công bố. Hoàn thành vào ngày 27-2-1907, sách dày 72 trang, gồm bảy chương với 26 bài đề cập các chủ đề luân lý nhằm giáo dục người dân trong mục đích duy tân và chống ngoại xâm. Nhìn chung, đây là luân lý nho giáo được bổ sung nhờ sự tham khảo một số sách giáo

khoa mới về luân lý của Trung Quốc và Nhật Bản. Trong phần nhập đề, tác giả (hay các tác giả) khuyết danh đã nói rõ dụng ý đó :

« Môn luân lý (...) quan trọng, bởi vì nó là tinh hoa của quốc thể, nguồn gốc của giáo dục. Con em thanh niên ngày sau vào đời, tất đảm đang việc nước, có trách nhiệm về thế cuộc, nếu không trau dồi phẩm hạnh, thì tất cả các loại sách giáo khoa đều trở nên vô dụng hết. Vì thế, với cha mẹ, anh em phải hiếu đễ ; vợ chồng phải hoà thuận ; bạn bè phải tin nhau ; phải cung kính, cần kiệm ; biết giữ mình ; có lòng bác ái ; chăm lo học hành, luyện tập nghề cho thành thạo ; mở mang trí tuệ, phát huy khả năng ; đạo đức tính tình đều tiến bộ, để làm được nhiều điều công ích, gánh vác việc đời, tôn trọng hiến pháp, làm rõ công lý, một ngày kia gặp chuyện nguy cấp, có thể đem lòng nghĩa dũng ra mà làm việc chung, chống ngoại xâm » (tr. 14).

Trong chương một (tổng luận), tác giả cho rằng : “ Đoàn kết do huyết thống mới quý ” vì “ sự đoàn kết ấy thực sự do thiên nhiên, sức con người còn xa mới đạt tới. Nó chắc chắn bền vững làm sao ! ” (tr. 15). Câu viết đó ít nhiều có hơi hóm của một thứ chủ nghĩa quốc gia vị chủng đầu là vô thức ! Thẩm nhuần tư tưởng nho giáo, tác giả ca ngợi trung hiếu : “ Trung và hiếu cùng một gốc (...). Trung với vua tức là hiếu với cha mẹ ; hiếu với cha mẹ tức là trung với vua ” (tr. 15), “ không cái gì không do trung hiếu mà ra. Con người há không lấy trung hiếu làm điều cơ bản hay sao ? ” (tr. 17).

Trong chương hai (Đối với nước), tác giả định nghĩa nước như sau : « Phải có ba điều hết sức quan trọng mới thành nước : một là, có lãnh thổ ổn định ; hai là, có dân cư, ba là phải có chủ quyền. (...) Mà trong ba cái đó thì chủ quyền là then chốt » (tr.18). Nhấn mạnh đến tầm quan trọng số một của chủ quyền, rõ ràng tác giả muốn ám chỉ tình trạng mất nước của Việt Nam. Một chi tiết đáng để ý khác là tác giả thay thế thành ngữ “ trung quân ” bằng “ tôn vương ” (tôn vua) : « Kê cứu lịch sử, đều thấy người nước Nam làm vua nước Nam, chưa hề làm nô lệ cho người ngoài. Cứ nghĩ đến điều ấy, thì lòng tôn vua yêu nước càng bùng bùng, không gì át nổi » (tr.19). Điều đó chứng tỏ quan niệm trung quân ở tác giả không còn cứng nhắc theo kiểu Tống nho (quân xử thần tử, thần bất tử bất trung v.v.). Tác giả kêu gọi phải tuân theo pháp luật vì : “ Pháp luật là cái cơ bản để lập nước ” (tr.19), phải sung vào quân ngũ vì “ đó là nghĩa vụ cực kỳ quan trọng. Không nghĩa vụ nào lớn hơn là bảo vệ đồng bào, bảo vệ vinh dự cho nhà cho nước ” (tr. 19) (trong chừng mực nào đó, phải chăng câu viết này phản ánh chủ trương đấu tranh bạo động của cánh Phan Bội Châu, khác với chủ trương khai dân trí ôn hoà của Phan Châu Trinh ?), phải nộp thuế nhưng nếu “ đánh bất thường thì cũng phải đưa lý do ra mà tranh luận ” (tr.20) (câu viết này khiến ta nghĩ đến phong trào kháng thuế ở Quảng Nam vào năm 1908).

Các lời giáo huấn của chương ba (đối với nhà) hoàn toàn thẩm nhuần luân lý nho giáo : “ muốn cho nước thịnh thì trước hết nhà phải ổn định ” (phải tề gia rồi mới trị quốc), “ nhà thành lập trước hết phải có vợ chồng, sau đó có cha con, có cha con rồi mới có anh em ” (tr. 22) (tam thân), con

đối với cha thì phải “ *cung thuận* ”, “ *kính yêu* ”, “ *phụng dưỡng* ”...

Đối với mình (chương bốn), thì trước hết phải “ *sửa mình* ” (tức là chủ trương tu thân trong sách *Đại học*) vì đó là “ *co sở để trau dồi đạo đức* ” (tr. 28). Điều mới lạ ở một nhà nho là tác giả dành gần hai trang để tuyên truyền cho vai trò tối quan trọng của vệ sinh : “ *đối với mình, trước hết phải rèn luyện thân thể cường tráng ; muốn thân thể cường tráng thì thường ngày phải giữ vệ sinh* ” vì “ *nước thịnh hay suy, xã hội tốt hay xấu, nhà mình thành hay bại, đều do sức khoẻ mà ra cả* ” (tr. 28) . Tiếp theo là phải mở mang trí thức vì “ *trí thức là nguồn gốc của đạo đức. Không có trí thức thì không phân biệt được phải, trái, chính, tà..., để đi vào ngõ tắt đường ngang mà không theo chính đạo.(...) Và lại không có trí thức, thì hàng trăm việc, làm sao đối mới được, làm sao tiến bộ được* ” (tr. 30). Muốn mở mang trí thức, thì “ *chỉ có học mà thôi* ”, nhưng “ *học quý ở thực hành* ” : « *Đọc sách vạn quyển sách mà không thấy thể hiện hành động thì cũng chẳng để làm gì* » (tr. 31). Sau cùng là phải trau dồi đạo đức (thành tâm, cung kính). Đối với người (chương năm) thì phải tôn trọng thầy học, kính trọng người trên và kết giao bạn tốt.

Chương sáu (đối với xã hội) chứa đựng một số lời giáo huấn rất đáng chú ý nếu ta liên tưởng đến các vấn đề nóng hổi hiện nay của đất nước. Bàn về “ *công nghĩa* ” (tức là nghĩa vụ đối với người khác), tác giả cho rằng “ *tài sản do chúng ta đem sức ra làm mà có (...) và được pháp luật bảo vệ* ” và “ *tài sản cũng quý như tính mạng của con người...* ”. “ *Còn tài sản công cộng (...) nếu cứ tùy tiện phá hoại thì càng đáng khinh bỉ* ” (tr. 39). Tiếp thu quan niệm luân lý võ sĩ đạo Nhật Bản, tác giả viết : « *Với con người không gì lớn bằng danh dự, người quân tử còn xem danh dự trọng hơn tính mạng tài sản* » (tr. 39). Vì “ *tính mạng con người là quý nhất* ”, tác giả chủ trương “ *bất kể vì duyên cớ gì đều không được giết người* ”, ngoài trừ trường hợp “ *phải vì chủ quyền của nước mà chiến đấu, bảo vệ xóm làng, trừng trị kẻ cường bạo* ” (tr. 31). Ở đây ta lại thấy phảng phất hơi hóm của lập trường đấu tranh bạo động. Bàn về công đức (đạo đức đối với mọi người), tác giả khuyên phải thương yêu rộng khắp (phiếm ái), nhưng theo trình tự nhỏ giáo : “ *Trước hết, bắt đầu là từ vua tôi, cha con, anh em vợ chồng, sau đó đến bạn bè ; từ người cùng một nước, một giống nòi, sau đó mới thương yêu người nước khác, giống nòi khác, đến cả cầm thú, cỏ cây* ”, phải “ *làm những việc có ích chung, đem lại hạnh phúc cho xã hội* ” (tr.40) như mở trường học, bệnh viện, kinh doanh..., phải giữ lễ nghi trong sự giao tiếp với mọi người (không ồn ào, đúng giờ, kỷ luật...)

Đối với muôn loài (chương bảy) thì phải thương yêu, “ *không được tàn sát bừa bãi, cũng không được tùy tiện làm chúng đau đớn* ”, “ *bởi vì tàn nhẫn đã thành thói quen với loài vật, thì tất sẽ tàn nhẫn với con người* ” (tr. 43).

Tóm lại, đây là luân lý nhỏ giáo đã được hiện đại hoá đôi chút nhờ tiếp thu những điều hay đẹp của Nhật Bản (trọng danh dự) hay của Âu Tây (đúng giờ, kỷ luật), trong mục đích duy tâm đi kèm với đấu tranh bạo động.

Ngày 190 trang khổ nhỏ, **Quốc dân độc bản** gồm 79 bài

soạn đề cập đến nhiều vấn đề : chính trị, xã hội, kinh tế, văn hoá, tu tưởng, giáo dục... Đây là lần đầu tiên toàn văn chủ hán của sách này được xuất bản cùng với các bản dịch ra quốc ngữ và tiếng Pháp ; trước đây Chương Thâu mới chỉ dịch 20 bài 4.

Trước hết phải nói ngay rằng cho đến khoảng những năm 1940, quốc dân cũng có nghĩa là công dân. **Quốc dân độc bản** như vậy là một loại giáo trình về công dân giáo dục. Trình bày mục đích của quyển sách, tác giả (hay các tác giả) khuyết danh nhận xét : “ *Nền giáo dục của ta đặt đạo đức lên đầu, xem trí năng là thứ yếu, cho nên không nói đến giáo dục quốc dân* ”, thế mà “ *phàm một nước mà không có giáo dục quốc dân, thì trăm họ u mê, không biết quốc gia là gì, chính trị là gì* ” (tr. 46). Chính vì thế mà tác giả đã “ *tham khảo, chiêm chú các sách [của châu Âu] cho thích hợp với dân ta(...). Phàm những điều liên quan đến quốc gia, xã hội, công đức của quốc dân, chính thể, quan chế, học đường, quân chính, phú thuế, pháp luật, giao thông, cảnh sát, dân chính, hộ luật, tôn giáo, cho đến kế toán đều có đề cập đầy đủ. Văn lý giản dị, rõ ràng, ngữ khí ôn hoà, cốt nhằm mở mang dân trí hòng đặt cơ sở cho nền tân học* ” (tr.47). Nhưng mục đích chính chỉ được gọi bóng gió thôi vẫn là chủ trương đấu tranh để “ *thoát khỏi vòng nô lệ* ”. Nhấn mạnh đến tầm quan trọng của lòng ái quần : “ *sở dĩ chúng ta tồn tại hàng ngàn năm nay là do chúng ta quần tụ với nhau* ”, tác giả đau đớn chứng kiến cảnh nước ta không “ *biết đoàn kết mọi người trong nước với nhau để giúp nhau chống lại bọn lãng nhục chúng ta* ” (tr. 48). Theo tác giả, “ *yêu gia đình, yêu làng xóm không phải là ái quần* ”, vì nhiều khi những tình cảm đó khiến ta “ *xa gia đình, làng xóm trăm dặm là nước mắt đã ướt áo, ra khỏi ngõ mười ngày là sốt ruột muốn về* ” (tr. 48) và “ *không có chí viễn du* ” (tr. 49). Phải chăng khi viết những câu trên, tác giả nghĩ đến các khó khăn gặp phải khi vận động thanh niên đông du ?

Rất khách quan tác giả ca ngợi một số đức tính của người châu Âu : “ *Còn người châu Âu(...) đã hèn là đến, không sai một phút, một khắc (...) giải quyết công việc thì họ nhanh chóng, khẩn trương (...). Cái đức của họ sao mà đẹp thế !* ” (tr. 51)

Những suy nghĩ sau đây dường như vẫn còn giá trị cho xã hội Việt Nam hiện nay : “ *Phàm những kẻ mưu tiện lợi cho mình mà gây bất tiện cho số đông, đều không thể tha thứ được. Chúng là bọn giặc của xã hội. Trong nước mà nhiều người tự tư tự lợi, phương hại đến công ích xã hội thì ý thức xã hội không còn nữa* ” (tr. 51). Để khơi dậy lòng yêu nước của đồng bào, tác giả viết với ít nhiều cường điệu nhưng vô cùng thống thiết : “ *Nước ta lập quốc từ xưa* ”, “ *thế mà ngày nay, các nước lớn đông tây đều cho nước ta là nghèo nàn yếu đuối, dã man, họ mỉa mai sỉ nhục đủ điều. Than ôi ! Thảm thương thay !* ” (tr. 52). Nhận xét sau đây thật rất chính đáng, nó chĩa mũi dùi vào sự tự hào khá phổ biến về “ *lịch sử 4000 năm của dân tộc* ” : « *Các nước Âu Mỹ đều khai phá hết sức muộn màng, nhưng tiến bộ lại cực kỳ nhanh chóng. Một trăm năm trở lại đây, họ có nhiều bước nhảy vọt về học thuật, chính trị, giáo hoá, phong tục, không mặt nào thua người, mà lại vượt lên hàng đầu. Họ tự cho họ là chủ nhân*

của toàn thế giới. Còn nước ta thì trong triều, ngoài nội, chính trị, phong tục không thay đổi chút nào. Dụng cụ của ta đều cũ kỹ, lạc hậu, đồng ruộng hoang vu, dân đói rách, chưa bỏ thói ngang ngạnh, tính nô lệ vẫn còn (...) Dân ta chó nên cho khai phá sớm là vinh, mà nên cho tiến bộ chậm là nhục » (tr. 53).

Như ta biết, cho đến cuối thế kỷ XIX, sĩ phu ta vẫn chưa có khái niệm tiến bộ. Đối với họ, thời đại hoàng kim hay xã hội lý tưởng không phải thấp thoáng ở một tương lai xa xôi mà trái lại được đặt ở bình minh của lịch sử (tức là thời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang). Và lịch sử được xem là một quá trình suy thoái. Giống như một dòng sông, nhân loại càng ngày càng xuống thấp và càng xấu xa (nhân hà nhật hạ nhân giai trọc). Tác giả phê bình quan niệm đó như sau : “ Người nước ta hiếu cổ, coi nhẹ kim, thậm chí có người muốn sống như đời Hy-Hoàng [tức là Phục Hy và Hoàng Đế] trở về trước, không biết rằng Hy-Hoàng trở về trước là thời đại dã man (...)” (tr. 54).

Chịu ảnh hưởng của thuyết tiến hoá (évolutionnisme), tác giả cho rằng văn minh tiến từ thấp đến cao theo một đường thẳng và không có giới hạn : “ Các nước trên địa cầu tất phải từ dã man mà khai hoá thành văn minh. Nhất định phải như thế. Văn minh rồi nhưng tiến bộ nhanh hay chậm, trình độ cao hay thấp, còn tùy. Văn minh không có giới hạn, càng tiến càng cao ” (tr. 54). Rất khách quan, tác giả thừa nhận tính ưu việt của Âu Mỹ trong nhiều lãnh vực nhưng đồng thời cũng ý thức được những hạn chế của họ : “ Những nước ngày nay gọi là văn minh, như các nước Âu Mỹ, máy móc của họ tinh xảo, pháp luật của họ hoàn bị, giáo dục của họ phổ cập, giao thông của họ tiện lợi. Thế nhưng, nhà tù của họ chưa bỏ trống, nạn rượu chè, hút xách chưa loại trừ hết, người bệnh tật ốm đau, bọn côn đồ hung hãn, đầu đã vắng bóng ” (tr.54,55). Thấy được cái mạnh của Âu Mỹ (tức là của Pháp) nhưng vẫn không quên được cái nhục mất nước và giấc mơ giành lại chủ quyền dân tộc với bất cứ giá nào : đó là mâu thuẫn lắm khi bị thảm của không ít sĩ phu và trí thức yêu nước dưới thời Pháp thuộc mà nhiều người thường quên hay không đánh giá đúng mức. Tác giả lại viết với tất cả sự phẫn nộ : “ Từ khi kẻ cường quyền cai trị, họ trói buộc ta, lăng nhục ta, vô nhân đạo biết nhường nào (...) Than ôi ! Lo không gì lo hơn mất nước, buồn không gì buồn bằng thân bị nhục ” (tr. 55).

Tác giả nói đến “ quyền bàn bạc chính sự ” mà chỉ có “ kẻ nào phân biệt quốc gia mới bị tước ” đến “ quyền tự do của dân ta ” (tr. 56), những khái niệm rất mới ở một sĩ phu.

Nhắc đến nỗi bi thảm của quốc gia không có độc lập, tác giả giải thích thế nào là yêu nước thật sự, hô hào phải tự cường (vì “ dân mạnh thì nước mạnh ”), “ hãy tự cứu lấy mình ”, “ đừng trông chờ ở chính phủ ”. Nhưng đồng thời tác giả cũng sáng suốt thấy : « Dân ta đại để bảo thủ mà không biết tiến thủ. Sở dĩ bảo thủ, một là do “ tri túc ”, hai là do “ hiếu cổ ” » (tr. 61). Thế mà, “ nếu quốc dân ta còn muốn tồn tại ở trên đời này nữa thì tất phải cạnh tranh với họ [các nước Thái Tây] bằng sắt thép, máu xương ” (tr. 62).

Chống lại thuyết thiên mệnh của Nho giáo, tác giả cho

rằng “ tin vào mệnh trời là sai ” và nhấn mạnh : « Thời buổi này là thời buổi đại cạnh tranh, cạnh tranh về học thuật, cạnh tranh về công nghiệp, không mặt nào là không cạnh tranh, đâu phải chỉ cạnh tranh về đất đai lãnh thổ mà thôi » (tr.63). Trong sách này cũng như trong *Tân đính luân lý giáo khoa*, các tác giả nhiều lần nhấn mạnh đến thuyết “ cạnh tranh để tồn tại ” (struggle for life), “ mạnh được yếu thua ”, “ nước mạnh tất nhiên thôn tính nước yếu (...) cho nên nước phải mạnh ”... và xem đó như là quy luật tự nhiên !

Với lập trường đấu tranh, tác giả ca ngợi sự vũ dũng “ dân mà nhiều người vũ dũng thì nước mạnh, nhiều người nho nhã, mảnh mai thì nước mạnh cũng thành nước yếu ” (tr.63).

Về chính thể, quan điểm của tác giả cũng gần Phan Bội Châu hơn Phan Châu Trinh⁵ : chọn chế độ quân chủ lập hiến như ở Nhật Bản. « Ngày nay, dân chỉ xem vua là đại biểu, vua phải theo nguyên vọng của dân mà thi hành chính sự. Cho nên quyền của vua rất nhẹ » (tr.65).

Bàn về quan, tác giả chống lại quan niệm “ dân chi phụ mẫu ” cổ lỗ : “ Nói quan là đày tớ của dân là căn cứ vào sự thực chứ không phải là kiêu ngạo ” vì “ trong xã hội không ai không phải là đày tớ của người khác ” (tr.65).

Tiếp theo tác giả bàn đến một loạt đề tài như quan tước và chính phủ ở nước ta, tổ chức chính trị và giáo dục ở Nhật bản, cái hại của khoa cử, binh lính, thuế khóa... Bàn về pháp luật, nhận định sau đây của tác giả rất đáng cho ta chiêm nghiệm : “ người đặt ra pháp luật mà kiến thức hẹp hòi, có ý thiên vị thì pháp luật sẽ không hoàn thiện. Và lại tính tình, phong tục, trình độ văn minh một nước cũng thay đổi, cho nên Nhà nước không thể không thay đổi pháp luật (...) người trong nước không ai không ở trong vòng pháp luật. Không như vậy thì người yếu bị pháp luật trói buộc, còn người mạnh thì ở ngoài vòng ” (tr.78). Đúng là một nước mà còn có những người hoặc những tổ chức ở ngoài hay đứng trên pháp luật thì xã hội không còn thể thống gì nữa vì luật rừng dần dà sẽ thắng thế, và kẻ mạnh (tức là kẻ có quyền và có tiền) sẽ có cơ thống trị !

Tác giả chủ trương là phải thay đổi pháp luật ở ta vì hình phạt quá khốc liệt và vì luật quá khác với luật lệ của các nước Âu Tây nên không thể áp dụng khi giao thiệp với nước ngoài.

Tác giả đã dành gần 40 trang chữ hán cho các vấn đề kinh tế (sản nghiệp, nhân công, phép phân công lao động, máy móc và vấn đề thất nghiệp, đại công nghiệp, tiền công, tư bản, mậu dịch, tiền tệ, ngân hàng v.v...). Nhìn chung tác giả đã có một số hiểu biết về kinh tế học tây phương như luật cung cầu, phân công lao động..., nhưng hình như chưa nắm vững cho lắm. Chẳng hạn, tác giả viết : “ Hái bắt, trồng trọt, chăn nuôi, chế tạo là (...) vô hạn [nghĩa là sản xuất bao nhiêu cũng được] ” vì “ xưa nay, chưa hề có chuyện lo phẩm làm ra quá nhiều ”. Có lẽ vì sống trong một nước quá nghèo nàn, lạc hậu, nên tác giả không quan niệm được có chuyện sản xuất thừa ! Hoặc những câu sau đây : “ Xưa nay chưa hề ai ngại có quá nhiều người làm việc ” ! “ Nhiều người thuê mà nhân công ít thì tiền công phải đắt, ít người thuê mà trái lại công

nhân nhiều thì tiền công phải rẻ. Không những thế, công nghiệp thịnh hay suy, sản xuất nhiều hay ít, cũng có thể làm cho tiền công lên hay xuống, còn dân số nhiều hay ít không dự vào”. Tác giả cho rằng các cuộc đình công đòi tăng tiền lương ở phương Tây là điều bất lợi !

Những trang viết về sản nghiệp, tư bản rất đáng chú ý. Theo tác giả, tư hữu “khuyến khích người ta ra sức làm, đồng thời thúc đẩy xã hội tiến bộ”. Nếu “chết rồi sản nghiệp bị sung công, thủ hỏi ai còn lao tâm khổ tứ, tích trữ để rồi người ngoài vung phí”. “Cho nên những nước văn minh, tiến bộ ít nhiều, đều cho chủ sản nghiệp được quyền quản lý, sử dụng, chuyển giao”. “Thế giới càng văn minh thì của công càng ít, của riêng càng nhiều” (tr. 88). “Sản nghiệp nên là của riêng, không nên là của công, nhưng không có pháp luật bảo vệ thì chủ sản nghiệp không được hưởng quyền quản lý, sử dụng, chuyển giao”. “Nước càng văn minh thì pháp luật bảo vệ sản nghiệp càng tường tận” (tr. 89). “Dân giàu mà Nhà nước đã không bảo vệ, lại nhân đó bắt đóng góp nhiều, thậm chí thuế sản nghiệp vượt quá lợi tức sản nghiệp đưa lại thì người giàu chán nản, không còn chí làm nữa, mà ăn tiêu cho sướng”⁶. “Người ta, ai cũng vì con cháu mới tích lũy của cải lại...” (tr. 98).

Tóm lại, phân tích nội dung tư tưởng của *Tân đính luận lý giáo khoa và Quốc dân độc bản* ta thấy các tác giả trước hết là nhà nho yêu nước chủ yếu theo khuynh hướng của Phan Bội Châu (quân chủ lập hiến, đấu tranh bạo động), đã tiếp thu được một số tri thức về Nhật Bản, Âu Tây. Nếu nói theo ngôn ngữ mác xít, ta có thể xem các chủ trương về kinh tế của họ có tính chất tư sản và hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa nói đến chủ nghĩa cộng sản. Nhưng chỉ thế thôi, họ cũng đã phải trần trở và thay đổi rất nhiều chỉ trong khoảng ba bốn năm. Do đó mà ta không thể không xúc động khi tưởng nhớ đến họ, những người đã bán khoán tìm đường, dám lột xác (cắt tóc, mặc âu phục) và sống chết vì sự nghiệp giành lại chủ quyền và độc lập dân tộc.

Nguyễn Trọng Nghĩa

Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục, Prose et poésies du Đông Kinh Nghĩa Thục, nhóm biên soạn : Vũ Văn Sạch, Vũ Thị Minh Hương, Philippe Papin, Publications du Centre de l'École Française d'Extrême-Orient au Vietnam, Nhà xuất bản Văn Hoá, 1997.

1. Trong sắc chỉ 10 điều gửi ngày 21-8-1406, Minh Thành tổ ra lệnh : “...hết thấy mọi sách vở, văn tự cho đến cả các loại ca lý dân gian, hay sách dạy trẻ (...) một mảnh một chữ đều phải đốt hết. Khắp trong nước phàm những bia do Trung Quốc dựng từ xưa đến nay thì giữ gìn cẩn thận, còn các bia do An Nam dựng thì phá hủy tất cả, một chữ chớ để còn”. Minh Thành tổ còn gửi thêm hai sắc chỉ nữa (ngày 16-6 và 24-6-1407) để đốc thúc quan lính thi hành triệt để lệnh trên. Xem *Thơ văn Lý-Trần*, tập 1, Hà Nội, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1977, tr. 57-59.

2. Như bộ *Thiên Nam dư hạ*, rất quan trọng, do Thân Nhân Trung, Quách Đình Bảo, Đỗ Nhuận... soạn vào thời Hồng Đức (cuối thế kỷ XV), gồm 100 quyển, nhưng đến giữa thế kỷ XVIII (thời Cảnh Hưng) chỉ còn khoảng 20 quyển ; đến đầu thế kỷ XIX, Phan

Huy Chú chỉ thấy ở các cổ gia chỉ độ bốn, năm quyển thôi ! Xem Trần Văn Giáp, *Tim hiểu kho sách Hán-Nôm*, Hà Nội, Thư viện Quốc gia xuất bản, 1977, tr.201-217.

3. Bản chép tay hiện lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 1-Hà Nội cho ta những thông tin sau đây :

Bài thơ được viết vào tháng năm (trọng hạ), năm Bính Ngọ, Thành Thái thứ 18 (tức là năm 1906) với tựa đề “*Nam Hải bồ thần ca*” và được gửi từ Nhật Bản cho phủ Thống Sứ Bắc Kỳ (phải chăng do một kẻ làm mật thám cho chính quyền thực dân ?). Dựa trên những thông tin trên, các soạn giả cho rằng Nguyễn Thiện Thuật, Dương Bá Trạc, Tăng Bạt Hổ hoặc Nguyễn Thượng Hiền không thể là tác giả của bài thơ vì lẽ Nguyễn Thiện Thuật và Dương Bá Trạc chưa từng hoạt động ở Nhật, Tăng Bạt Hổ đã rời Nhật về nước năm 1905, còn Nguyễn Thượng Hiền thì tới năm 1908 mới sang Nhật. Rất nhiều khả năng chính Phan Bội Châu là tác giả của bài thơ, nhất là theo nhận xét của Groleau, Thống Sứ Bắc kỳ, nó “*đã lưu hành vào năm 1906 và được cho là của Phan Bội Châu*”.

4. Chương Thâu, *Đông Kinh Nghĩa Thục và phong trào cải cách văn hoá đầu thế kỷ XX*, Nhà xuất bản Hà Nội, tr. 125-151.

5. Xem thư của Phan Bội Châu gửi Phan Châu Trinh năm 1907 trong *Phan Bội Châu toàn tập*, Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế, 1990, tập 2, tr. 22-24.

6. Rất giống với luận điểm tự do chủ nghĩa (*libéraliste*) thời thượng : quá nhiều thuế giết mất thuế (*trop d'impôt tue l'impôt*).

ĐÍNH CHÍNH

Anh Vũ Ngọc Quỳnh đã viết thư riêng chỉ cho tôi hai điểm sai sau đây trong bài điểm sách về chữ huy (ĐD số 70) :

1. Đầu đoạn cuối, cột một, trang 24, tôi đánh lộn năm 1299 thành năm 1399 !

2. Vì viết quá vội, tôi chỉ đọc lược đồ hoàng tộc đầu đời Trần của Ngô Đức Thọ và không tra cứu thêm *Đại Việt sử ký toàn thư*, nên tôi đã lầm tưởng Trần Thánh Tông (tên là Trần Hoảng) là con của Thuận Thiên đã có mang với Trần Liễu (người con sinh ra tên là Trần Quốc Khang, em khác mẹ của Trần Quốc Tuấn, không được nối ngôi ; Thuận Thiên có thêm với Trần Thái Tông (tức Trần Cảnh) thái tử Trần Hoảng và Trần Quang Khải). Như vậy, Trần Anh Tông (1276-1320) là chất nội của Trần Cảnh và chất ngoại của Trần Liễu. Thế nhưng, vì các vua nhà Trần lấy nhau trong hoàng tộc, nên không thể phân biệt nội, ngoại : Trần Thái Tổ (Trần Thừa, cha của Trần Liễu và Trần Cảnh) vừa là cao tổ nội và cao tổ ngoại của Trần Anh Tông !

Khi tôi viết : “Trần Hưng Đạo lấy cô ruột (trưởng công chúa Thiên Thành)”, tôi đã dựa vào chú thích của Đào Duy Anh : theo cụ Đào, Thiên Thành là con của thượng hoàng, tức là Trần Thái Tổ (ĐVSKTT, bản dịch của Cao Huy Giu, NXB Khoa học xã hội, 1967, tập II, tr. 259). Công chúa Thiên Thành không phải là con mà là em gái của Trần Cảnh và, do đó, không phải là chị họ (như anh Quỳnh khẳng định) mà đúng là cô ruột của Trần Hưng Đạo. Cảm ơn sự chỉ giáo quý báu của anh Quỳnh và mong bạn đọc thứ lỗi cho sự thiếu nghiêm túc của tôi.

NTN

Đỗ Kh.

Văn Cầm Hải

Bi bối đừng nhắc nữa

Bi bối đừng nhắc đến tôi em bực mình lắm
Bi bối (à lú lá) đừng nhắc đến tôi em bực mình mà
Đừng nhắc đến tôi em bực mình

Đùng đá động gì đến
Tôi trong như gương
Có gặp em trên đường em cũng không nhìn thấy
Nếu đâm phải vào nhau em đi qua người tôi luôn
Em xuyên qua người tôi như tàu xuyên Việt Nam

Xích xinh xinh Hà Nội thành phố Hồ Chí Minh

Bi bối đừng nhắc đến tôi tôi buồn quá
Bi bối (ờ lu loa) đừng nhắc đến tôi tôi buồn à
Đùng nhắc nữa đến tôi tôi buồn

Năm cửa ô những bar đèn cầy rầu rĩ
Anh Hai, đi xe !
Xích lô, Simson !
Bến Hải, Hiền Lương, Tân Thái Sơn
Ba mươi sáu phố phường tôi trong như gương

Đùng nhắc

06/96

Vĩnh biệt Lady

Kisangani *
Rừng già châu Phi

Chớp phlát **
185 000 người tị nạn
Hốt biến

Tốc độ họ nắm tay nhau chạy
Bao nhiêu cây số giờ

Bao nhiêu cô gái giận nhà chồng
Bao nhiêu vừa gặp người tình mộng

Chết cả đám
185 000
Đi đâu mất tiết

Chẳng ai kiếm
Không ai biết hết

Kisangani
Paparazi
Bao nhiêu là vương phi ?

Tình hè Thế Kỷ

9.9.97

* thuộc xứ Congo, nơi mà Tết vẫn được thường xuyên nhắc
nhỏ, nguyên tên là Stanleyville (đặt theo Stanley, tên một
phóng viên và nhà thám hiểm).

** flash

Kafka

I

Tưởng niệm
những đồ chơi bi bô gầm sân
đã thức giấc đồng cỏ
màu xanh nhục
roi tiếng thở dài của những chiếc giường
cháy vụn đam mê

muôn đường bay rào khuôn mặt
vết buồn phi lý
luật giao thông trong tim
ngày máu xấu
xây xắm mặt trời
em quá độ một thời trang sách
lại nghiêm nhiên từ thời đại
trở về

II

Xiết bao kì diệu
người xâm lược đời tôi bằng những nụ hôn không mời
rau rắng canh chiều
xa hoa hoàng hôn hoa lí
rất bóng khung người
tất nhiên và thiện chí
người quét đời tôi
khỏi những điều mau quên thoáng múa qua tai
trong lùm nằng
một đôi rấn học trò
mất liên lạc vì yêu !

III

Dưới vòm họng
lốm mưa
trước những chiếc đồng hồ tốt nhất thế giới
Anh nằm ráo hoảnh
không bao giờ ăn hết bữa cơm
hay uống vội li nòng

tôi nhìn thấy thời gian lánh tránh
mất sâu
Chúng rất nhiều và đông như mọi giống nòi
nhưng Anh chỉ có một
đường mưa bay không khái niệm về mình

Thiên Cầm lâu, 6.5.97

Nhân dịp giỗ đầu nhà thơ Trần Dần (1926 - 1996), nhà xuất bản Văn Học cho ra đời tập trường ca **Mùa Sạch**, một trong những tác phẩm ông để lại. Nhà thơ Dương Tường, một người bạn thân thiết của Trần Dần lúc sinh thời, giới thiệu về tập di cao này. Trong di cao của Trần Dần được sơ bộ soạn thành 186 hồ sơ trong 24 cặp lớn, **Mùa Sạch** được đánh số 21.

Di trước này ở vào chặng nào trong hành trình văn học đầy biến thiên của Trần Dần? Nó có vai trò như thế nào trong triển diễn của nhân cách văn học Trần Dần? Nhiều chục năm gần gũi Trần Dần cho phép tôi để dành định vị **Mùa Sạch** vào giai đoạn anh dứt khoát rũ bỏ ảnh hưởng của thơ bậc thang và khẩu khí Maiakovski mà ngay cả trong *Bài Thơ Việt Bắc* và phần nào trong *Cổng Tỉnh*, ta vẫn còn bắt gặp ở nhiều chỗ. Có thể nói đây là một bước ngoặt đánh dấu một độ chín mới của phong cách đa bội Trần Dần. Động thái thơ này có cái gì tương đồng và tương ứng với tìm tòi của Nguyễn Tuân Nghiêm trong mỹ thuật, cũng vào thời kỳ ấy: trong khi Nghiêm quay về vực cảm xúc từ điêu khắc và kiến trúc đình chùa để đi đến một ngôn ngữ tạo hình hiện đại thì Dần trảm mình vào suối nguồn ca dao - đồng dao để tạo nên một hỗn phối kỳ thú giữa truyền thống và hiện đại. Trường ca **Mùa Sạch** kết quả của cố gắng cách tân đó.

Với tính chất ca dao - đồng dao như là vật liệu, tác phẩm được tạo dựng theo cấu trúc của nhạc giao hưởng. Một tổ khúc giao hưởng lấy bốn từ *Trong - Sạch - Sáng - Mùa* làm chủ đề chính (leitmotiv) được phát triển thành nhiều biến tấu, tạo một nền âm - chữ siêu ngữ nghĩa, thường trực và da diết, hay, để dùng một thuật ngữ âm nhạc, một basso ostinato (bè trầm trì tục). Phải, hồi đó tôi thường hay bàn với Dần về basso ostinato. “*Ừ, tao sẽ cho chạy một basso ostinato suốt tập thơ mới*”, anh ngó với tôi. Trần Dần là người đã đi là đi tới cùng. Anh thậm ghét những “*demi-mesures*” – anh quen dùng từ Pháp này để chỉ thói nửa vời. Anh yêu thích cách điệp từ điệp âm trong ca dao tục ngữ Việt Nam và khai thác vận dụng triệt để thủ pháp đó trong **Mùa Sạch**. “*Cách nào đó basso ostinato là một ngón điệp từ đẩy lên cực độ, lên lũy thừa n*”, anh định nghĩa. Riêng tôi chưa thấy trong thơ Việt Nam cũng như thơ thế giới trường hợp nào một độc vận duy nhất chạy suốt hàng chục trang thơ như trong các chương đoạn của **Mùa Sạch**. Cách nào đó, có thể nói, **Mùa Sạch** là một trường ca bốn từ như *Boléro* của M. Ravel là một kiệt tác một câu vậy. Cái bè trầm trì tục ấy khơi dậy biết bao nỗi niềm, biết bao xao xuyến, biết bao khao khát.

...Tôi nhất thích công tác ở quả đất mùa
 Khi nốt chân mùa dầy dặt gió mùa

Giọt điện mùa lấy bầy đê mùa

*Khi nụ cười mùa mát rượi phố mùa
 Ngày chỉ mùa chỉ chút gái trai mùa
 Hoa viên mùa ve vẩy đui mùa
 Tắcxi mùa ngoe nguẩy chiều mùa*

*Khi điều thuốc mùa châm của số mùa
 Que diêm mùa xoè ngọn lửa mùa*

*Tôi nhất thích công tác ở Việt Nam mùa
 Mùa cau ỏn ẻn trâu mùa
 Mùa duyên hò hẹn trăng mùa
 Mùa na rụn rịn vườn mùa
 Mùa Việt Nam trên quả đất mùa*

Danh từ mùa ở đây lúc giữa nguyên từ loại lúc biến hoá thành từ định tính cho mọi khái niệm, cho vạn vật!



Trần Dần khát khao sạch, khát khao trong ở cả cấp vi mô lẫn vĩ mô, ở cả cái cụ thể lẫn cái trừu tượng: quê sạch, diệt mạt sạch, cây tre sạch, duyên sạch, tư duy sạch, bút sạch, đàn sạch... phố trong, giò trong, hành tinh trong, sao trong, địa cầu trong, tình trong, (cả) tối (cũng) trong, (cả) bùn (cũng) trong...

Tôn vinh đất mẹ Việt Nam, Trần Dần lên lịch cho mọi phạm trù: lịch xuân, lịch hè, lịch thu, lịch đông, lịch họ hàng, lịch con cái, lịch tươi, lịch sáng, lịch sao, lịch đất, lịch lúa, lịch hạt... Những trang lịch lúp búp của phồn thực chữ sinh sôi: phát chữ, hạt chữ, mầm chữ nỏ lúa tủa trong dạt dào hơi thở của ca dao - đồng dao, với lương tâm một người làm vườn quốc ngữ. Trần Dần tận tụy ươm chữ cho một mùa chữ Việt sáng - sạch - trong.

Dòng cuối bản thảo **Mùa Sạch** ghi niên đại sáng tác là 1964 - 1965. Nhưng thực ra, anh đã hoàn thành nó từ mùa thu năm Quý Mão, nghĩa là gần như cùng thời kỳ chị Khuê có mang đứa bé mà nay là họa sĩ Trần Trọng Vũ tài danh. Tôi nhớ hồi giáp Tết năm ấy, khi chị Khuê trở dạ, vét cả nhà còn chưa đầy chục bạc, bạn bè góp lại được 30 đồng đưa chị vào nhà hộ sinh. Trong những điều kiện như vậy - nhà cửa vợ con nheo nhếch, sự nghiệp dang dở, hàng chồng bản thảo vẫn “*nằm*” không biết bao giờ mới được ra đời - Trần Dần vẫn ... nhìn trong vắt ở cả những phía thất bát mùa.

Người viết lời bạt này mượn ý của P. Valéry (nhà văn Pháp 1871 - 1945) về S. Mallarmé (nhà thơ Pháp 1842 - 1898) mà rằng: Cái nhìn trong vắt ấy của Trần Dần đã “*nâng trang thơ lên bậc lũy thừa của một trời sao*”.

Dương Tường

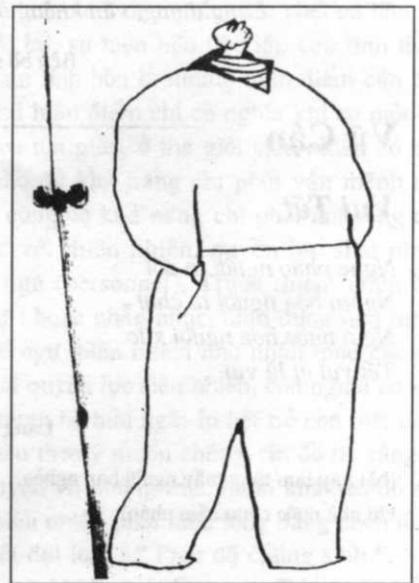
(tạp chí Thể Thao - Văn Hoá số ra ngày 10-1-1998)



Tranh đồ họa Trần Dần

Trần Dần không chỉ có tài làm thơ, ông còn có tài vẽ. Hơn một chục quyển sổ tay khổ vừa, dày khoảng vài trăm trang còn giữ lại được, trong đó bên cạnh những trang dành cho việc ghi chép, còn có những trang đầy hình vẽ tay. Ngoài ra, gia đình thi sĩ cũng còn giữ lại được khoảng trên 50 bức đồ họa vẽ bằng mực tàu, hoặc thuốc nước, trên những tờ giấy rời. Qua những bức đồ họa luôn luôn đượm tính hài hước này, người ta thấy toát ra một phong cách vẽ khá tự do, phóng khoáng, có sức biểu hiện và truyền cảm cao, và điều làm cho người ta ngạc nhiên nhất là nó không xa lạ gì với những quan niệm thẩm mỹ hiện đại. Nét vẽ của Trần Dần là nét vẽ của một người đã từng say mê vẽ, say mê biểu hiện cái tình cái ý bằng tưởng tượng và bằng nét vẽ, cũng như ông say mê diễn đạt ý qua ngôn ngữ thơ. Vô hình trung, đó chính là nét vẽ của một họa sĩ đích thực.

Văn Ngọc



Gửi Tố Như

nhân nhớ Phán chiêu hồn

Nhớ ai đôi mắt mỗi mòn
 Trông vời non nước nước non xa vời
 Lòng như chiếc bánh chơi vời
 Một tia nắng nhỏ giữa trời bão giông
 Hoa đào còn nhớ gió đông ?
 Cõi trần còn đầy cây lông bóng sân
 Vắng xa thánh thót tiếng đàn
 Nghe như tiếng nấc gieo trần trong mưa :
 Về làm chi hồi người xưa
 Mịch La không bến không bờ – Mịch La
 “ Non xa xa, nước xa xa ”
 Mênh mông sóng nước biết là nơi nao
 Gửi làm chi chút thanh tao
 Về nơi trần thế tanh tao hồi người
 Thủy chung ai nói ghen lời
 Nghe sao nức nở : người ơi, đừng về
 Chập chờn con tỉnh con mê
 Hồn hề hồn hề nại hồn hà – người ơi
 Vẫn còn xanh đấy – màu trời
 Vẫn còn nguyên đấy, màu trời rất xanh
 Ấm nơi đáy nước long lanh
 Dùng chao nước nhé, cho lành trời xanh
 Xanh xanh xanh một màu xanh
 Xin đừng lục đến ngon ngành, người ơi !

bờ đê Đại La 1977

Thu cảm

Cây đã vàng nét lá
 Mùa thu sang rồi a ?
 Ngót nửa đời, tóc bạc
 Lang thang, vẫn không nhà !

Bên bờ sông Vixoa, thu 1997

Vũ Cận

Vui Tết

Nghe pháo người ta đốt
 Ngắm hoa người ta chơi
 Ngủ nước hoa người xúc
 Tết vui ơi là vui

Láng, đông 1992

(bài này làm tặng mấy người bạn nghèo,
khi nhà nước chưa cấm pháo)

Vô sản

ngay trong căn phòng nhỏ của tôi

tôi cũng không thể làm chủ cái bàn
 tôi cũng không thể làm chủ cái ghế
 tôi cũng không thể làm chủ những quyển sách
 tôi cũng không thể làm chủ cái computer

căn phòng nhỏ nằm nhiều năm
 và người đàn bà tôi ngủ nhiều đêm
 tôi đều không thể làm chủ

bộ quần áo tôi mặc trên người
 cả thịt da thân xác chính mình
 tôi cũng không thể làm chủ

ngay mảnh sao trời hay con trăng cũ
 cỏ hoa ngoài đời hay tiếng mưa rơi
 chưa kể thơ mình
 tôi không hề làm chủ

ngay đường dài lịch sử
 tôi vẫn lạc lõng bên ngoài
 cả quê hương lúc quay về
 tôi càng không làm chủ

thời gian muốn làm chủ tôi ư ?
 cát bụi muốn làm chủ tôi ư ?
 cái chết muốn làm chủ tôi ư ?
 Karl Marx ơi !

sao ông không là thi sĩ
 để bước sang hàng và nói hộ tôi
 ở cuối thế kỷ 20 và lúc kề cận 50
 tôi càng già càng thấy tâm hồn mình cực kỳ vô sản.

Xuân hoang tưởng

hay Bình rượu cũ mừng năm Hồ (Mậu Dần)

Ông Ba Mươi
 Bật nói tiếng người
 Ông gọi đàn trẻ nhỏ
 Lại đây lại đây xem
 Ấi ải ta là sư tử
 Và ông bòn chồn
 Đi đi lại lại trong chuồng
 Gầm vang vườn thú
 Sư tử còn gọi ta bằng cụ.

Láng, 1992-1997

Đạo và Đời

Nguyễn Nam-Giao

Sự thành lập một quốc gia Hồi giáo ở Iran (sau cuộc cách mạng thắng lợi do Khomeiny lãnh đạo năm 1979), sự chiếm quyền của nhóm Talibans ở Afghanistan, phong trào đấu tranh vũ trang của F.I.S. (Front Islamique du Salut, Mặt trận Hồi giáo Cứu rỗi) với mục tiêu tối hậu đưa Hồi giáo lên hàng quốc giáo và xây dựng một nước Algérie mới dựa trên thánh kinh Coran, sự xung đột giữa các cộng đồng Ấn độ giáo, Sikh và Hồi giáo ở Ấn độ những năm gần đây là những sự kiện rất đáng chú ý. Đáng chú ý vì sự bành trướng mau chóng của Hồi giáo đã đành mà còn đáng chú ý vì những cuộc bạo động diễn ra khắp nơi được biện minh bằng lý do tôn giáo và vì vậy, về phương diện đạo đức, được coi là chính đáng. Do đó ta nên đặt lại vấn đề tương quan giữa Đạo với Đời, tương quan giữa Tôn giáo với Nhà nước. Từ lâu lắm rồi, vấn đề này được các quốc gia châu Âu giải quyết một cách dứt khoát khi họ phân định phạm vi tinh thần (hay tâm linh) của tôn giáo và phạm vi thế tục của Nhà nước. Đây là mối liên hệ tốt đẹp giữa Đạo và Đời ? Có nên xem tôn giáo là nền tảng của mọi sinh hoạt xã hội không ? Nâng một tôn giáo lên địa vị quốc giáo phải chăng ta đã làm một việc tốt đẹp ? Với tôn giáo nói chung, đâu là thái độ hợp lý nhất ? Thái độ của ta chỉ hợp lý khi ta hiểu rõ bản chất đích thực của tôn giáo. Với một cái nhìn khách quan, tôn giáo là toàn thể tư tưởng về con người, về vũ trụ, về ý nghĩa của cuộc đời và một số thực hành (cúng tế, cầu nguyện, hành hương vv...) Vì thực hành chỉ có nghĩa khi kèm theo lý thuyết cho nên tôn giáo thiết yếu là một hệ thống tư tưởng. “ Sáng tạo ”, “ luân hồi ”, “ nhân quả ”, “ nghiệp báo ”, “ giải thoát ” vv... đều là những tư tưởng tôn giáo. Trên thực tế có nhiều hệ thống tư tưởng khác nhau : khoa học, triết học, “ khoa học huyền bí ”, các ý thức hệ chính trị. Tôn giáo là một loại tư tưởng đặc biệt. So sánh nó với khoa học ta dễ nhận ra tính chất đặc biệt này. Khoa học bắt nguồn từ lý trí — khả năng nhận thức duy nhất của con người — và nỗ lực tôn trọng đòi hỏi của lý trí ; khác với khoa học, tôn giáo bắt nguồn từ sự giảng dạy của một cá nhân hay một tập thể được ghi giữ trong kinh, thánh thư. Lấy thí dụ toán học, ta sẽ hiểu rõ sự khác biệt này. Định lý toán học là những mệnh đề thuần lý vì được chứng minh ; chúng không thay đổi. Theo hình học Euclide, tổng số các góc trong tam giác bao giờ cũng bằng 180°. Trong toán học cũng có những mệnh đề không được chứng minh (thí dụ các tiên đề), và vì không được chứng minh nên các tiên đề không phải là chân lý bất di bất dịch. Trong tôn giáo thì khác hẳn. Mệnh đề làm nền tảng cho tôn giáo — gọi là tín điều hay giáo điều — không bao giờ được chứng minh (như các định lý toán học) cũng không bao giờ được kiểm chứng (như các qui luật vật lý

, hóa học). Thiên chúa giáo khẳng định có một Thượng đế sáng tạo ra vạn vật, Ấn độ giáo khẳng định có luân hồi. Cả hai tôn giáo này đều không biện minh ý niệm “ sáng tạo ” và “ luân hồi ” dựa vào lý trí, nhưng đồng thời đòi hỏi tín đồ phải tuyệt đối tin tưởng rằng : đó là chân lý. Khoa học không đòi hỏi ta phải tin mà chỉ giúp ta hiểu và biết. Tồn tại nhờ niềm tin cho nên tôn giáo không phải là một tri thức đích thực. Tôn giáo có tính cách ngoại lý chứ không thuần lý như khoa học. (Chúng tôi chỉ nhằm mục đích mô tả bản chất hai loại tư tưởng mà không cố ý đưa ra phán đoán giá trị).

Dù ngoại lý, “ chân lý ” tôn giáo vẫn được xem là hiển nhiên, do đó bất di bất dịch. Đối với người Hồi giáo không có gì hiển nhiên bằng nguồn gốc thiêng liêng của kinh Coran, cũng như tín đồ Ấn độ giáo không bao giờ nghi ngờ thực tại của luân hồi và của nghiệp báo. Vì lý do đó nên mọi tôn giáo đều cực lực lên án những đòi hỏi sửa đổi. Theo họ, tất cả những khuynh hướng muốn xét lại tín điều, thánh thư đều phạm thánh, dị giáo (*hérésie*) hoặc tà thuyết. Tối đây ta có thể nhận thấy một dị biệt lớn lao giữa tôn giáo và khoa học : khoa học luôn luôn chấp nhận sự xét lại (Trong lịch sử, khoa học sơ dĩ tiến bộ được là nhờ xét lại ; thiên văn học đã làm một bước lớn lao khi Copernic dám đi ngược lại thuyết địa tâm và chứng minh rằng trung tâm của Thái dương hệ là mặt trời chứ không phải là Quả đất).

Mọi tư tưởng tôn giáo đều tương ứng với những thực thể “ siêu nhiên ” nghĩa là những thực thể không thuộc về thế giới tự nhiên. Ý niệm “ thiên đường ”, “ hỏa ngục ”, “ nhân quả ”, “ luân hồi ” vv. chỉ có nghĩa khi ta thừa nhận có một thế giới khác ngoài thế giới thiên nhiên. (Thế giới thiên nhiên là đối tượng nghiên cứu của khoa học). Tôn giáo phân biệt rõ ràng hai thế giới : tự nhiên và siêu nhiên. Thêm một lần chứng minh tôn giáo khác với khoa học : đối với khoa học, thiên nhiên là thế giới duy nhất có thực, và một “ thực thể ” không có trong vũ trụ chỉ là một “ vật ” tưởng tượng. Khoa học chấp nhận linh hồn (Tâm hay tinh thần) như một thực thể mang tính chất trái ngược với sự vật, nhưng khoa học không tiến tới chỗ quan niệm linh hồn độc lập đối với thân xác và có khả năng tồn tại ngoài thân xác. Đối với khoa học, con người chỉ có một cuộc đời độc nhất ; khi chết cả hồn lẫn xác đều tan rã. Trái lại, sự hiện hữu độc lập của tinh thần, tính cách bất diệt của linh hồn là những luận điểm căn bản của tôn giáo, một thứ luận điểm chỉ có nghĩa khi có một thế giới siêu nhiên. Theo tôn giáo, ở thế giới siêu nhiên có một thứ quyền lực tối cao đủ khả năng chi phối vận mệnh con người. Thiên nhiên cũng có khả năng chi phối đời sống con người, nhưng, khác với thiên nhiên, quyền lực siêu nhiên mang bộ mặt hữu ngã (personnel). Trước thiên nhiên con người có hai thái độ : hoặc nhẫn nhục, chịu đựng như người xưa hoặc ra tay chế ngự thiên nhiên nhờ nhận thức các qui luật tự nhiên. Đối với quyền lực siêu nhiên, con người có khả năng thiết lập một quan hệ hữu ngã. In hệt trẻ con biết cách làm cho cha mẹ chiều theo ý muốn chúng, tín đồ tin rằng sự cúng tế, lời cầu nguyện và những thực hành khác có đủ sức làm cho quyền lực siêu nhiên phải xiêu lòng bằng cách tế độ mình. Những câu nói đại loại : “ Phật độ chúng sinh ”, “ ơn Trên ”, “ lạy Trời (mưa thuận gió đều)... ơn Trời (mưa nắng phải thì) ” đã cho thấy sự biểu lộ của ý thức tôn giáo. Quyền

lực siêu nhiên không lạnh lùng, không dửng dưng với con người. Không dựa vào lý trí cũng không thoả mãn đòi hỏi của lý trí, do đó tôn giáo không có bản chất một tri thức. Một tri thức đích thực, dù thuần túy lý thuyết — nghĩa là dù không được ứng dụng — vẫn là một tri thức. Ngược lại, tôn giáo đòi hỏi tín đồ phải thể hiện hàng ngày tín ngưỡng trong cuộc sống. Đạo là để hành chứ không phải để lý luận suông. Là một Phật tử chân chính tôi có bốn phận phải từ bỏ hi vọng đồng thời không được tham sân si. Một tư tưởng thiết yếu gắn liền với hành động thường được gọi là ý thức hệ ; như vậy, bản chất của tôn giáo là một ý thức hệ (*idéologie*). Ý thức hệ tôn giáo giữ một vai trò trọng yếu trong đời sống của nhân loại. Tôn giáo có mặt khắp nơi, trong mọi xã hội và ở mọi thời kỳ ; tôn giáo là thành phần thiết yếu của văn hóa. Ở Việt-Nam, đã có thời Thiên chúa giáo bị các vua nhà Nguyễn triệt để ngăn cấm, bài xích, nhưng nó vẫn tồn tại và bành trướng. Sự việc đó chứng minh rằng tôn giáo rất quan trọng đối với con người. Vì lý do đó nên nhiều nhà tư tưởng đã không ngần ngại nói đến một nhu cầu tôn giáo nơi con người. Tôn giáo còn ảnh hưởng đến văn chương, hội họa và các ngành nghệ thuật khác nữa. Khi mô tả nền văn minh La Mã nói riêng và Âu châu nói chung, ta bắt buộc phải nhắc đến những thánh đường Thiên chúa giáo. Cũng vậy, khi nói đến các nền văn minh châu Á, muốn trung thực ta không thể nào bỏ qua ảnh hưởng sâu đậm của Phật giáo. Xét trên bình diện cá nhân, tôn giáo cũng có những tác dụng tích cực. Nhiều người tìm thấy sự bình an trong tâm hồn hoặc cảm thấy được an ủi khi tìm đến tôn giáo. Nhiều người tìm thấy ý nghĩa của cuộc đời lúc họ để tâm hồn hướng về Chúa, Allah hay Đức Phật. Bên cạnh những tác dụng tốt đẹp, ta phải công bằng để nhận rằng tôn giáo cũng có những tác dụng tiêu cực, đặc biệt trong vấn đề bạo động. Không có tôn giáo nào chủ trương, khích lệ sự bạo động, nhưng, tự bản chất, tôn giáo có chứa mầm mống của bạo động. Mầm mống này biểu lộ trong sự khẳng định chiếm hữu chân lý. Tôn giáo nào cũng tin rằng mình nắm giữ sự thật về con người, về vũ trụ, về cuộc đời. Theo các tôn giáo, sự thật này rất “hiển nhiên”, do đó không thay đổi được, tương tự như mệnh đề : hai cộng hai bằng bốn. Tín đồ Hồi-giáo, Do-thái-giáo, Thiên-chúa-giáo không mấy may hoài nghi giá trị của ý niệm “ sáng tạo ”, cũng như tín đồ Ấn-độ-giáo, Phật-giáo xem luật nhân quả là một thứ chân lý không thể phủ nhận. Và một khi đã hoàn toàn tin tưởng rằng mình nắm giữ chân lý, một thứ chân lý độc quyền (vì chân lý bao giờ cũng có tính cách duy nhất), đương nhiên ta xem những tôn giáo khác là sai lầm hoặc tà-giáo. Thái độ cực đoan đó dẫn đưa tới ý muốn làm sao cho người khác từ bỏ tín ngưỡng cũ để theo tôn giáo mình. Giảng đạo, thuyết pháp là những phương tiện thường thấy. Sử dụng các phương pháp đó không có gì đáng lên án, ngược lại, dùng bạo lực, dù dưới hình thức nào, là tỏ ra thiếu khoan-dung, ngay cả khi người khác sai lầm. Sự bất-khoan-dung còn thể hiện trong ước muốn áp đặt lên trên xã hội một chế độ pháp lý – chính trị dựa trên sự giải thích chủ quan các thánh-thư. Ở những quốc gia lấy Hồi-giáo làm quốc-giáo, đàn bà không bình đẳng với đàn ông, vì sự bất-bình-đẳng giữa hai phái cũng như sự phục tùng của người đàn bà được coi là “phù hợp” với thánh kinh Coran, nghĩa là phù hợp với ý muốn của Thượng đế. Đòi hỏi nhà lãnh đạo

tôn giáo — đồng thời là nhà lãnh đạo chính trị — phải sửa đổi luật pháp để tôn trọng dân chủ, tôn trọng sự bình đẳng nam nữ (như nhà văn nữ Taslima Nasreen đã làm ở Bangladesh) là phạm thánh, là tỏ ra bất phục tùng Thượng đế, do đó đáng bị kết án tử hình. Sự bạo động còn thêm rõ nét khi nhà lãnh đạo biết lợi dụng hoàn cảnh họ đang nắm giữ cả hai loại quyền lực tôn giáo và chính trị để thực hiện mưu đồ có tính cách trần tục nhưng lại gán cho nó ý nghĩa tôn giáo. Trong cuộc chiến tranh kéo dài bảy năm (giữa Iran và Irak), hai nhà lãnh đạo Khomeiny (Iran), Saddam Hussein (Irak) đều lên tiếng kêu gọi nhân dân hai nước nên chấp nhận mọi sự hi sinh để tiến hành mục đích “cao cả” : thánh chiến (*Djihad*). Điều đáng nói là : cả hai vị lãnh tụ đều dùng thánh kinh Coran để biện minh cho lời kêu gọi của mình. Nếu một trong hai người thực sự tôn trọng kinh Coran thì người kia đương nhiên là dị giáo. Có người tin rằng bất khoan dung và bạo động không bắt nguồn từ tôn giáo mà là do sự lợi dụng tôn giáo của một vài cá nhân lẻ tẻ. Đành rằng tôn giáo không chủ trương bạo động nhưng ta không thể phủ nhận trách nhiệm của tôn giáo trước những sự bạo động nhân danh tôn giáo. Cũng như tôn giáo, khoa học không chủ trương bạo động, nhưng không ai nhân danh khoa học để bạo động. Làm sao giải thích sự khác biệt đó ? Hiển nhiên có nhiều yếu tố dị biệt, nhưng có một dị biệt lớn lao giúp ta hiểu rõ sự bạo động trong tôn giáo : khoa học không khẳng định các mệnh đề khoa học là những chân lý tuyệt đối và bất di bất dịch, trong khi tôn giáo lại cho rằng các tín điều có giá trị tuyệt đối và vĩnh cửu. Nói cách khác, khoa học chấp nhận sự phê bình, sự xét lại và nhà khoa học chân chính có thái độ khiêm tốn lẫn khoan dung. Ngược lại, tôn giáo cực lực lên án mọi phê bình, mọi ý muốn xét lại. Tín đồ các tôn giáo để có thái độ bất khoan dung vì họ tin tưởng mãnh liệt vào giá trị chân lý tuyệt đối của tôn giáo mình. Do đó họ dễ đi tới chỗ cuồng tín, bạo động đồng thời biện minh cho sự bạo động của mình. Một khi tôn giáo ngấm chứa khả năng đưa tới bất khoan dung và bạo động, thì tôn giáo không thể là nền tảng lý tưởng của một xã hội công bằng và nhân đạo. Một xã hội công bằng và nhân đạo không làm thỏa mãn hết mọi đòi hỏi của con người (vì ngoài công bằng và nhân đạo con người còn cần tình yêu : xã hội thực sự lý tưởng là một cộng đồng trong đó mọi phần tử phải thương yêu nhau), nhưng công bằng và nhân đạo vẫn là điều kiện cần tối thiểu cho con người. Một xã hội xây dựng trên tôn giáo khó đi đến chỗ công bằng, nhất là khi có mầm mống bất khoan dung và, tự bản chất, đã phân biệt kẻ chính người tà. Ngoài ra, như đã trình bày, vì có tính chất ngoại lý cho nên tôn giáo không thể làm nền tảng cho xã hội. Con người và nhân loại chỉ thực sự tiến bộ khi biết dựa vào lý trí và có những thực hành hợp lý. Lý trí sản sinh ra khoa học, kỹ thuật nhờ đó con người biết khắc phục thiên nhiên và cải thiện cuộc sống. Trong phạm vi xã hội – chính trị, sự tiến bộ thể hiện qua những hình thái tổ chức hợp lý. Về phương diện này, chúng ta nhận thấy rằng ở các nước Tây phương họ phân biệt rạch ròi và hợp lý lãnh vực công và tư, thế tục và tôn giáo. Ngoài ra họ còn phân quyền lực chính trị ra ba loại quyền độc lập : lập pháp, hành pháp và tư pháp. Không phải mọi người đều có một sở thích, một niềm tin như nhau, vì vậy

(xem tiếp trang 28)

ngày xuân ôn cố tri tân

Minh thần CHU THUẤN-THUY

(1600-82).

ở Việt Nam và Nhật Bản

Vĩnh Sinh



Chu Thuấn-Thủy và thủ bút

Vào giữa thế kỷ 17, sau khi người Mãn Thanh lên nắm quyền ở Trung Quốc, nhiều trung thần của nhà Minh không chịu thần phục nhà Thanh bỏ trốn sang Nhật Bản, Việt Nam cùng các nước Đông Nam Á khác nhằm mưu tìm cơ hội khôi phục nhà Minh. Trong số những Minh thần này, có một trung sĩ (người có tài được tiến cử ra giúp triều đình chứ không qua đường thi cử) tên là Chu Thuấn-Thủy rất đáng được chú ý. Sử liệu Trung Quốc và Nhật Bản cho biết trước khi sang Nhật định cư vào năm 1658, Chu đã nhiều lần theo tàu buôn đến Việt Nam. Trong khoảng thời gian ở nước ta, không những sở học của Chu chẳng có ai nhận chân được giá trị, thậm chí có lúc Chu còn bị giam giữ và hăm dọa đến tính mạng. Chu đâm ra chán ngán, rời Việt Nam và sang định cư

ở Nhật với tư cách là một học giả Nho học cho đến khi mất (1682). Trước khi rời Việt Nam, Chu có viết một ký sự về khoảng thời gian sống ở đất Thuận Quảng (Thuận Hoá – Quảng Nam) mang tên là “*An-Nam cung-dịch ký-sự*” (Ký sự về việc phục dịch ở An Nam ; 1657).¹ Trong thời gian ở Nhật, Chu được nhiều người mến mộ tài năng nên đã có dịp thi thố sở học của mình và đã góp phần xứng đáng vào việc nghiên cứu Nho học ở Nhật lúc bấy giờ. Ngày nay, ở Trung Quốc và Nhật Bản tên tuổi của Chu còn được nhắc nhở đến khá nhiều, trong lúc đó ở Việt Nam không mấy ai biết đến. Bài này có mục đích giới thiệu đôi nét về Chu Thuấn-Thủy và “*An-Nam cung-dịch ký-sự*” cùng một vài tài liệu khác có liên hệ đến Việt Nam.

Chu người Dư Diêu (cùng quê với Vương Dương-Minh) tỉnh Chiết Giang, sinh năm 1600 vào đời Vạn Lịch nhà Minh. Tên thật của Chu là Chi-Du, hiệu là Thuấn-Thủy, tổ tiên hình như có liên hệ với Minh Thái-Tổ Chu Nguyên-Chương. Vì chán cảnh quan trường thối nát, Chu hồi trẻ đã nuôi chí giúp đời (*kinh-thế tế-dân*) và nhất quyết không chịu đi thi, chỉ theo thầy đọc sách ở Tùng-giang-phủ (Nam Kinh). Tuy không đi thi, nhưng sở học và tài năng của Chu được xa gần đánh giá rất cao. Năm 1638, Chu được Học-chính giám-sát ngự-sử ở Tô Tùng (Tô Châu và Tùng Giang) chọn là nhân vật “văn vũ toàn tài đệ nhất” và tiến cử lên Bộ Lễ làm “*ân công sinh*”. Thượng thư Bộ Lễ lúc bấy giờ sau khi đọc bài viết của Chu, khen là “*khai quốc lai đệ nhất*” (hay nhất từ khi nhà Minh được khai sáng).

Khi quân phản loạn của Lý Tự-Thành công phá Bắc Kinh (1644), Minh Nghệ-Tôn phải thất cố tự tử, di thần nhà Minh là Sử Khả-Pháp lập Phúc-Vương Do-Tùng (tức Hoàng-quang đế) ở Nam Kinh. Có điều lạ là lúc này Chu được Phúc-Vương vời ra giúp hơn mười lần nhưng lần nào Chu cũng nhất mực khước từ, đến nỗi phải bị hạch tội là không giữ lễ quân thần. Phải chăng Chu muốn giữ một tư thế độc lập trong nỗ lực phục hồi nhà Minh? Sau khi Phúc-Vương bị quân Thanh bắt sống (1645), nhóm Trương Quốc-Duy lập Lỗ-Vương Dĩ-Hải làm Giám quốc ở Chiêu Hưng. Chính Giám quốc Lỗ-Vương là người đã ban chiếu ân xá cho Chu vào năm 1657. Tuy Chu không bao giờ giải thích vì sao trong khoảng 12 năm từ 1646 cho đến 1658, Chu đã từ Chu Sơn (Chiết Giang) bốn ba sang An Nam (chủ yếu chỉ miền Thuận Quảng lúc bấy giờ) ít nhất 5 lần và Nhật Bản (Nagasaki) 7 lần, ta có thể phỏng đoán rằng mục đích các chuyến đi của Chu là để tìm cách yểm trợ phong trào phục Minh ở miền Nam Trung Quốc.

Căn cứ trên những tài liệu Trung Quốc và Nhật Bản, Chu đã đến An Nam 5 lần sau đây :

- (1) 1646, từ Nagasaki – An Nam, về Chu Sơn ;
- (2) 1651, từ Chu Sơn – An Nam;
- (3) 1652, từ Nagasaki – An Nam, bị bệnh ;
- (4) 1653, từ An Nam – Nagasaki (tháng 7), từ Nagasaki – An Nam (tháng 12) ;
- (5) 1654, từ An Nam – Nagasaki (tháng giêng), từ Nagasaki – An Nam, bị thổ huyết rồi lưu trú tại Việt Nam ; 1656 :

1 “*An-Nam cung-dịch ký-sự*”, *Chu Thuấn-Thủy tập* (Bắc Kinh : Trung Hoa Thư cục, 1981), tập hạ.

từ An Nam định đi Áo Môn, nhưng không đi được, tiếp tục ở lại An Nam ; 1657 : bị giam giữ, sau khi được thả về bị thổ huyết nặng ; 1658 : từ An Nam đi Nagasaki (vào mùa hè).

Trong 5 lần đến An Nam, thời gian Chu lưu trú lâu nhất là khoảng 4 năm từ 1654 cho đến 1658. Khi tiếp xúc với phủ chúa Nguyễn vào năm 1657, Chu bị giam giữ một thời gian và có lúc suýt mất mạng. *An-Nam cung-dịch kỷ-sự* (viết năm 1657) là “ hồi ký ” của Chu viết về những sự việc xảy ra lúc này. Ta hãy xem Chu đã ghi lại những gì trong tập sách đó.

Chu cho biết là Chu nhận được hịch chiêu mộ người biết chữ (thức-tự) của “ quốc vương ” vào ngày 29 tháng giêng năm Đinh Dậu, năm thứ 11 đời Vĩnh Lịch nhà Minh, tức là năm 1657. Vì văn thư ở nước ta vào lúc này viết bằng chữ Hán, đối tượng chính của những đợt “ tìm người biết chữ Hán ” này thường là người Hoa. Ta biết rằng lúc này Chu đang cư ngụ ở Hội An (Faifo), vậy “ quốc vương ” ở đây là chúa Nguyễn, hay nói rõ hơn là chúa Nguyễn Phúc Tần (tức chúa Hiền; làm chúa từ 1648 đến 1687). Đây có lẽ là lần đầu tiên Chu tiếp xúc với phủ chúa, trước đó tuy Chu đã đến đất Thuận Quảng nhiều lần nhưng hình như không có liên hệ trực tiếp với chính quyền chúa Nguyễn. Khi nhận được hịch chiêu mộ và ra trình diện ngày 3 tháng 2, Chu bị “ tống giam ” (*yếm-bố*) và bị đối đãi giống như “ tù giặc nước ngoài bị bắt sống ” (*khấu-lỗ*).

Sau đó, khi được dẫn đến nha môn, quan ra lệnh cho Chu làm một bài thơ khẩu húng rồi viết lên giấy. Chu khẳng khái không chịu làm thơ, dùng bút viết giải thích như sau : « Tôi, Chu Chi-Du người Du Diêu, Chiết Giang ; chánh quán Tùng Giang, Nam Trực Lệ [tỉnh Giang Tô]. Khi người Trung Quốc phải chịu cảnh nước mất nhà tan, trời nghiêng đất ngã, tôi không cam bím tóc theo giặc [Mãn Thanh], nên mới chạy trốn sang quý quốc từ 12 năm nay,² lìa bỏ mồ mả cha ông, để lại vợ con. Khí giặc vẫn không suy, người Minh chúng tôi khó lòng về lại. Lòng tôi tan nát, ruột gan nóng như lửa đốt, làm thơ sao đặng. Xin coi điều tôi khai là đúng với sự thật ». Viên quan không tin, “ dùng mọi cách để áp đảo Chu ”, nhưng vì đã “ sẵn sàng chết ” nên Chu “ vẫn giữ thái độ vẫn ung dung bình thản ”.³

Khi biết Chu là “ *cống sĩ* ” (giống như “ *trung sĩ* ”, nhưng *trung sĩ* là cách gọi tổng quát), quan có ý xem thường, cho học lực của Chu không thể nào đo được các vị khoa bảng nhà mình, nên mới hỏi : “ *Cống sĩ* so với cử nhân tiến sĩ, bên nào

lớn hơn ? ”. Vì trước đó Chu đã từng bị một vị tiến sĩ ở nước ta làm “ nhục ”, nên Chu đoán ý của viên quan là “ xem trọng tiến sĩ ”, bèn đáp : « *Quý quốc không hiểu ý nghĩa của việc thi cử nên mới hỏi như vậy. Cống sĩ là biệt danh của cử nhân, bởi vậy người ta thường nói “ Cống sĩ của khoa... gì đó ”. Giữa cống sinh và cử nhân tiến sĩ cũng có khác biệt, nhưng vấn đề không phải ở chỗ lớn nhỏ. Ở triều đình nước chúng tôi lúc đầu trọng “ cống ”, kể từ đời Thành Hóa (1465) và Hoàng Trị (1488) [nhà Minh] lại trọng giáp khoa (cử nhân và tiến sĩ), tức là lưỡng bảng. Ngay như cống sinh cũng đã bất đồng : có tuyển cống, có ân cống, có bạt cống, có tước cống, có chuẩn cống, lệ cống, cao thấp khác nhau... »⁴.*

Ngày 8 tháng 2, Chu được đưa đến “ *ngoại doanh sa* ” để “ *mệnh kiến quốc vương* ”. Chu có chú thêm chỗ đóng binh (*đồn binh*) của quốc vương là “ một cái gò lớn, dọc theo âm An Nam ”. Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, “ *Chính dinh* ” của chúa Nguyễn lúc bấy giờ ở thành Phú Xuân, và dinh ngoài là Dinh Cát (ở xã Ái Tử, huyện Đăng Xương,⁵ thuộc đất Thuận Hoá lúc bấy giờ; nay là huyện Triệu Phong tỉnh Quảng Trị). “ *Dinh Cát* ” cũng là âm Việt của “ *doanh sa* ”, phù hợp với lời thuật lại của Chu. Ngoài ra, Chu còn ghi là Chu rời Hội An “ ngày hôm trước ” (mồng 7 tháng 2), như vậy có lẽ Chu đã được dẫn từ Hội An ra Dinh Cát bằng thuyền.

Chu kể lại rằng hôm yết kiến quốc vương, “ *tất cả bá quan văn võ tụ tập có đến mấy ngàn người ở mái phải của cửa chính, tay cầm giáo mác xếp thành hình tròn* ”. Khi “ *muôn người đang trở mắt nhìn* ”, có lệnh bảo Chu “ *đi nhanh lên* ”, nhưng Chu “ *vẫn khoan thai từ từ đi vào cửa* ”. Đến trước chúa, Chu viết trên tấm lụa đã trải ra sẵn hai chữ “ *đốn-thủ* ” (xin kính cẩn cúi đầu). Quan hầu đứng cạnh chúa thấy Chu chỉ viết “ *đốn-thủ* ” nhưng không chịu lạy, bèn dùng gậy viết lên cát chữ “ *bái* ” (lạy đi !). Chu mượn gậy, viết thêm trên chữ “ *bái* ” một chữ “ *bất* ”, tức là “ *bất bái* ” (không lạy). Quan hầu “ *trợn mắt xấn tay áo, đến bắt Chu lạy, Chu gạt tay khiến quốc vương đại nộ* ”. Các quan văn võ nổi trận lôi đình, bảo Chu “ *cậy thế Trung Quốc là nước lớn, khinh nhờn nước nhỏ* ”, xin chúa cho giết Chu. Lại có y quan (giống như bác sĩ ngày nay) Lê Sĩ Khôi đến khuyên Chu : « *Suy đi tính lại mà lạy quốc vương đi ! Không lạy tất bị chém đầu đấy !* ». Chu trả lời : « *Tôi là *trung sĩ* của nhà Minh, sang đây tránh giặc. Vì chữ nghĩa [đối với nhà Minh] tôi không thể lạy quốc vương được... Mấy hôm trước, khi rời Hội An tôi đã chào vĩnh biệt các bạn bè thân thiết rồi, không phải đến đây mà bỏ ý chết. Hôm nay nếu tôi chết mà giữ lễ [với chúa cũ là Giám-quốc Lỗ-Vương] được thì tôi cũng ngậm cười nơi chín suối. Lọ là phải nói nhiều lời* ».⁶

Trong “ *Thượng Giám-quốc Lỗ-Vương tạ-ân tấu-sớ* ” (Sớ tạ ơn tâu lên Giám quốc Lỗ-Vương) thảo sau khi được thả về Hội An và nhận được chiếu ân xá của Giám quốc, Chu giải thích rõ hơn lý do vì sao không chịu lạy chúa Nguyễn : “ *Thần nhiều lần nhận được chiếu sắc vời làm *trung sĩ* của quốc gia, khác với những quan viên tầm thường khác, nếu quỳ gối lạy trước triều đình của một nước vị khai (di-triều) thì sẽ làm nhục quốc điển. Quốc vương không biết nghi lễ đó, nổi giận muốn giết thần* ”.⁷

2 Như đã trình bày ở phần trên, từ khi đến An Nam lần đầu vào năm 1646, Chu không ở luôn tại Thuận Quảng trong suốt 12 năm mà vẫn về Chu Sơn và sang Nhật nhiều lần, nên lời khai của Chu là “ *chạy sang quý quốc từ 12 năm nay* ” phải hiểu theo nghĩa là không lưu trú liên tục.

3 “ *An-Nam cung-dịch kỷ-sự* ”, trang 15.

4 Như trên, trang 16.

5 Lê Quý Đôn, *Lê Quý Đôn toàn tập*, Tập 1 : *Phủ biên tạp lục* (Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội, 1977), trg. 109, 144-145. Một số nhà nghiên cứu từ trước đến nay thường tưởng lầm rằng Dinh Cát ở Hội An.

6 “ *An-Nam cung-dịch kỷ-sự* ”, trang 18-19.

7 *Chu Thuán-Thủy tập* (Trung Hoa Thư cục, 1981), Tập hạ, trang 32.

Cũng cần nói thêm là ở Hội An, Chu không ở phố Khách mà cứ ngụ ở phố Nhật, thuê nhà chung với ba người Nhật. Chủ nhà là Gombê (Quyền-bình-vệ), cũng là người Nhật. Sáng sớm trước khi bị dẫn ra Dinh Cát, Chu tắm gội sạch sẽ, rồi căn dặn cận kề người nhà phải làm gì trong trường hợp bị giết mà không về lại Hội An. Khi bị hăm dọa chém đầu vì không chịu lay, Chu yêu cầu Lê Sĩ Khôi là sau khi giết Chu nếu được thì xây một tấm bia bên mộ khắc mấy chữ “*Minh trung quân tử Chu mô chi mộ*” (Mộ của người họ Chu, người quân tử được nhà Minh vời ra giúp).

Vẫn theo lời thuật lại của Chu, sau đó quốc vương mặt sai người vào Hội An nhiều lần để điều tra xem lời khai của Chu có đúng sự thực hay không. Khi biết rõ là Chu không có tội tình gì, các quan phủ chúa mới bỏ ý định giết Chu. Sau đó đến ngày 19 tháng 2, Chu được thư của chúa mời Chu ra giúp, trong thư có câu: “*Thái Công [Vọng, tức Khương Tử Nha] xưa phò nhà Chu dựng nên nghiệp vương, Trần Bình giúp nhà Hán [Lưu Bang Hán Cao-Tổ] hưng khởi*”. Nhưng đối với Chu, lúc này thì đã cạn tàu ráo máng. Bởi vậy, trong thư trả lời viết cùng ngày hôm đó, Chu từ chối lời mời của chúa Nguyễn.⁸

Tuy vậy, sang ngày 20 tháng 2 Chu nhận viết thay chúa Nguyễn một bài hịch kêu gọi người tài cán ra giúp để chống lại quân giặc (lỗ). Bài hịch này mang tên là “*Đại An-Nam quốc-vương thư*” (Thư viết thay cho An Nam quốc vương). Ta biết rằng vào lúc này chúa Nguyễn Phúc Tần một mặt vừa đánh nhau với Chiêm Thành ở vùng Phú Yên, một mặt đang giao chiến kịch liệt với quân chúa Trịnh Toàn ở vùng Hà Tĩnh, Nghệ An. Chữ “*lỗ*” dùng ở đây chắc hẳn để chỉ quân chúa Trịnh. Bài hịch có những câu như: “*Nay quân giặc đã đến trước mắt, công trạng ở trong tầm tay. Hãy phất cờ phò tá lập nên huân nghiệp, làm sáng tỏ khí tiết trung nghĩa trong trời đất. Các người sẽ được chia đất phân nhà, ban ngọc thưởng rượu. Vinh quang rạng rỡ tổ tiên, phúc Trạch lưu truyền con cháu. Đấy không phải là vĩ nghiệp của đại trượng phu, và điều vui sướng của người trai có tài lạ [kỳ-nam-tử] hay sao?*”⁹.

Chu kể lại là khi từ Dinh Cát về lại Hội An thì đồ đạc trong phòng Chu bị kẻ trộm vào lấy sạch, không còn gì cả. Trong khi hàng xóm láng giềng ai cũng đình ninh chủ nhà là thủ phạm, Chu vẫn một mực không chút tỏ ý nghi kỵ Gombê. Sau khi điều tra biết Gombê là người vô tội, lúc bấy giờ hàng xóm mới khen Chu không phải là người tầm thường.¹⁰ Căn cứ theo thư Chu gửi Giám quốc Lỗ-Vương từ Hội An, sau đó Chu bị thổ huyết không ngừng, đến mùa hè năm sau (1658), Chu mới hồi phục để theo tàu buôn trở sang Nagasaki. Tại đây, Chu gặp được tri kỷ là Andô Shuyaku (Seian), gia nhân của Yanagawa-han (han giống như là một lãnh địa). Andô mướn tài Chu, muốn mời Chu làm thầy. Nhưng lúc đó, nghe tin Trịnh Thành-Công đã cử quân Bắc phạt và đang uy hiếp Nam Kinh, Chu trở về Hạ Môn (tháng 10, 1658), cùng con thứ là Chu Đại-Hàm gia nhập hàng ngũ kháng Thanh. Rủi ro cho Chu, Đại-Hàm bị bệnh chết bất thành linh, và sau đó chẳng bao lâu lực lượng kháng Thanh đại bại ở Nam Kinh (tháng 7, 1659), bản thân Trịnh Thành-Công phải rút lui về đảo Kim Môn.

Tháng 10 năm 1659, Chu quyết định trở lại Nagasaki.

Andô Shuyaku không những giúp Chu xin giấy phép cư trú đặc biệt mà còn tự trích ra một nửa bổng lộc của mình để giúp Chu. Qua sự khuyến khích của Andô, Chu viết tập *Dương cửu thuật lược*¹¹ (1661), kể lại nguyên nhân vì sao nhà Minh gặp họa mất nước.

Ở Nagasaki được 5 năm, Chu được tiến cử làm tân khách của Mito-han, một trong ba lãnh địa lớn nhất ở Nhật dưới thời tướng quân Tokugawa (Đức-Xuyên). *Daimyô* (giống như lãnh chúa) của Mito-han lúc bấy giờ là Tokugawa Mitsukuni (Đức-Xuyên Quang-Quốc, 1628-1700), người chủ trì việc biên soạn bộ *Dai Nihon shi* (Đại Nhật-Bản sử) đồ sộ, bộ sử này trên thực tế phải đến năm 1906 mới hoàn tất (gồm có 397 cuốn). Mitsukuni cũng là người chủ xưởng học phái Mito (*Mito-gaku*), một học phái có ảnh hưởng sâu đậm đến những *shishi* (chí-sĩ) trong phong trào yêu nước dẫn đến Minh Trị Duy Tân. Ở Mito, Chu có may mắn là được Mitsukuni đối đãi hết lòng. Để đền ơn tri ngộ, Chu quyết định ở lại Mito và đem sở học của mình ra đóng góp cho đến khi tạ thế (1682). Mộ của Chu nay vẫn còn ở huyện Ibaragi (Mito-han ngày trước), bia mộ có đề “*Minh-trung quân-tử Chu-Tử mộ*” (Mộ của Chu Tử, người quân tử mưu đồ khôi phục nhà Minh) đúng theo nguyện vọng của Chu từ khi còn luân lạc ở Việt Nam.

Lúc sinh thời, Chu giao du rộng rãi với các học giả trong học phái Mito, và đã góp phần không nhỏ vào việc trao đổi học thuật giữa Nhật Bản và Trung Quốc lúc bấy giờ. Về học vấn và tu tưởng, Chu đặc biệt chú trọng lối học thực hành (*thực-học*), tổng hợp ưu điểm của học thuyết Tống Nho có tính cách quy nạp và coi trọng kinh nghiệm, với ưu điểm của học thuyết Vương Dương-Minh có tính cách diễn dịch và nhấn mạnh về trực giác. Chu xem những lối học không mang lại lợi ích cho đời, cho dầu hào nhoáng đến đâu chẳng nữa, cũng không khác gì đồ bỏ. Trong bức thư trả lời câu hỏi của Andô Shuyaku về “*phương pháp đọc sách và viết văn*”, Chu đáp: “*Điều đáng quý trong học vấn là thực hành. Nhan Hối tuy học một biết mười, nhưng điều quan trọng là Nhan Tử đứng đầu về đức hạnh*”.¹³ Ngoài ra, Chu cũng đã từng căn dặn môn đệ: “*Trên đường học vấn, nhưng người chỉ muốn lập danh thì chẳng có ích gì. Phải áp dụng ngay cho chính bản thân mình*”.¹⁴

8 “*An-Nam cung-dịch kỷ-sự*”, trang 23-24.

9 *Chu Thuấn-Thủy tập* (Trung Hoa Thư cục, 1981), Tập hạ, trang 30.

10 “*An-Nam cung-dịch kỷ-sự*”, trang 29.

11 Có khi gọi là *Trung nguyên dương cửu thuật lược*. “*Dương cửu*” lấy từ câu “*dương ách ngũ, âm ách tứ*” (dương có 5 tai ách và âm có 4 tai ách, tổng hợp tất cả tai ách âm dương thành 9), dùng để chỉ “*tai ách*” hay “*tai họa*”. Văn Thiên-Tuông đời Tống trong Chính-khí ca, có câu: “*Hỡi ôi! Tôi đang gặp dương cửu*”.

12 Túc Nhan Uyên (514-483 trước CN), học trò giỏi của Khổng Phu Tử, trong cảnh hàn vi bao giờ cũng vui vẻ, an bản lạc đạo.

13 “*Đáp An-Đông Thủ-Uớc vấn bát điều*” (Trả lời tám câu hỏi của Andô Shuyaku), *Chu Thuấn-Thủy tập* (Bắc Kinh: Trung Hoa Thư cục, 1981), Tập thượng, trang 369.

14 “*Thuấn-Thủy tiên-sinh hành-thực*” (Những hành động trên thực tế của Thuấn-Thủy tiên sinh), *Chu Thuấn-Thủy tập*, Tập hạ, trang 624.

Người viết bài này hy vọng sẽ có dịp giới thiệu toàn văn bản dịch quốc ngữ của “ *An-Nam cung-dịch ký-sự* ” và nội dung tư tưởng của Chu Thuấn-Thủy một cách đầy đủ hơn. Tam thời, để kết luận bài giới thiệu này, có thể nói rằng mặc dầu những ngôn từ của Chu trong *An-Nam cung-dịch ký-sự* phảng phất không ít tư tưởng Trung Hoa¹⁵ của tác giả, nhưng tập ký sự đồng thời phản ánh sâu sắc một số bài học lịch sử mà cho đến ngày nay vẫn còn đáng được cho chúng ta suy ngẫm.

Tại sao một học giả có tầm cỡ như Chu khi tìm đến đất Thuận Quảng¹⁶ nhưng vẫn không có ai nhận chân được giá trị, phải chờ đến khi sang Nhật Chu mới phát huy được sở học và tài năng của mình ? Vấn đề không có chính sách dài hạn tuyển dụng và nung đúc nhân tài phải chăng chỉ là vấn đề ở đất Thuận Quảng vào giữa thế kỷ¹⁷ hay cũng chính là căn bệnh ngặt nghèo tác hại nền học thuật trên toàn cõi đất nước từ mấy trăm năm nay ? Trên bước đường Nam tiến “ hồ hởi ” dưới thời Chúa Hiền, ta không khỏi thất vọng, tự hỏi vì sao các quan phủ chúa vẫn còn câu nệ bằng biểu và cái học rỗng tuếch đến thế ? Mà xem ra tình trạng này cứ tiếp diễn từ đời này sang đời nọ mãi cho đến ngày nay. Phủ chúa Nguyễn có treo bảng tuyển mộ người biết chữ, có “ cố gắng giảng tập võ bị, sửa sang binh khí, chiêu tập quân dũng cảm, tập trận voi, luyện thủy quân ” (Lê Quý Đôn),¹⁷ nhưng ngoài các chính sách nhằm đáp ứng những nhu cầu có tính cách ngắn hạn, ý thức tuyển dụng và nung đúc nhân tài nhằm xây dựng một nền thịnh trị lâu dài cho đất nước xem ra vẫn còn thấp kém. Để hoá ra chính quyền địa phương ở Nhật, ngay dưới thời “ bế quan toả cảng ”,¹⁸ vẫn có người nhìn xa thấy rộng để nâng đỡ nhà học giả lưu vong Chu Thuấn-Thủy !

Vinh Sinh

Giáo sư TDH Alberta (Canada)

15 Tư tưởng của dân tộc Hán xem văn hoá lâu đời của mình là tối cao và kỳ thị các dân tộc khác. Ý thức kỳ thị các dân tộc lân bang thể hiện qua những tên gọi có tính cách miệt thị như: Đông di, Tây Nhung, Nam man, và Bắc địch.

16 Ở Việt Nam Chu chọn đến đất Thuận Quảng không phải là không có lý do. Chen Ching-Ho (Trần Kinh-Hoà) có nhận xét là vì miền Bắc “ tiếp giáp với các tỉnh Tây Nam Trung Quốc nên mỗi cuộc biến chuyển về quân sự cùng chính trị đều có tương quan mật thiết ”. Bởi thế, vua Lê (trên thực tế là chúa Trịnh) “ không thể không áp dụng ” một “ chính sách nghiêm lệ ” đối với người Trung Quốc. Trong khi đó, ở Thuận Quảng, vì “ cách xa Trung Quốc hơn ” và “ không có quan hệ lợi hại trực tiếp với Trung Quốc ”, nên “ chúa Nguyễn sẵn sàng tiếp nhận những di dân triều Minh ”, và thi hành một chính sách “ tương đối khoan hậu ”. Xem “ Mấy điều nhận xét về Minh-hương-xã và cổ-tích tại Hội-an ”, *Việt Nam Khảo cổ Tập san* (Saigon), số 1 (1960), trang 3-5.

17 *Phủ biên tạp lục*, trang 56.

18 Tiếng Nhật là *sakoku* (tỏa-quốc). Chính quyền Tokugawa bakufu (mạc-phủ) ban hành lệnh cấm người Nhật đi ra khỏi nước và ai đã đi ra nước ngoài thì không được về lại trong khoảng 215 năm từ 1639 cho đến 1853. Chỉ có người Hà Lan, người Trung Hoa, và người Triều Tiên được phép buôn bán với Nhật Bản ở Deshima, một hòn đảo nhỏ nằm trong cảng Nagasaki.

Đạo và Đời

(tiếp theo trang 24)

biện pháp hợp lý nhất là phải giữ làm sao cho các thể chế được trung lập, đứng ngoài và đứng trên cá nhân, trên đoàn thể, trên tôn giáo. Nói cách khác, muốn cho xã hội hợp lý và tiến bộ thì phải tách rời Nhà nước và tôn giáo, phải thực hiện sự độc lập của thể quyền đối với thần quyền. Một xã hội biết cõi mở, biết tôn trọng sự đa dạng, sự tự do lựa chọn tín ngưỡng là xã hội dân chủ thực sự. Vì bản chất ngoại lý, vì niềm tin mình nắm giữ độc quyền về chân lý nên tôn giáo không thể phù hợp với tinh thần dân chủ và do đó không thể nào trở nên một nền tảng tốt đẹp cho xã hội được. Trên thực tế, ở những nước mà nơi đó tôn giáo chiếm địa vị quốc giáo đều thiếu dân chủ và không tôn trọng nhân quyền. (Gần đây, Amnesty International cho biết : các quốc gia Hồi giáo — như Pakistan, Afghanistan, Iran, Irak — đều vi phạm bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền ở điều khoản tra tấn). Nơi nào người dân không thấy rõ bản chất ngoại lý và tương đối của tôn giáo thì nơi đó dễ có bạo động và có những hành vi cực kỳ vô lý như tự sát và tàn sát tập thể. Vụ xung đột đẫm máu giữa hai cộng đồng Ấn độ giáo và Hồi giáo — kết quả có trên hai trăm người thiệt mạng — ở thành phố Ayodhya năm 1990 là một minh chứng hùng hồn. Nguyên nhân : một nhóm Ấn độ giáo quá khích muốn xây ngôi đền thờ Rama (hóa thân của thần Vishnou) chính nơi vị trí của một nhà thờ Hồi giáo vì họ tin rằng đó là nơi Rama đã sinh ra.

Kết luận :

Với bản chất ngoại lý, tôn giáo phải được coi là một vấn đề cá nhân ; mỗi tín đồ có quyền sống và hành động theo qui luật tôn giáo của riêng mình. Nhưng tôn giáo không thể là nền tảng dùng để xây dựng các thể chế xã hội và chính trị. Cũng vì bản chất ngoại lý nên, xét về phương diện nhận thức, không tôn giáo nào đúng hơn tôn giáo nào. Do đó mọi sự lựa chọn một tôn giáo đều có giá trị như nhau. Trong viễn tượng đó, nếu ta đặt ra vấn đề đi tìm một “ quốc đạo ” cho Việt-Nam, xây dựng một thứ tôn giáo dân tộc là làm một việc không có nhiều ý nghĩa nếu không nói là vô nghĩa. Nếu được tự do lựa chọn thì tiêu chuẩn lựa chọn một tôn giáo phải là tiêu chuẩn đạo đức : muốn thành người, ta phải sống hợp với đạo đức chứ không phải hợp với qui luật tôn giáo.

Nguyễn Nam-Giao (Canada)

Giúp nạn nhân trận bão LINDA

* Ngày 11.11.97, thay mặt Liên hiệp Người Việt Nam tại Canada, bác sĩ Lê Hữu Phùng, hội trưởng, đã gửi về báo Tuổi Trẻ 5 000 USD để nhờ chuyển tới đồng bào nạn nhân trận bão Linda.

* Tính đến ngày 20.1.98, Diễn Đàn đã nhận được 7700 FF và 100 FS của độc giả và biên tập viên đóng góp vào quỹ cứu trợ. Số tiền này, chúng tôi đã gửi về nước để được chuyển trực tiếp tới một số gia đình nạn nhân trận bão.

thế giới Trần Quốc Tiến

Nguyễn Khải

Anh là Trần Quốc Tiến, tác giả truyện ngắn được giải của thành phố Hồ Chí Minh : *Mỹ nhân làng Trọng Nghĩa* và hai tập tiểu thuyết do nhà xuất bản Thanh Niên đã in. Anh mặc bộ com-lê Trung Quốc giá khoảng trăm ngàn, cũng cà-vạt, giày đen, lại kính trắng, lại máy nghe vì anh bị điếc, nhưng con người chả ăn nhập gì với các đồ vật khoác trên người, cứ toi tọt, loè xoè, cứ như là vất vợi. Tiến tự giới thiệu là nông dân rặc, nông dân thuần tuý, cày ruộng từ thuở mới lớn tới nay đã ngoài năm mươi vợ chồng vẫn làm ruộng, cả nhà vẫn sống bằng hạt lúa. Chưa bao giờ anh có một chức vụ nào khác ngoài cái chức vụ của một hợp tác xã nông nghiệp : thư ký, đội phó, đội trưởng đội sản xuất, đội phó đội thuỷ lợi chuyên môn, đội trưởng đội nuôi cá, đội trưởng đội bèo dậu, nhân viên thú y, phó ban chăn nuôi của xã. Anh thạo các nghề : cày ải, cày mò, đào mò, đánh lưới bén, lưới bốt, ngâm rọ cá rô, đánh ống lươn, đào ếch, câu cá quả. Làm nhiều công điểm vào loại nhất hợp tác xã mà vẫn đói. Không phải đất bạc mà vì người nông dân không còn yêu đất như xưa. Các thao tác nông nghiệp vẫn đầy đủ, chỉ làm điều thôi : cày lội, bừa chùi, nhổ mạ thì dứt cả chối. Cuối tháng hai còn cấy, toàn mạ già, mạ đã thành nhiều đống ống, mạ đã cạn đẻ mà còn bắt đẻ. Lúa chín cũng không thêm gặt, bông nổi chim ăn, bông chìm cá đớp. Dân làm điều thì phải ăn giả. Còn quan làm điều lại ăn thật. Nên quanh năm đói, một đời đói. Một đời chỉ mơ mộng được ăn một bữa cơm không độn với dưa chấm nước mắm. Ban quản trị hợp tác xã ăn liên hoan. Tiến tư túi với đám làm bếp xin mua được tám lạng thịt đem về rang mặn rồi xếp chồng từng miếng thành ngọn trong cái đĩa, chồng ngồi một bên, vợ ngồi một bên ngắm nghía, trầm trồ : “ *Có tám lạng thịt mà nhiều nhỉ ?* ” Cả năm chiêm cũng như mùa trong nhà chỉ có một nải dưa nén, ăn hết dưa rồi ăn đến cả nước dưa. Cứ múc một bát nước cốt pha với nước lã đun sôi, cắn một miếng củ dong lại húp một ngụm nước dưa, ăn rồi mới khát lại uống nước lã cho đỡ khát, bụng óc ách cả ngày cũng đánh lừa được cai đói. Khi có khoản 100 (1), trâu đỏ (2) đi đàng trâu đỏ, trâu đen đi đàng trâu đen, con người nhận lại đất với hai bàn tay trắng. Lại diễn cái cảnh bố kéo con cầm cày. Con khoẻ thì con kéo bố cầm cày. Rồi dùng cào tre to mười răng thay bừa, đun đi đun lại cho đất tơi ra. Mà anh nông dân lại cười, mặt mũi cứ tươi hơn hớn, già trẻ lớn bé hò nhau ra đồng hệt như ngày hội. Thế mới gọi là lao động được giải phóng, là đời lại được tự do.

Đấy là nói qua tí chút về chuyện chung, còn chuyện riêng của Tiến mới thật ly kỳ vì anh tập viết văn từ năm mười chín

Chú thích của người đánh máy :

(1) Chỉ thị số 100 của Ban bí thư Trung ương ĐCSVN, năm 1980, bước đầu khai tử các hợp tác xã (trên thực tế).

(2) Trâu đỏ là tiếng lóng của nông dân, chỉ *máy cày*, đối lập với con trâu, là *trâu đen*. Với lối quản lý quan liêu cồng kềnh, cơ khí hoá sức kéo không tăng làm năng suất mà trở thành tốn kém. Câu tục ngữ *Trâu đen ăn cỏ, trâu đỏ ăn gà* đã tổng kết khá chính xác tình trạng này.

tuổi. Tới năm bốn mươi chín tuổi, ba chục năm sau mới được in cuốn sách đầu tay, lấy tên là *Cuộc vật lộn lúc rạng đông*. Nhà rất túng, mẹ và vợ làm hàng xáo, lấy vợ sớm nên có con sớm, những bốn đứa con mà ông chủ gia đình còn ham viết lách thì đói là phải. Lúc đi làm thì Tiến viết trong đầu, viết rõ rệt từng câu từng chữ, từng cái chấm phẩy, về nhà thì viết ra giấy. Không có bàn thì úp thúng xuống đất đặt cái mâm gỗ lên làm bàn. Không có giấy thì xin giấy học sinh đã viết ngâm nước gạo cho phai hết mực rồi phơi khô làm giấy bản thảo, tất nhiên chữ viết có hơi nhoè. Bản thảo để trong thúng, trong chum. Bữa nhà thơ Nguyễn Đức Mậu, người xã bên, nghe tiếng lại chơi, bà mẹ Tiến bê một thúng bản thảo ra nói với khách : “ *Bác giúp em cho em nó đỡ tủi, viết cả chục năm, chữ nghĩa nhét chặt cả mấy thúng mà chả được in bài nào* ”. Nghe vừa buồn cười, vừa muốn ứa nước mắt. Nhà đã đói thấy ông chồng điếc thấp đèn viết suốt đêm, viết để chả làm gì cả, vợ cũng sốt ruột. Rồi bực, rồi giận, rồi đòi ăn riêng. Tiến tức cảnh làm bài thơ *Ăn riêng* nhại giọng cụ Tú Xương :

*Thôi, đành vậy, ăn riêng cũng được
Tối hôm nay tớ riêng bát riêng thìa
Riêng com riêng cá để huê
Nhưng còn chỗ ngủ tớ thì không riêng...*

Người làng đều biết thằng Tiến điếc viết văn từ lâu nhưng họ mỉm cười thương hại. Cử nhân tú tài còn chả ăn ai, huống hồ một thằng điếc lác, văn hoá i tờ. Điếc lác thì đúng nhưng văn hoá i tờ thì không phải. Năm bốn mươi tuổi Tiến đã thi lấy bằng trung học phổ thông, tự học cả, rảnh tay lúc nào là giở sách ra học, học hết lớp 10 lại mua đủ các sách triết học, văn học đọc tiếp. Đại loại trình độ học vấn bây giờ phải tương đương đại học, có những vấn đề có thể tranh luận với giáo sư đại học một cách bình đẳng. Còn đã nói đến chuyên đời, chuyện ông nông dân thì Tiến là pho bách khoa toàn thư vùng đất Nam Hà. Tiểu thuyết *Cuộc vật lộn lúc rạng đông*, bắt đầu viết năm 76 đến năm 80 thì viết xong, Tiến ra Hà Nội đưa cho nhà xuất bản Thanh Niên vì nghe nói nhà xuất bản này rất trân trọng những cây bút mới. Mười năm hồi hộp chờ đợi, nói cho đúng là ba mươi năm chờ đợi, từ lúc mới đẻ đứa con trai đầu đã cầm cụ tập viết, đã khao khát được viết và hi vọng sẽ được in, cho đến nay con trai lớn đã hai mươi tám tuổi, thằng em nó đã hai mươi sáu, lại một thằng út hai mươi bốn. Ba thằng đàn ông nhìn ông bố bắt đầu mang kính, tóc đã chớm bạc để hỏi một câu mà bố nó đã tự hỏi từ năm mới mười chín tuổi : “ *Bao giờ thì sách được in ? Bao giờ thì bố có sách in ?* ”. Chúng nó sẽ chờ nhưng mẹ chúng thì chán nản lắm, đã mấy lần đòi ăn riêng. Bây giờ chị bán com ở chợ Rộng, bán com với cá kho, tép rang mặn, dưa muối, com bình dân cho những người nghèo của một tỉnh nghèo. Còn bà nội chúng thì đã già quá, bà hy vọng ở con trai một cách mãnh liệt, chưa bao giờ mất lòng tin cả. Rồi nó sẽ khá nhất họ. Có khi còn khá nhất làng. Nhưng bà không thể chờ được. Bà cụ mất năm 89. Năm 90 thì sách ra mắt bạn đọc trong toàn quốc, sách rất dày, những 400 trang in, Tiến lên Hà Nội lấy sách, ngày đi ngày về dân xã đều biết. Tiến về nhà lúc 11 giờ trưa, bà con mang pháo tới tận nhà đốt mừng sách của Tiến từ trưa tới nửa đêm. Mỗi đoàn đến chúc mừng lại đốt một phong pháo. Xác pháo ngập đổ mắt cá chân, khói pháo bay mù mịt phủ trắng cả một xóm. Mấy nhà chung tiền mua một cuốn xem chung gọi là “ *đụng sách ông Tiến* ”. Rồi bình luận, rồi cười giỡn, toàn chuyện của xã mình cả, người quen kẻ thuộc cả, cứ như được soi gương, mà người nào ra người nấy, không cãi được, đúng hệt. Rồi tiếng để đời đấy, văn bia đấy, cày quyền,

cây thế kết bè kết đấng hà hiệp dân cho nhiều vào, bây giờ bị treo lên trước bàn dân thiên hạ cả trăm năm đã sướng chưa ? Há cho người nghèo quá, cho những người lương thiện quá ! Cứ bảo trời không có mắt, hoá ra có đấy mà công minh vô cùng. Con người đã được trời sai viết pho sách bình công luận tội được dân tín nhiệm như ông phó thành hoàng. Bà vợ bỏ cả hàng com ở chợ Rồng ở nhà đun nước pha trà cùng tiếp khách với chồng, cùng hưởng vinh dự với chồng nhưng xem ý có vẻ ngượng. Bây giờ anh đã đổ trạng, vớng đào lọng tía về làng, cô nàng nghĩ sao, có đòi ăn riêng nữa không ? Nào, thì ăn riêng ! Ấy chớ, tôi đàn bà ngu dại làm sao nhìn ra được cái chí lớn của ông. Rồi tiếp đến có tin tận trong thành phố Hồ Chí Minh, thành phố sang trọng nhất nước, đã long trọng trao giải truyền ngắn hay cho Trần Quốc Tiến, quê tại... Nam Hà. Phen này tên tuổi xã mình nổi danh khắp nước rồi nhé ! Là vì dân xã em từ bao nhiêu năm nay chưa được lên đài lên báo một lần nào. Làm ăn tôi tệ thế chả lẽ còn muốn phơi cái xấu ra cho cả tỉnh biết ? Lại cũng vì một xã bạn, chỉ có cách một con đường nhỏ, lại rất nổi tiếng. Có một gia đình làm cách mạng từ thời Đảng Cộng sản mới ra đời, mấy anh em đều là những cán bộ cấp cao của Đảng và Nhà nước (3). Mỗi lần các vị ấy về làng cả huyện ồn ào như vào hội. Làm người dân xã ấy kể cũng mát mặt thật. Các cụ nói xã bên ấy được đất, đất phát võ, cứ là người cầm quyền tức là võ nghiệp. Còn thầy thuốc, giáo học, văn nhân là thuộc văn nghiệp. Thời tao loạn đã qua, thời thịnh trị đã tới nên xã em lại được phát văn, lại có văn nhân ra đời ấy là dân họ bình tán ra vậy. Chú em là thằng nông dân cổ cày vai bừa, chả có một tí công tích nào đối với cách mạng, bỗng được dân lấy ra làm ví dụ rằng đất đã phát văn nghe mà hãi. So sánh gì mà kỳ quặc, một bên như trời cao, một bên như đáy vực mà lại được đứng bằng nhau sao ? Thì dân người ta nói thế, mình cần sao được. Một xã có công giành cho nước cái độc lập, một xã có công hiến cho đời cái văn chương, hơn kém nhau chỗ nào mà bảo phải bên cao bên thấp. Bây giờ thì họ muốn em được làm hội viên Hội nhà văn, tức là được Thủ đô công nhận chính thức em là nhà văn, xã em đã có một nhà văn, là họ sẽ góp tiền mở đại tiệc, ăn cả làng, vui cả làng. Em đã bảo là khó lắm, vì em chỉ mới vào nghề, văn chương lồm bồm đã ra gì mà đòi làm hội viên. Dân em lại bảo, em phải nghe ngóng cho kỹ, tháng nào, ngày nào ban chấp hành Hội sẽ họp để xét thì xã sẽ cử đại diện mang gà, mang gạo lên Hội, khẩn với các ông ở Hội rằng dân chúng tôi rất muốn ông Trần Quốc Tiến phải là hội viên Hội nhà văn. Hội không xét tức là bĩ mặt dân tôi quá, có khi phải lập xóm quanh Hội để đấu tranh cho bằng được mới kéo về. Chả lẽ mạch đất của xã tôi, linh khí của đất tôi chọn làm người ?

Nói rồi lại nhăn răng cười, cười ha há, chúng tôi ngồi nghe cũng cười, cười chảy cả nước mắt. Dân mình cũng háo danh nhỉ ? Nhưng con người ta cũng phải và cũng rất nên sống vì danh nữa, miễn là cái danh cho đích đáng, cho đáng hoàng. Cái đức háo danh ấy cũng đã hun đúc nên nhiều bậc kỳ tài trong thiên hạ. Và những tài danh ấy lại hội tụ về đất kinh kỳ để nhận và để phát cái ánh sáng văn hoá ngàn năm của nó.

Nguyễn Khải

(trích phần 3 của bài *Đất kinh kỳ*, trong *Truyện ngắn chọn lọc*, Nhà xuất bản Hội nhà văn, 1996).

(3) Ba anh em các ông Lê Đức Thọ, Mai Chí Thọ, Đinh Đức Thiện, đồng họ Phan Đình, xã Nam Vân (Địch Lễ cũ), huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà.

Thời nào, làng Trọng Nghĩa cũng có người đẹp. Nhưng phải đến thời này mới nảy ra được một con người mà sắc đẹp đã bao phen làm khuynh đảo xóm làng, xáo trộn cuộc sống, tạo ra những cơn bão giạt trên cấp 13. Người con gái ấy cho đến tận lúc ra toà, chỉ bằng sắc đẹp đã gây sóng gió, chao đảo ngay giữa phiên toà, mà trong lịch sử vẻ vang của ngành toà án nửa thế kỷ qua chưa hề có thể bao giờ. Chính tôi đã dự phiên toà ấy, và biết rằng ngòi bút của mình sẽ bất lực hoàn toàn không thể nào tả hết nét mặt của ông chánh án khi ông nhìn thấy mỹ nhân làng Trọng Nghĩa đứng trước vành móng ngựa mà đôi mắt ông cứ hau hau vào chỗ có đôi vú nõn nà của bị cáo rồi lướt từ từ xuống phía dưới... Cứ như là đang nhắm nháp một món ăn đặc sản vậy. Ông đại diện Viện kiểm sát đọc cáo trạng, lẽ ra phải thật hùng hồn để buộc tội, như các vị vẫn thường lên gân ở các phiên toà khác, thì lại ấp a ấp úng như gà mắc tóc, chỉ cục tác được mấy câu hỏi hợt rồi cứ ngây người ra mà nhìn... Lúc ấy mà vợ ông có mặt ở đấy thì chắc rằng lôi thôi to. Còn ông luật sư bào chữa, thì trời ơi, chẳng hiểu thế nào mà ngài đã biến bài bào chữa của ngài thành bài văn trữ tình — nếu không nói quá rằng đó là thứ văn tán gái !

Trước khi kể tiếp diễn biến của phiên toà, trong đó có những pha giạt gân không kém gì bom nguyên tử nổ, tôi xin dẫn mỹ nhân ra để trình làng. Tên cô là Anna Lan Hương. Vào thời điểm diễn ra phiên toà, Anna Lan Hương ở độ tuổi hai lăm — cái tuổi mà mọi vẻ đẹp rực rỡ nhất của người con gái đều phát tiết. Hai mươi lăm năm về trước, mẹ cô — một chuyên viên kinh tế công tác ở đại sứ quán của ta tại nước ngoài. Bà đã có chồng là nhà văn Hoàng Tộ đang ngày đêm cặm cụi viết tiểu thuyết ở một gian gác xép tại Hà Nội. Ông chồng là nhà văn nghèo ấy ngày ngày ngồi nhai bánh mì chấm xì dầu pha loãng để thai nghén tác phẩm, thì ở phía trời Tây vợ ông cũng “thai nghén” với một chàng mất xanh mũi lõ. Kết quả là cả hai tác phẩm đều được ra đời. Tiểu thuyết *Lời sám hối* được in đồng thời với cô bé Anna Lan Hương cất tiếng chào đời. Người đàn bà ngoại tình ấy đã khôn khéo gửi biệt con về quê ngoại, tức là làng Trọng Nghĩa, sau khi đã gửi gắm đủ mọi nơi. Lúc về làng, Anna Lan Hương đã ở tuổi mười ba. Năm năm sau Anna Lan Hương thành cô gái 18 tuổi. Làng Trọng Nghĩa xưa nay vốn là cái làng trọng người đẹp. Người làng thường nhắc nhở nhau rằng của nả là do hai bàn tay, còn sắc đẹp là do trời phú, cái gì đã là trời phú thì đều hiếm và quý. Vì thế Anna Lan Hương trở thành thứ tài sản quý hiếm của làng. Nói cho sát hơn thì đó là thứ hiếm quý của cánh đàn ông. Vào tuổi mười tám, Anna Lan Hương đẹp rực rỡ như một bông hoa lạ. Vẻ đẹp của cô là vẻ đẹp đặc biệt, một vẻ đẹp được lai tạo bởi cả hai dòng máu Á-Âu. Cô có nước da trắng hồng của người Âu, tóc vàng óng, cộng với khuôn mặt trái xoan và đôi mắt đen tròn của người Á. Thân hình không béo mập, cũng không mảnh mai, nó là điểm trung hoà giữa hai hình thái ấy. Anna Lan Hương thật sự là của lạ ở làng Trọng Nghĩa. Mà phàm cái gì là của lạ thì người ta đều đổ xô vào muốn nắm giữ...

Trước hết là ông chủ nhiệm. Ông này vợ được một bà vợ tốt gỗ mà không tốt nước sơn, nghĩa là về hình thức thì ngang với vợ chí Phèo. Bà này vừa to vừa thấp, gầy ra hình vuông, mắt trắng dã mặt lại rỗ, hai cái má tựa tựa như hai tấm bánh đúc đắp vào, môi dày và thâm cỡ đĩa trâu ; đã thế mắt lại bị dán nhắm, còn da thì như da cóc ! Chà chà... cái đêm trót đại 30 năm về trước đã hại ông : ấy là một đêm trăng sáng,

Mỹ nhân làng Trọng Nghĩa

TRẦN QUỐC TIẾN

chàng thanh niên Đục đi coi đó ở cánh đồng Đục rồi vào hè đình ngồi nghỉ. Cô Mốc năm ấy mới vừa đúng mười tám tuổi, cỡi trần trùng trực đang ngồi tắm ở vệ ngồi trước đền, vì cô cũng vừa đi tát cá về. Tưởng không có ai, cô cứ việc cỡi tuột cả ra mà kì cho sướng. Trời trên cao, thánh trong đền có dòm ra thì đã sao ? Các vị ấy cũng có con cá cơ mà ? *Con trời, con thánh...* thì cũng ở một cái lỗ... mà chui ra ! Cô Mốc phơi mình ra tắm với nước và tắm trắng. Lão trắng già thế mà bạo gái, cứ bám vào khắp người cô cùng với ánh nước long lanh, thành ra cô đen mà lại hoá trắng như thoa phấn. Anh chàng Đục ngồi thu lu ở hè đình nhìn ra mắt căng tròn rồi cái đầu cứ gật gật như thăng say rượu. Rồi anh cứ nhích dần, nhích dần... Trong khi ấy cô Mốc thoả thích đưa tay kì cọ đôi vú trịnh to bằng hai cái bát ăn cơm, rồi kì cọ bộ mông phồng lên, rồi kì đến cái *cửa hiểm* cỡ lá vông... Giữa lúc ấy anh chàng Đục đã vận động chiến kiểu du kích bò, nhòai ra tới tận mé bờ... Rồi một cuộc tập kích chớp nhoáng xảy ra ngay trước mắt thánh, tức là trên cái ngồi trước cửa đình. Cô Mốc bị ôm bất ngờ thì giật bắn người tưởng ma toan kêu lên, đến khi bị đè ra giữa bờ ngồi, biết rõ là người thì chẳng hiểu sao cô cứ im thin thít, chỉ còn nghe thấy mấy tiếng “ *hự ! hự !* ” và lời trách yêu “ *Từ từ đã nào ! Làm gì mà hôn như gấu thế !* ” Chỉ có đám cỏ là bị nát như voi dầy !

Quả thật là thánh thiêng. “ *Việc đó* ” diễn ra ngay trước mắt ngài mà ngài đã không quả phạt, lại con ban luôn cho hai người “ *trúng quả* ”. Bụng cô Mốc to dần lên với nỗi lo của anh chàng Đục. Anh ta định phải tay lờ đi. Rồi một đêm anh ta lại đi coi đó và gặp cô Mốc đứng chờ ở mé đền.

— Anh định thế nào ? — Cô Mốc hỏi khi hai người đứng gần nhau.

— Thế nào là thế nào ? — Đục ồm ồm.

— Sờ vào đây ! — Cô Mốc quát và dí bàn tay anh ta vào cái bụng đang trương lên của mình — Sờ cho chán đi rồi về đưa cau trầu sang, rõ chưa ?

Dù muốn hay không thì Đục cũng phải sờ. Anh ta sờ khắp và thấy chỗ nào cũng phồng phao gồ lên từng múi.

Sự tích chủ nhiệm làng Trọng Nghĩa lấy vợ là như thế. Bà chủ nhiệm Mốc được tắm bổ quá nhiều, giờ đây người phì ra và sắp thành người vuông. Còn ông chồng thì gầy nhom chẳng khác gì con nhái bén bám vào cây chuối mập. Cho nên rất dễ hiểu vì sao ông là người đầu tiên ở làng Trọng Nghĩa say nàng Anna Lan Hương như điếu đổ. Ông gạt anh chàng kế toán trưởng của hợp tác xã ra như gạt một cái gạt tàn thuốc cho nó rơi xuống nền nhà vỡ tan rồi đặt nàng Anna Lan Hương vào chỗ ấy. Chủ nhiệm và kế toán trưởng cứ cặp kè nhau như bóng với hình. Ngày nào ông cũng rủ đi thăm đồng. Bởi vì đi thăm đồng thường phải lợi. Mà đã lợi là phải vén quần cao. Dù bùn nước chỉ lưng ống chân nàng Anna Lan Hương cũng cứ vén tuột quần lên tới háng. Đôi mắt ông

chủ nhiệm lúc ấy loá lên cái màu trắng nõn nà ngài cứ dán vào nếu có bom nguyên tử nổ gần ngài cũng chẳng ngoảnh đi chỗ khác. Khi cái gấu quần đàn bà càng lên cao thì tim ngài càng rung nhịp trống. Quảng lộ càng dài bao nhiêu càng sâu bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Người ta khâm phục chủ nhiệm làng Trọng Nghĩa sâu sát với ruộng đồng, bởi một tháng đủ ba mươi ngày cùng cô kế toán vén quần lợi ruộng. Kỳ bình bầu cuối năm ông trúng chiến sĩ thi đua và vác một cuộn giấy khen của huyện về treo nhà.

Người mê Anna Lan Hương thứ hai, phải nói ngay rằng đó là chủ tịch xã. Khác với chủ nhiệm Đục rủ rê người đẹp đi lợi ruộng để ngắm đùi mông, chủ tịch Kinh trích ngay quỹ xã mua một chiếc Cub 70 rồi mỗi lần đi họp huyện thì mời người đẹp ngồi sau. Chà chà, xe rung thì ngực người đẹp cũng rung ! Phải ngồi sát vào và ôm ngang lấy khỏi ngã nhé ! Trời ơi, cái gì nó cứ mon man, ngộ nguậy đằng sau anh thế ? Cái lúc “ *lên tiên* ” này nghĩ đến cái ngực lép lung công của bà xã ở nhà mà chán gấy ! Giá ngày nào huyện cũng triệu tập họp thì cuộc đời này vui biết mấy !

Nếu tôi không lầm thì sau chủ nhiệm, chủ tịch, cả đến bí thư và các phó chủ nhiệm, phó chủ tịch... tất tật đều mê say người đẹp Anna Lan Hương. Đã vài ông làm đơn bỏ vợ. Những ông khác thì kê giường riêng và bắt đầu dùng quả dấm để thay những lời dịu ngọt...

Còn nàng Anna Lan Hương thì sao ? Nàng thừa biết mình đẹp, mình là thứ của lạ để cánh mày râu khao khát. Nàng thừa sức lấy được một người chồng sang giàu vào cỡ nhất nhì ở làng này, mà nàng lại chẳng lấy ai. Đó thật là một điều bí mật mà chỉ có nàng biết. Nàng sống rất tự nhiên, phóng khoáng. Hình như với ai nàng cũng mon trốn thả chim ra cho đuôi bắt. Nhưng chưa một ai dám quả quyết là đã tóm được con chim của nàng. Đôi ba ông bạo mồm bạo miệng nhất cũng chỉ dám nói là chim tuột để lại trong nắm tay mấy cái lông măng.

Sự đời cứ thế trôi đi, nếu nó không xảy ra một sự cố sau đây : Vào đúng cái thời “ *bung ra* ”, thành phố thì có dịch đục tương⁽⁴⁾, nông thôn thì dịch vụ gốc cây, trong con lốc bụi mù chất thương mại ấy, làng Trọng Nghĩa mọc lên hai chục cái quán ! Thôi thì đủ cả : quán xôi chè, quán bánh cuốn, quán mắm tôm nước mắm cạnh quán bán quần bò, áo na-tô... Tất nhiên nhiều nhất là các quán rượu ! Rượu lạc rang, rượu gỏi cá, rượu đậu phụ sống chấm mắm tôm chanh, rồi rượu thịt chó sắc mùi riêng mẽ !

Người đẹp làng Trọng Nghĩa trở thành chủ quán. Cô rữ bỏ chức kế toán trưởng sau thời kỳ khoán sản đã trở nên ít màu mỡ để chạy theo dịch vụ gốc cây. Không, không phải là gốc cây ! Người nào mà được cả chủ nhiệm, bí thư, chủ tịch... mê thì người đó muốn gan gỏi trứng trâu cũng có ! Một hôm Anna Lan Hương bảo chủ nhiệm Đục :

– Anh Đục ạ, em “thân gửi” lại anh chúc kế toán...

– Sao vậy? — Đục hốt hoảng gọi lại, và đau đớn nghĩ rằng từ nay sẽ không còn những cuộc vén quần lột ruột đầy ngoạn mục. — Sao vậy? Hay là em muốn làm phó chủ nhiệm cũng được! Ruộng đồng mà không có em thì héo hon mất!

Anna Lan Hương mỉm cười:

– Lúa héo cũng không bằng người héo! Em sẽ gánh cái chức nặng làm cho cuộc đời này tươi hẳn lên! — Rồi cô bỏ nhỏ những điều gì vào tai chủ nhiệm, khiến ông ta vừa cười tùm vừa gật đầu lia lịa.

Lại đến bí thư, chủ tịch cũng vậy. Khi nghe người đẹp trình bày nguyện vọng, các ngài đều gật đến sái cả cổ để tỏ lòng trung thành tuyệt đối của mình. Quả tình ai cũng thấy Lan Hương chuyển nghề là phải: sắc đẹp và tài tháo vát của nàng không phải để nhét vào cái xó văn phòng hợp tác xã với mấy quyển sổ nhàu nát, mà cần phải được đặt vào đúng chỗ. Cái chỗ ấy thì các vị sẽ giúp. Giúp người cũng tức là giúp mình. Đúng, đúng! Giữa cái thời đua nhau hưởng lạc này, mấy anh cán bộ nhà quê mới chỉ biết nhắm rượu với thịt lợn rang thì vô lý quá! Hả? Lan Hương nói cái gì “mút xa” nhỉ? Phải, ở thành phố bây giờ người ta “mút xa”⁽⁵⁾ cả đấy! Nghĩa là vào đấy được ăn được chơi... hí hí! Các bà xã đã ngũ tuần, lục tuần, chân tay đùi về sù sì như cóc gặm, lông lách hàng búi hôi như háng lợn, nói thứ vô phép chú có cúng thần linh ngài cũng chỉ nhận hương hoa, chai rượu còn người thì ngài trả lại! Phải, cứ “mút xa” đi! “Mút xa” vạn tuế!

Anna Lan Hương chiếm trọn ven cái cửa hàng hợp tác xã mua bán của xã xây từ thời bao cấp gồm mười gian mái bằng cả sân khấu lẫn hậu trường. Cái cơ ngơi ghê gớm do tiền của dân xây ra này, thực sự chỉ làm hại dân suốt mấy chục năm. Cổ phần của dân đóng vào, lãi suất mỗi năm là một bao diêm hoặc vài viên đá lửa. Suốt mấy chục năm kinh doanh, nhưng tú thời phải bù lỗ. Ngày nào cũng ngã một con lợn bắt từ chuồng tập thể của hợp tác xã để “làm hàng”. Nhưng trước hết hãy đánh mười bát tiết canh rõ ngon để của hàng trưởng, của hàng phó và các vị lãnh đạo xã có nhã ý tạt qua thăm hỏi thì điểm tâm. Rồi cỗ lòng ngon, miếng thịt thăn đã thành lệ, nó chui vào nằm gọn trong túi xách lẫn với cả công văn giấy tờ để phục vụ bầu đoàn thể tử đang ngồi đợi ở nhà. Rồi bạn bè khách khứa, thậm chí thợ sửa nhà, sửa đài, tủ... các vị cũng mang ra để của hàng khoản đãi. Cho nên vừa chôm xoá bao cấp, cửa hàng hợp tác xã chết luôn.

Trong vòng một tháng trời về tay người đẹp, nó sống lại rực rỡ rung rinh như trái cam chín trong nắng sớm. Mười gian nhà được sửa chữa lại cho phù hợp. Ba gian bên ngoài mặt đường là chỗ bán hàng, quét vôi màu, bàn ghế mới, có khăn trải bàn sặc sỡ. Trên cái tủ bày hàng, lúc nào cũng lủng lẳng mấy cái đèn chó vàng ngậy, mấy can rượu cuốc lúi và hàng đầy bia hộp, bia chai. Tuy nhiên sức hấp dẫn của nó không phải ở điểm ấy. Cô chủ hàng nửa Nga nửa Việt mới thật sự là cục nam châm khổng lồ. Vào cái tuổi hai lăm cô đẹp rực rỡ, một sắc đẹp lạ lùng hiếm có, da trắng, mắt đen tròn, tóc vàng uốn làn sóng buồng lủng ngang vai. Lúc nào cô cũng mặc một bộ quần áo rất mỏng như để khoe với khách cái thân hình tuyệt mỹ của mình: đôi vú trinh nhún nhẩy, cặp đùi trinh trắng mộng. Trinh thật chứ không phải trinh vờ. Bởi vì ở cái thời điểm này đâu cứ phải cứ con gái chưa chồng là còn trinh! Chũ trinh ở đời lúc này là vật quý hiếm như sao

mọc giữa ban ngày, tìm đâu ra được? Thế nhưng, Anna Lan Hương quả thật cho đến bây giờ vẫn là cô gái trinh trăm phần trăm. Có hàng tá đàn ông bám theo sau, nhưng chưa một vị nào dám thú nhận đã được hưởng chút lộc trời ban phát. Chính cái điểm lạ lùng ấy là sự cuốn hút vô bờ để đám đàn ông càng ra sức theo đuổi. Nó đẩy lên tới cực điểm khi mà chính người con gái kỳ lạ ấy bắt đầu dùng “mát xa để chữa bệnh”. Thế là gần như tất cả cánh đàn ông trong vùng đều tự nhiên cảm thấy mình có bệnh, đua nhau đến để người đẹp chữa cho. Một dãy nhà phía trong sau quầy hàng rất kín đáo là nơi “chẩn trị bách bệnh bằng phương pháp mát xa” — một thứ mát xa đặc nhà quê mà công hiệu đáng kể: thay bằng tắm hơi là tắm nước nóng hương nhu, rồi vào phòng riêng đích thân người đẹp xoa bóp cho những chỗ nào đau. Tất nhiên các vị khai rằng mình đau khắp người để được xoa bóp khắp chỗ. Một cô gái nửa Âu nửa Á đẹp như tiên sa, mặc hở hang da thịt phơi ra ngồn ngộn! Dân nhà quê quen nhìn đùi, bụng vợ mình đen nhem, chỉ một lần nhìn cái hình ảnh ấy đã không thể nào dứt nổi. Nhưng Lan Hương không tiếp khách bạch đình. Nàng chỉ “chữa bệnh” cho các quan: quan chủ nhiệm, quan chủ tịch, quan bí thư, quan giám đốc... Các quan ngày nay đều nghiện hai thứ: ăn và “chơi”. Ăn thì các quan không thiếu, nhưng còn gì vô duyên hơn là sau khi tắm bố các thứ, lại phải ôm bà vợ già?

Tối nay Anna Lan Hương đóng cửa hàng sớm và treo cái bảng “nghỉ chữa bệnh bằng mát xa” ở trước cửa. Bỗng đứng nàng lại thấy chán đời. Cái chán này đã ngấm ngấm ở nàng bao nhiêu năm rồi. Nàng thấy oán hận tạo hoá bất công đã không cho nàng đầy đủ... Đời nàng sung sướng hay đau khổ, thật không sao cắt nghĩa nổi. Mẹ nàng đẻ nàng vụng trộm ở nước ngoài rồi gọi người tình đến: “*Anh nhận con anh đi, nó da trắng, tóc vàng, mũi lõ đấy!*”. Người tình của mẹ nàng lắc đầu: “*Mắt nó tròn, mắt nó đen, nó con ông Hoàng Tộ!*”. Nói xong anh ta nhét vào tay mẹ nàng một ít tiền rồi đi thẳng. Sau đó mẹ nàng bị đuổi về nước, mang theo cả nàng về. Để giấu chồng, mẹ nàng đã gửi đứa con lai đi thật xa, cho đến năm đã khôn nàng mới được đưa về quê ngoại sống với gia đình người bác anh mẹ nàng. Cái làng Trọng Nghĩa này đón tiếp nàng theo hai phía: đàn ông thì yêu, đàn bà thì ghét. Đám đàn ông chạy theo nàng như một đám ruồi vo ve hết năm này qua năm khác. Nàng ghét tất, chán tất, vì nàng có cái đau khổ ngấm ngấm. Thế nhưng nàng vẫn như một thìa mật để đám ruồi nhặng bầu đến ngày một nhiều. Muốn chết ư? Thì cho chết! Nàng rửa thắm như vậy. Ta oán đời, và ta sẽ trả thù đời! Ta sống để trả thù đời! Nàng không ham của. Đời nàng còn chả yêu, thì yêu của nả để làm gì? Cái thời còn làm kế toán hợp tác xã nàng chỉ kiếm đủ ăn. Thế nhưng từ ngày đứng chủ của hàng rượu bia thịt chó, nhất là khoa “chữa bệnh bằng mát xa” thì nàng như hái ra tiền. Nàng sống sờ vì đám cán bộ, dân thì nghèo mà họ lăm tiền đến thế! Vì mê sắc đẹp của nàng mà bằng nào tiền họ cũng dốc ra. Ngày nào cũng thấy các quan đến “chữa bệnh”, bỏ cả hợp hành để đi “điều trị”! Rôm thật! Toàn là một lũ người rôm! Nàng khinh tất, ghét tất, nhưng nàng lại cũng

(4) Đục tưởng mặt tiền để mở quán.

(5) Về sau, họ sẽ gọi là *mát-xa*. Tưởng cũng nên nhắc lại, trong những tháng trước hội nghị thượng đỉnh Pháp - ngôn hợp tại Hà Nội (tháng 11.97), người ta đã mở lớp tiếng Pháp cấp tốc cho nhân viên khách sạn, lái xe: trong bài học đầu tiên, dạy phân biệt *mát xa* và *met xa* (message).

chiều tất, tất nhiên có một giới hạn mà nàng không cho kẻ nào vượt qua. Chính ở điều ấy, nàng trở nên một cái gì lung linh đầy bí hiểm, và sức hút trở nên khủng khiếp. Tiếng tăm về một nàng tiên chữa bệnh mắt xa đồn vang bốn phương tám hướng, mà thính nhất bao giờ cũng là các ngài bụng phệ. Mặt mũi các vị khác nhau nhưng bụng dạ thì cùng một khuôn đúc. Đối với loại người này nàng thừa hiểu là họ chỉ có hai vị thánh để mà thờ : đó là tiền và gái. Nàng là cô gái đẹp, quá đẹp, đương nhiên nàng cũng là một vị thánh được thờ phụng quá mức. Gần như nàng muốn gì có nấy. Nhưng nàng chẳng muốn gì, mọi thứ đối với nàng đều vô nghĩa. Tiền ư ? Vàng ư ? Nàng đã nhét đầy chậ một hòm mà chẳng để làm gì. Cha nàng ở phương trời Tây, nơi ấy cuộc đời cũng đang xáo trộn, súng đã nổ vào ngực giữa những người mà hôm qua còn là anh em ; giá trị nhân bản đang được định nghĩa lại bắt đầu từ số không ! Mẹ nàng cũng bỏ người chồng cũ rồi lại “ đi Tây ”, giờ không biết ở chân trời nào. Nàng bơ vơ trở lại giữa một đám người cuồng loạn mất hết niềm tin và lý tưởng sống, lao vào những hưởng lạc với bất cứ giá nào. Họ muốn tìm trên thân thể nàng một lời giải đáp cho cuộc sống mỗi ngày một bế tắc ư ? Họ đã nhầm ! Cũng như đã nhầm bao nhiêu giá trị viễn vông mà cái đích là sự đổ vỡ hôm nay. Những lúc được bàn tay nàng ve vuốt trên cơ bắp, trong cái mê mê rất con người, và chỉ con người mới có ấy, họ trở nên hoàn thiện, cái ác chìm xuống, cái thiện nổi lên, lòng thành thực thay cho sự mập mờ gian lận vốn là bản chất của những kẻ mù mờ về mặt xã hội — lúc ấy họ nói cho nàng nghe đời họ đã không còn định hướng, hay nói cho sát hơn là định hướng đã chệch về nơi vô định. Họ như người định bội vượt biển mà cái điểm sáng ở chân trời là đích, nhưng biển bao la đều trắc ẩn, mặt biển đang sáng bỗng tối sầm và giông tố bắt đầu nổi lên... Dừng lại hay là bơi tiếp để chìm chìm trong đại dương của sự ngu dốt ? Nàng nhận ra rằng cả một lớp người quyền thế đang bế tắc ! Hàng cuộn tiền mà tối tối họ vung ra, ấy là sự đập phá xã hội, là sự trả thù cho một niềm tin bị đổ vỡ, đôn trí mạng vào mọi giá trị thiện cũng như ác. Họ còn gì nữa đâu để mà thờ phụng ? Giờ họ chỉ còn thờ phụng tiền và gái đẹp. Khi tiền và gái đã trở thành hai vị thánh thiêng của một lớp người quyền quý thì sự phá phách của nó thật là khủng khiếp ! Chiến tranh hạt nhân nổ ra, một nửa nhân loại biến đi, nhưng nửa còn lại chắc chắn sẽ biết sống rất đẹp, bởi vì tai họa là sự xích lại gần chân lý của cái đẹp. Thế nhưng sự huỷ hoại xã hội của một lớp người đương quyền đương chức hôm nay là một tai họa, nhưng cái tai họa ấy không làm nảy ra một cái gì khả dĩ có thể hy vọng, mà nó sẽ gọi ra nhiều tai họa tiếp theo... Nàng dần dần hiểu ra được điều đó khi nàng nhìn lớp người này coi giọt mồ hôi của người lao động không hơn gì giọt nước lã ! Nàng rùng mình nhìn cái hòm đã chậ cứng toàn những tiền và vàng của mình do những vị kia quẳng vào nhẹ tay như quẳng một cái rác. Bỗng nàng thấy căm ghét những kẻ đã cho nàng cái đồng tiền và vàng kia, như căm ghét tạo hoá đã bắt công với nàng ở một điểm... Phải quật nát để trả thù đời ! Nàng mỉm cười một mình.

Ở phiên toà hôm nay người ta thấy bị cáo Anna Lan Hương đầy vẻ mãn nguyện. Dù nàng đứng hay ngồi, khi im lặng cũng như lúc trả lời các câu hỏi của quan toà, nét mặt nàng đều rạng lên một cái gì kiêu hãnh. Mái tóc vàng óng của nàng được chải cẩn thận, rẽ lệch một đường ngôi trông rất hợp với gương mặt trắng hồng. Đôi mắt tròn to đen của nàng luôn luôn mở to nhìn khắp lượt từ quan toà cho đến dân

chúng nô nức đứng ngồi vòng trong vòng ngoài theo dõi. Nàng luôn luôn mỉm cười với tất cả. Chính những nụ cười mà nàng vô tình ban phát ra ấy đã gây nên sóng gió làm cho tình huống xử sự của những vị có thẩm quyền trở nên phức tạp. Đặc biệt những bị cáo hôm nay đứng chung trong vành móng ngựa với nàng. Bám đuôi người đẹp hôm nay có tất cả hơn năm mươi người bị cáo đủ các thành phần, các nấc thang danh lợi trong xã hội. Về cấp xã, người ta thấy các chánh phó chủ nhiệm, chánh phó chủ tịch, chánh phó bí thư, rồi cấp huyện, cấp tỉnh. Đặc biệt số đông là các ngài “ tân kinh tế ” — tức là hàng ngũ chánh phó giám đốc nhà máy, và công ty, nhờ đục nước béo cò, đang phát lên như điều. Đây là những “ con bệnh ” thích được “ điều trị bằng mát xa ”, hôm nay tề tựu trước vành móng ngựa thật đông vui cùng với người “ thầy thuốc ” có một cách trị bệnh mà có lẽ đúng ngày hôm nay mới có hiệu quả thoả đáng. Lúc này, nàng nhìn họ như nhìn một bầy cừ non. Nàng nhớ rõ từng gương mặt, những gương mặt ấy lúc đến với nàng hai mắt tím lại, làm cho bộ óc hoàn toàn tê liệt về mặt lý trí, móc tiền triệu ra đặt vào cặp đùi non nà của nàng, cố đua nhau để được nhích vào chỗ giữa, nơi thâm cung mà những con thiêu thân ao ước. Cho đến hôm nay thì nàng đã thắng. Nàng chưa mất gì, mà cũng chẳng có gì... để mất. Nhưng bọn người này rồi thì sẽ vào tù. Nàng cũng có thể phải ngồi tù. Nhưng điều ấy đối với nàng không quan trọng. Cái cốt yếu là nàng đã trả thù đời một cách đích đáng ! Thù đời ư ? Vì lẽ gì nàng lại thù đời, khi cuộc đời đã ru nàng trên đồng tiền vàng và ban cho nàng một sắc đẹp lạ lùng hiếm có ?

– Bị cáo Dục ! Anh cho biết vì lý do gì anh đã phạm tội lạm vào công quỹ chung trên hai chục triệu đồng ?

– Bẩm quý toà ! Nguyên nhân là tôi mê người đẹp làng Trọng Nghĩa ! Ngày nào tôi cũng phải đến với nàng để nàng “ chữa bệnh ” cho tôi bằng phương pháp mát xa. Không có tiền, tôi đành lạm vào của công...

– Thôi được rồi ! Ngồi xuống ! Toà hỏi bị cáo Kinh : Anh nói rõ cho toà hiểu vì sao anh lại lấy công quỹ của xã ra mua xe cúp rồi để “ biến mất ” ?

– Bẩm toà ! Nếu được nói thực thì tôi xin thưa rằng đó là vì người đẹp làng Trọng Nghĩa. Tôi muốn vi vu với nàng để giải sầu, lúc sắp về già. Hôm ấy tôi đi xe cúp đến quán của nàng để “ điều trị ” bệnh bằng mát xa, nàng bảo tôi là cứ để xe ở cửa rồi vào buồng riêng để nàng “ làm thuốc ”. Ý nàng là ý trời, tôi không thể cưỡng lại. Khi tôi được nàng “ mát xa ” xong, ra thì ôi thôi, chiếc cúp của xã trị giá hai cây đã không cánh mà bay ! Tôi có ngờ nàng là chơi xỏ tôi kiểu Tú Xương đi cô đầu mất ô ngày trước, nàng chỉ cười, rồi hát : “ *Ví dụ anh có bắt đền — thì xin đền cái đất tiền bằng ba...* ”

– Thế đã được “ đền ” chưa ?

– Bẩm... chưa ạ !

– Xong rồi ! ngồi xuống ! Toà hỏi bị cáo Đốc : anh cho toà biết có phải hồi anh còn làm phó chủ tịch kiêm trưởng công an xã, anh đã điều công an xã suốt ngày đêm canh phòng cho điểm mát xa Anna Lan Hương phải không ?

– Bẩm có... có thể thật !

– Anh hãy nói rõ trường hợp anh “ đánh mất ” khẩu súng tốt nhất của xã ở điểm mát xa Anna Lan Hương như thế nào ?

– Bẩm toà ! Nàng Anna Lan Hương nói rằng nàng rất yêu súng, vì chính những khẩu súng ấy đã góp phần quyết định đánh Pháp đuổi Mỹ ra khỏi bờ cõi. Để chiều nàng, tôi đã

chọn khẩu súng tốt nhất của xã đưa cho nàng xem để được nàng làm mát xa cho. Súng dựa vào góc tường cuối giường. Tôi nằm trên giường để nàng làm. Nàng bảo tôi nhắm mắt lại thì mới hiệu nghiệm. Tôi nghe theo nàng. Xong cuộc tôi mở mắt ra thì ôi thôi, không thấy súng đâu cả. Tôi hỏi nàng, nàng cũng mỉm cười, rồi trả lời “ *Ví bằng anh muốn bắt đền — thì xin đền cái đất tiền bằng ba...* ”

– Thế đã đền cái gì chưa ?

– Bẩm... chưa ạ !

– Ngồi xuống ! Giờ toà hỏi bị cáo Tòng. Có phải hồi anh còn làm bí thư đảng uỷ xã, anh đã “ móc ” của tín dụng xã 15 triệu để “ hùn vốn ” với mát xa Anna Lan Hương ?

– Thưa toà, đúng !

– Toà hỏi thêm điều này, tuy nằm ngoài phạm vi pháp luật, nhưng cũng cần thiết để đánh giá những hành vi phạm tội mà sau này anh mắc phải : anh nghĩ như thế nào về việc anh kết nạp chủ quán rượu và mát xa kiêm chủ hội vào đảng ?

– Thưa quý toà, nàng Anna Lan Hương quá đẹp, mà cái đẹp thì...

– Thôi được, toà cho rằng anh đã nói đúng. Bị cáo Lê Hoà đứng lên ! Anh cho toà biết thời anh còn làm giám đốc, anh đã tiêu tán, phá cả nhà máy rồi làm hàng ngàn công nhân thất nghiệp phải không ?

– Bẩm, vâng !

– Nguyên nhân nào đưa anh đến tội phạm ấy, anh cho toà biết.

– Thưa quý toà, tôi thú nhận là tôi chạy theo người đẹp. Một tuần bảy ngày, tôi đến chỗ nàng để được nàng mát xa cho. Quý thời gian của tôi gói cả ở chỗ nàng, cái đầu tôi cũng gói ở đó ! Lương của công nhân tôi cầm, rồi bỏ vào hòm cho người đẹp...

– Thôi được, toà đã hiểu vì sao vỡ nhà máy. Giờ toà hỏi bị cáo Hoàng Minh. Anh cho biết, anh là nhà báo, anh đã viết mấy bài ca ngợi “ mát xa chữa bệnh ” Anna Lan Hương ?

– Thưa quý toà, tôi đã viết tất cả mười ba bài báo và tám bài thơ ca ngợi vẻ đẹp thần tiên của nàng, tài chữa bệnh bằng mát xa tuyệt vời của nàng...

– Anh có thể đọc thử cho toà nghe một trong những đoạn thơ anh viết ?

– Bẩm vâng. Xin toà lắng nghe.

*Bàn tay của nàng là bàn tay của Chúa
Luốt trên tôi những đợt sóng thần kỳ
Đôi mắt nàng toàn nhân loại mê ly
Cặp đùi mộng hơn thần vệ nữ !*

*Thế giới này đã âm u già cũ
Chỉ riêng nàng tươi sáng trẻ trung
Nàng ban phát hào quang sáng lạng
Cho những ai quỳ gối trước nàng
Là hạnh phúc ngàn vàng không đổi...*

– Được rồi ! – Ông chánh án gạt cái đầu béo múp. Rồi ông luốt đôi mắt ti hí của mình sang góc trái, nơi có bị cáo Anna Lan Hương đang ngồi mỉm cười nghe nhà thơ đọc thơ ca ngợi. Giây phút ấy người ta thấy ông có vẻ bàng hoàng. Rồi phút sau ông cố trấn tĩnh để nói :

– Bị cáo Anna Lan Hương ! Với tất cả những chứng lý

vừa rồi, toà có thể buộc tội cô là dùng sắc đẹp để khiêu dâm dẫn đến tình trạng làm sa ngã hàng loạt cán bộ Nhà nước... Cô có quyền tự bào chữa. Nếu không thì toà sẽ tuyên án...

Anna Lan Hương đứng lên, tươi cười nhìn vị chánh án, nói đồng dục :

– Thưa quý toà ! Tôi hoàn toàn vô tội !

– Nếu cô chứng minh được điều cô vừa nói !

– Thưa chánh án ! Chánh án có cho rằng một người ái nam ái nữ không bao giờ có thể là kẻ khiêu dâm được không ?

– Hả ? — Ông chánh án quát lên hỏi lại — Cái gì ái nam ái nữ, hả ?

– Thưa chánh án ! Chánh án có cho rằng một người ái nam ái nữ, thì không thể có khả năng khiêu dâm được không ?

– Nhưng cô hỏi như thế để làm gì ? — Vị quan toà hỏi lại.

– Thì chánh án cứ trả lời đi đã !

– Tôi khẳng định rằng kẻ ái nam ái nữ thì không có thể là kẻ khiêu dâm bất luận trong trường hợp nào ! — Chánh án trả lời trong khi đám đông quần chúng nhốn nháo và cảm thấy phiên toà đang chuyển hướng bất ngờ.

– Vây chánh án nhớ kỹ cho điều ấy ! — Anna Lan Hương điềm tĩnh nói — Thưa chánh án ! Tôi đã bị những kẻ có chức có quyền ngày nay vu khống, cũng như họ đã vu khống bao nhiêu người dân hiền lành vô tội. Tôi sẽ không chịu trách nhiệm về những lời buộc tội... Điều này lẽ ra quan toà phải nên biết trước : tôi là người ái nam ái nữ ! Là kẻ bất hạnh nhất trên thế gian này !

Nói xong Anna Lan Hương hu hu khóc. Phiên toà bùng nổ. Sau một lúc ầm ầm như ong vỡ tổ thì từ quan toà đến luật sư và hàng nghìn người dự phiên toà đều đứng chết lặng nghe tiếng khóc thảm thiết từ gương mặt cực kỳ xinh đẹp.

Hơn năm mươi bị cáo lúc này ngơ ngác nhìn nhau, như muốn hỏi : “ *Thế nào, bao nhiêu năm nay chúng ta chạy theo một đứa con gái không có l... ? Trời ơi, nhục ! Nhục không để đâu cho hết nhục !* ” . Bỗng họ cúi đầu thấy mình đã bị lừa, một cú lừa chưa từng có trong lịch sử nhân loại. Họ nhớ lại bao lần ân ái cùng người đẹp, chỉ có chạy vòng tròn ở mé ngoài chứ chưa một người nào trong họ lọt được vào cung cấm ! Thì cái “ cung cấm ” ấy được che đậy cực kỳ cẩn thận, nhưng bên trong có “ vật quý ” đâu, ngoài một cái lỗ nhỏ xíu tạo hoá sinh ra để làm chức năng bài tiết ! (Sau này hội đồng giám định y khoa đã kết luận như vậy). Bỗng cả hơn năm chục bị cáo ngồi lổm ngổm xung quanh người đẹp đều khóc. Giữa pháp đình nghiêm minh, các anh hùng hảo hán này khóc vì lẽ gì ? Họ thương vợ con đã bị tình phụ oan ? Thương đám công nhân dưới quyền họ bị thất nghiệp mà đồng lương cứu đói cũng không có ? Họ thương xót cho những triệu bạc bấy giờ không biết phiêu bạt nơi đâu ? (Vị khi khám nhà người đẹp thì chỉ còn cái nhà rỗng) hay họ thương xót cho bản thân họ không được hưởng “ lộc trời ” mà rồi đây sẽ ở tù không biết đến bao giờ ?

Nhưng mỹ nhân làng Trọng Nghĩa đã cười – nụ cười thật mãn nguyện !

Tháng 4-1991

Trần Quốc Tiến

(Giải ba – Truyện ngắn hay 1991 – do Hội nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh và báo *Kiến thức ngày nay* tổ chức, in trong tập truyện cùng tên, Nxb Văn Nghệ TP Hồ Chí Minh, 1992)

Nơi ấy, Trăng

truyện ngắn

Lê Minh Hà

Người đàn bà đặt đĩa bánh chuối lên mặt bàn, với tay lấy ấm trà rót ra hai cái tách trong một dáng vẻ hết sức dịu dàng, vẻ dịu dàng của hạnh phúc muộn màng. Và tiếp tục ý nghĩ còn dang dở. Những người đã từng trải và mới yêu thường có nhu cầu bộc bạch như thế :

– ... Buồn cười thật. Hồi còn ở nhà, nhiều khi em cứ nghĩ người này sẽ không bao giờ mình quen, cao quá, người kia sẽ không bao giờ mình gặp lại, xa quá. Vậy mà từ hồi tự mình dày mình sang đây, hôm nay gặp người từng chỉ biết danh trên mặt báo, ngày mai có khi quen người quen của một người quen cũ, tự dưng thấy Việt Nam mình bé tẹo. Tự dưng em lại nhớ đủ kiểu người... Anh ăn đi ! Bánh này rán xong vớt ra phải ăn ngay. Cũng không đúng kiểu lắm đâu...

Người đàn ông mỉm cười, lặng lẽ, bồi hồi trong cảm giác sung sướng vì được chăm chút, lâu lắm rồi mới được chăm chút, và để mình trượt theo những chuyển đổi gấp khúc trong ý nghĩ của người đàn bà :

– ... Bên này chẳng tìm đâu ra chuối ngự. Chuối này rán hơi bị nát, ương thì chát mà chín thì chua. Anh ăn có nhận ra không ? Em nhớ con bạn cũ. Hồi xưa em với nó có hào nào là nướng hết vào hàng bánh chuối bánh khoai. Cứ nghĩ đến em còn đi thế này thì chắc nó đã đi từ đời tám hoánh nào. Như anh...

Người đàn bà mỉm cười. Nao nao. Bánh chuối. Chiều xưa. Phố cũ. Làm sao mình lại đâm nhớ nó đến thế. Xa xôi quá rồi...

... Ngày khai trường ở Hà Nội sau khi Mỹ ngừng oanh tạc theo hiệp định Paris... Chậm hơn bình thường cả tháng. Học sinh ùn ùn từ nơi sơ tán kéo về. Bàn chưa kịp sơn lại. Bàn ghế chưa kịp sửa. Chưa kịp quen bạn mới thầy cô mới. Cả lũ lấm lét nhìn nhau, thấp thỏm chờ cô điểm danh.

– Nguyễn Đức Việt ?
– Có ạ
– Đỗ Hoàng Vũ ?
– Có ạ !
– Võ Hoàng Thanh Trang ?... Em nào là Võ Hoàng Thanh Trang ?

Một đứa con gái đứng phắt dậy, chẳng có vẻ gì là rút rút :

– Thưa cô, hình như là em đấy ạ.

Cả lớp cười phá lên như có lệnh. Đứa con gái cũng cười, cúi xuống sửa lại đầu ghế bằng kê tạm trên chõng gạch, gương mặt tròn vẫn cố hắt lên :

– Đúng là em đấy ạ. Nhưng không phải là Thanh Trang đâu ạ. Em là Thanh Trăng. Vâng ! Trăng !

Và nó quay lại nhìn cả lớp chun mũi cười. Cái mũi tròn giống hệt một quả cà chua thóc.

Phương thân với Trăng ngay. Nó thích cái tên Trăng. Ra giữa đường mà ngẩng mặt lên gọi trăng ơi thì có vẻ phùng chèo. Nhưng còn đứng dưới một gốc cây, ngóng lên một khung cửa sổ mà “ Trăng ơi ” thì thích. Hai đứa lại đi học một đường, lại cùng thích bánh chuối đầu phố. Ba mẹ Trăng chiều Trăng và chiều hết thầy bạn Trăng. Ngoài ra, nhà Trăng có một tủ sách to ư.

– Cửa chú Trăng đấy. Em kết nghĩa với ba. Chú về Nam rồi. Gì cơ ? Chú ấy giỏi lắm, dạy hẳn đại học cơ. Học trò của chú có người già như ba Trăng ấy. Sách nhiều thế này mà ba mẹ không cho Trăng đọc đâu.

Toàn sách người lớn. Trăng không được đọc, nhưng dấm dúi cho Phương mượn. *Núi đồi và thảo nguyên. Chiến tranh và hòa bình. Sông Đông êm đềm. Đỏ và đen. Hồng lâu mộng. Aitmatop. Lep Tolxtoi. Sôlôkhốp...* Những cuộc chiến tranh vĩ đại. Những năm tháng dằng dặc khổ đau và đợi chờ. Những mối tình người lớn lộn nhào trong đầu Phương. Trong mắt Phương, bạn cùng tuổi và những cuốn truyện cổ tích trở thành ngõ ngách. Phương phải nói ra. Và Trăng mắt thao láo nghe Phương rồi lại dấm dúi cho Phương lục sách mang về.

Lần Phương kể cho Trăng nghe “ Cây phong non trùn khăn đỏ ” (1), Trăng không thao láo mắt nhìn, chỉ lặng lẽ nghe, vừa nghe vừa chăm chú tưới mớ rau ngót mẹ Trăng gửi bà hàng xóm mua hộ. Mãi Trăng mới ngừng đầu :

– Người lớn thế nào ấy nhỉ ? Phương này, Trăng mới có thêm một mẹ nữa đấy.

Đến lượt Phương thao láo mắt. Thêm mẹ. Kì cục và quái gở. Trăng nói nhỏ nhỏ, mắt lại nhìn nắm rau ngót tưới dở trên tay :

– Ba mẹ bảo thế. Mẹ bảo ba cưới vợ trước ngày đi tập kết. Biền biệt ở ngoài này, ba không nghĩ mẹ lớn của Trăng vẫn chờ. Vừa rồi ba nhận được thư. Gửi từ quê nội Trăng. Thu đi hết những một năm. Ba nằm nhà mấy ngày không đi làm. Chỉ nằm ngửa thôi, mở mắt, thế này này. Sợ lắm. Mẹ cũng làm sao ấy. Hôm qua mẹ là quần áo, để cháy cái áo của Trăng, khét lẹt mà mẹ cứ ngồi nhìn, không biết.

Phương nhìn quanh phòng, không dám nghĩ chuyện tận dụng lúc người lớn đi làm chưa về mà lục lọi tủ sách. Chỉ muốn ra phố lập tức. Hai đứa trẻ rụt rè nhìn nhau. Cái mũi Trăng không chun lại như mọi bữa, trông nghiêm trang và buồn rầu. Phương bối rối thăm dò :

– Tổ để dành tiền ăn sáng mấy hôm rồi. Đi ăn bánh chuối đi. Ấy không thích à ? Thế tổ về vậy nhé !

Hai đứa trẻ không bao giờ nói lại với nhau chuyện ấy, nhưng đi cùng nhau thường hơn. Có lần Trăng dẫn Phương tới nhà một cô bạn ở phố bên. Đọc đường Trăng giảng giải :

– Mẹ gọi mẹ Quỳnh là mẹ. Mẹ bắt Trăng gọi Quỳnh là dì. Mà Trăng với Quỳnh không thích. Quỳnh bằng tuổi bọn

mình đấy. Vội lại thực ra Quỳnh với Trắng không có họ với nhau đâu.

Nhưng Phương đã nhìn thấy Trắng ở nhà Quỳnh như ở nhà bà ngoại. Mẹ Quỳnh dáng rất “mẹ” ngồi trên giường đan len nhaoy nhaoy không cần đèn, mắt sáng và điềm tĩnh. Quỳnh da trắng xanh, tay cũng thoăn thoắt hai cái kim đan, mắt cũng sáng và điềm tĩnh, vẻ điềm tĩnh rất lạ ở tuổi mười ba. Chị Quỳnh đi làm về, điềm đậm : “Mẹ thế nào Trắng ?” Anh Quỳnh rời bàn viết : “Hai đứa com chưa ? Có ở đây ăn com với bà không ?”. Cả nhà cười. Nhưng không có tiếng cười. Nụ cười êm lạnh. Giống như nụ cười trong ảnh Đức Mẹ trên bàn thờ. Giống như nụ cười trong hai tấm ảnh đàn ông một già một trẻ treo trên tường.

Đường về, Trắng kể :

– Nhà Quỳnh theo đạo đấy. Bố mẹ Quỳnh ngày xưa cùng làm ăn với ông bà ngoại Trắng. Ông bà vào Nam trước, gửi mẹ Trắng cho bố mẹ Quỳnh đưa vào sau. Rồi lờ. Bố Quỳnh với anh Quỳnh đang đi tù đấy. Chẳng biết vì sao. Chín năm rồi. Mẹ Trắng ở với nhà Quỳnh tới tận ngày gặp ba.

Trắng vui hẳn :

– Bà kể hồi mẹ đẻ Trắng, bà cũng đẻ Quỳnh, mẹ đi làm, Trắng bú cả bà đấy.

Mẹ Trắng làm thuyết minh phim. Giọng đẹp. Người càng đẹp. Cứ như diễn viên. Lúc nào cũng dịu dàng. Lúc nào cũng tươi cười. Thế cho nên Phương đâm sợ sệt khi chứng kiến cái vẻ dịu dàng tươi rói kia nhuốm chút gì như héo hắt, mỗi ngày một héo hắt khi mỗi ngày những lá thư xa lại nhiều lên.



Ngày thống nhất, cả nhà Trắng đổi hẳn. Ba Trắng thôi nằm ngửa nhìn trần nhà mỗi nghĩ làm, đi ra đi vào thảng thốt. Trắng náo nức về quê nội. Mẹ Trắng đang tươi rói rói lại hốt hơ hốt hải như hải sợ một điều gì.

Hết hè, trở lại Hà Nội, Trắng không kể nhiều cho Phương nghe chuyện về thăm quê nội, nơi có cái tên rất dịu Ô Môn. Trắng đến tìm Phương :

– Mẹ bảo gọi Phương lên ăn com. Mẹ và Trắng đưa ông bà ra thăm Hà Nội rồi sẽ vào Sài Gòn với ông bà...

Bữa com thiếu ba Trắng. Có cả nhà Quỳnh. Hai ông bà cụ xa Hà Nội hơn hai mươi năm vẫn nói giọng Hà Nội đặc. Bữa com đoàn viên. Như một bữa giỗ. Không vui.

Phương cắt đĩa bánh chuối đã nguội, pha ấm chè mới và châm một ngọn nến để lên bàn.

– Không ngon lắm phải không anh ? Ở bên này nhiều khi nhớ nhà em cứ bày vẽ ra thế. Cứ tưởng ăn khi nhớ thì phải... Nhưng chẳng bao giờ vừa miệng. Chẳng hiểu sao. Có khi là thiếu vị này vị khác. Mà có khi ngày xưa vất vả ăn gì cũng thấy ngon, cũng thèm cũng nhớ. Ở nhà khổ vì thiếu. Sang đây khổ vì thừa. Ở nhà gì cũng thèm. Sang đây lại không biết thèm gì. Hồi trước bọn em đã ra hàng bánh chuối là phải ăn cả bánh khoai. Để khi nào mua được khoai lang em làm anh ăn thử...

Người đàn ông cười hạnh phúc. Hạnh phúc vì lâu lắm rồi mới lại có cảm giác mình được tin cậy đến thế, được chăm chút riêng tư đến thế:

– Bọn em là em với cái cô bạn gì em vừa nhắc lúc nãy đó phải không ? Con gái ở đâu cũng ăn quà vặt nhanh như chớp ấy nhỉ !

– Anh chỉ được cái... Bao giờ về lại được, em cho anh ăn quà vòng quanh Hà Nội. Ngon kinh khủng. Mà rất lạ. Vẫn ngần ấy thức, nhưng ăn ngoài hàng ngon hơn hẳn ở nhà làm. Phở cũng vậy. Bún thang cũng vậy. Bánh tôm cũng vậy. Bánh chuối cũng vậy. Bạn em thạo lắm. Nhà nó con một chiều như chiều vong ấy mà. Khi mới gặp nó, cứ ngỡ là nó sung sướng mãi...



Bốn năm sau ngày thống nhất, Phương gặp lại Trắng. Phương đã tốt nghiệp cấp ba, đã đỗ đại học. Trắng vào Nam phải học chậm lại một năm.

Căn nhà Trắng ở cùng mẹ và ông bà nằm trên đường Bà huyện Thanh Quan. Trắng ra mở cổng, mắt nhìn đầy vẻ mừng rỡ. Nhưng Trắng không vồn vã đến mức cuồng quýt như hai cô bạn gái thân thường thế khi xa nhau lâu ngày :

– Vào bao giờ vậy Phương ? Sao không báo trước để Trắng đi đón ?

– Để Phương vào chào ông bà đã. Ba mẹ đi làm hả Trắng ?

Bất chợt Phương thấy một dáng phụ nữ tha thẩn trong sân. Mắt người phụ nữ gặp mắt Phương, trống rỗng, nụ cười dài dài. Mặt Trắng không biến đổi, giọng Trắng như vô cảm:

– Mẹ đấy. Mẹ không nhận ra Phương đâu. Phương vào đợt này hay quá. Có ở được đến tới đám cưới Trắng không ?

Trắng lấy chồng ? Tuổi mười bảy ? Trắng bỏ học ? Đầu óc Phương rối loạn hết như hồi nào tuổi mười ba ngổn ngấu trộm sách người lớn. Phương đờ mặt. Trắng nhìn bạn, tự mình đặt câu hỏi rồi tự mình trả lời :

– Ba hả ? Ba ở với bà trước dưới Ô Môn rồi. Hồi mới vào, mẹ đưa Trắng về Ô Môn nhận hộ hàng, nhận mẹ lớn. Bà ở với ba Trắng một tuần rồi ba đi, không con cái gì. Cũng điều đúng bao năm khi ba đi tập kết. Bà nội quý Trắng lắm. Nhưng bà nội thương mẹ lớn của Trắng. Ba ở luôn dưới Ô Môn. Làm gì dưới đó à ? Chẳng biết. Cái gì trong ủy ban xã ấy. Cả mẹ lớn nữa. Mỗi mẹ và Trắng về Sài Gòn. Ông bà ngoại ở một mình. Hồi Phương lên nhà ăn cơm có ông bà ngoại nữa đấy. Mẹ không ngủ được, một hôm trở dậy thành thế này. Nhà này của ai à ? Của ông bà ngoại. Bác với cậu Trắng đi hồi bảy năm rồi. Ông bà ngoại ở lại chờ tìm mẹ Trắng. Mẹ ra thế này, bà ngoại cầu khẩn suốt ngày, ông ngoại thì như cấm khẩu.

Những nỗi đau tưởng chỉ có trong tiểu thuyết giờ thành chuyện đời thường, và lẽ ra phải làm hai cô gái gắn bó với nhau hơn thì thực tế lại làm họ xa nhau.

– Lạ thế anh ạ ! Hồi xưa khi kể cho nó nghe những

chuyện tình yêu tiểu thuyết, đủ kiểu dở dang trắc trở khổ đau, nó cứ thao láo mắt nghe, mũi chun lại trông rất buồn cười. Đến lúc nó kể chuyện nhà cho em, cũng chuyện dở dang, khổ não, thật cứ như tiểu thuyết, em lại không thể nào nhìn nó. Tự dung em thấy nó già quá. Tự dung em sợ mình vô ý để lộ lòng thương hại. Nhưng có lẽ thực ra lúc ấy em phải cầm lấy tay nó, phải nói một điều gì. Nó lấy một ông hơn tới mười mấy tuổi, già bằng anh bây giờ ấy. Nếu hồi đó gặp tình cờ thế nào em cũng chào chú ngon lành. Nếu mà nó có con ngay thì bây giờ con nó cũng phải bằng tuổi bọn em ngày ấy, cũng tới tuổi yêu đương nhăng nhít rồi. Anh hỏi tên nó là gì ư ? Em chưa nói à ? Trăng ! Võ Hoàng Thanh Trăng. Tên lạ nhỉ ? Chắc là gắn với kỷ niệm nào của cụ ông cụ bà nhà nó khi trước. Từ ngày sang đây em cứ nghĩ biết đâu lại chẳng có lần gặp nó đâu đó trên đất này. Có khi đã thành bà chủ quán không biết chừng. Nhà nó có ông bác với ông cậu đi sớm lắm. Như anh ấy. Từ hồi bảy năm. Nhà chồng cũng dân Bắc di cư, đâu như chỗ bạn hàng với ông bà nó... Những nhà ấy thế nào chẳng tìm cách toại đi. Anh đi sau bảy năm nhỉ ?

Người đàn ông chú mục vào ngọn nến lung lay. Trong buổi chiều chưa tối hẳn, ánh nến nhìn tái nhợt và lạc lõng. Nét rạng rỡ suốt buổi chiều trên gương mặt anh đông lại, phai dần. Niềm vui dịu dàng tỏa sáng gương mặt người đàn bà suốt buổi chiều cũng phai dần. Nhưng người đàn ông không nhận thấy. Người đàn bà thẫn thờ cầm tách nước, chậm rãi hóp từng ngụm nhỏ, và bỗng sặc. Môi chị run lên. “Trăng ơi ! Không lẽ lại là như thế !”.

Lê Minh Hà
8/9.1997

(1) Trích từ *Núi đồi và thảo nguyên* (Aitmatov).

PHÂN ỦU

Được tin

cụ bà Nguyễn Thế Toàn

thân mẫu anh Nguyễn Thế Văn (Chuyên Tôn), đã từ trần ngày 15 tháng 12 năm 1997, tại Californie (Hoa Kỳ) hưởng thọ 94 tuổi.

Xin thành thực chia buồn cùng tang quyến.

ÔB. Nguyễn Hữu Danh và gia đình (Paris)

PHÂN ỦU

Được tin

bà Phùng Công Khải (nhũ danh Nguyễn Thị San)

đã từ trần ngày 21 tháng 12 năm 1997, hưởng thọ 88 tuổi. Lễ cầu siêu 49 ngày sẽ cử hành tại chùa Trúc Lâm (Villebon sur Yvette) ngày chủ nhật 8.2.98 lúc 11 g.

Xin thành thực chia buồn cùng tang quyến.

Diễn Đàn

cáo phó

Đừng ai gọi
hãy coi tôi như vắng
Căn phòng ngổn ngang
mạng nhện không người

Đừng nhắc tới
để nhớ chính mình
Sự thủy chung ồn ào
hay đổi thay lặng lẽ ?

Đừng nghĩ đến
bằng nén hương lòng
mặt mũi kỷ niệm
không thoáng nổi mùi trầm

Tôi muốn tự mình
lồng ảnh vào khung
“ Đón đình tim treo
nơi trang trọng ? ”

Như đã qua đời.

23.07.97

PHAN HUYỀN THU

người ơi, ta nhắn...

Người rằng : “ con nhện giăng màng ”

ta biết nói sao,

đêm ta mơ :

đòng sông thành đường Autobahn

những chiếc ô-tô lao điên cuồng trong tối.

Người rằng: “ đò đầy chớ qua ”

ta biết nói sao

thăm thẳm trời xanh, ngày mây trắng —

tuyệt vọng đường về.

Người rằng: “ đâu hơn người kết ” (*)

ô những lời không tiện nói cùng nhau

ô những điều không tiện nghĩ về nhau

khi nào thoát khỏi chốn này

biết buồn còn xanh không?

Người ơi,

ta nhắn :

từ đây

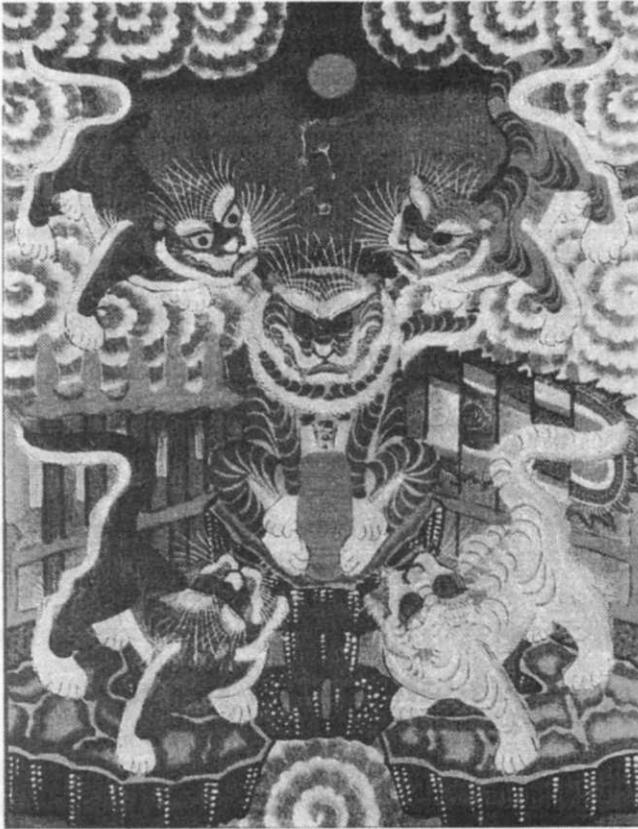
bao giờ...

5 - 1997

ĐỖ QUANG NGHĨA

Tranh Hồ

Văn Ngọc



Ngũ Hồ – tranh thờ Hàng Trống

Ở nước ta, tranh Hồ là một loại tranh thờ khá phổ biến trong dân gian. Từ thành thị cho đến thôn quê, chẳng mấy nhà là không có bức tranh Ông Hồ treo ở nơi bàn thờ⁽¹⁾. Tranh Hồ còn thấy ở các nơi đền, miếu, dưới nhiều dạng khác nhau, có khi là những bức vẽ hoạ, hoặc đắp nổi, khắc vẽ thẳng vào tường. Ở đây, chúng tôi chỉ tập trung nói về tranh Hồ vẽ trên giấy. Đúng về mặt nghệ thuật, đó là một loại tranh thờ có phong cách khác hẳn với các loại tranh thờ khác, và chiếm một địa vị đặc biệt trong nền tranh dân gian Việt Nam.

Tranh Hồ, chủ yếu là tranh Hàng Trống⁽²⁾, thường vẫn được bán quanh năm ở các cửa hiệu bán đồ thờ cúng, ở Hà Nội xưa kia là ở các phố Hàng Hòm, Hàng Trống, Hàng Quạt, Mã Vỹ, v.v... song vào dịp Tết tranh Hồ cũng được đem ra bày bán cùng với tranh Gà, tranh Lợn ở phố Hàng Bồ.

Tại sao lại có tục thờ Ông Hồ và có truyền thống vẽ tranh Hồ?

Trong hệ thống các thần linh và trong quan niệm về vũ

trụ (ngũ phương, ngũ hành, ngũ thời, ngũ sắc, v.v...) của tín ngưỡng *đông bóng* của người Việt, (còn được gọi là tín ngưỡng *Tứ Phủ*, hoặc tín ngưỡng thờ *Mẫu*), Ông Hồ có cương vị là một thần tướng, có oai lực tiêu trừ ma quỷ và trấn giữ một phương trời.

Người ta tin rằng các vùng trời dưới quyền cai quản của Ngọc Hoàng Thượng Đế⁽³⁾, được chia ra làm năm khu, thuộc năm phương (ngũ phương), và được trấn giữ bởi năm thần tướng là Ngũ Hồ.

Trên bức tranh *Ngũ Hồ* (còn được gọi là *Ông Năm Dinh*, hoặc *Quan Ngũ Dinh*), Hoàng Hồ tướng quân, trấn nhậm Trung khu (*hành Thổ*) đứng ở giữa. Bốn xung quanh là: Hắc Hồ tướng quân, trấn nhậm Bắc khu (*hành Thủy, thời Đông*); Bạch Hồ tướng quân, trấn nhậm Tây khu (*hành Kim, thời Thu*); Xích Hồ tướng quân, trấn nhậm Nam khu (*hành Hỏa, thời Hạ*); Thanh Hồ tướng quân, trấn nhậm Đông khu (*hành Mộc, thời Xuân*).

Ngoài ra, chắc tục thờ thần hổ cũng đã có trong tín ngưỡng dân gian từ lâu đời rồi, trước khi được đưa vào tín ngưỡng *đông bóng*. Tuy nhiên, ở nước ta, không thấy dấu vết của tranh Hồ nào khác và xưa hơn là tranh thờ Hàng Trống.

Dấu sao thì sự tôn thờ Ông Hồ có thể đã có nguồn gốc từ nỗi khiếp sợ bản năng của con người đối với con hổ, hay con cọp, giống thú vật hung ác và dũng mãnh nhất mà thiên nhiên đã tạo ra ở vùng núi rừng nhiệt đới, và luôn luôn gây tác hại cho con người. Cái tên gọi Ông Hồ, Ông Hùm, hoặc Ông Ba Mươi, nói lên nỗi khiếp sợ đó. Nhưng dường như bằng một sự khôn ngoan nào đó, con người đã tôn Ông Hồ lên hàng thần linh để giúp họ xua trừ một nỗi sợ khác lớn hơn, đó là nỗi sợ ma quỷ, cũng do trí tưởng tượng giàu có của con người sáng tạo ra, và còn ghê gớm hơn!

Con người nguyên khai thường vẫn hãi sợ trước những hiện tượng kỳ lạ của thiên nhiên mà họ không giải thích được. Chẳng thế mà trong tín ngưỡng nguyên thủy của một số dân tộc đã có những Thần Sấm, Thần Chớp, Thần Núi, Thần Nước, v.v... Thần Hồ chỉ khác ở chỗ là có hình dạng và mặt mũi của một con thú vật có thật, mà con người biết rõ, và người nghệ nhân không cần phải nặn óc ra để vẽ chân dung. Thật ít vị thần linh nào mà hình hài lại được thể hiện một cách cụ thể và rõ nét như thế! Cũng như, ít có tranh thờ nào mà lại *thật* như tranh Hồ!

Tranh Hồ, ngoài tranh *Ngũ Hồ* ra, còn có tranh *Bạch Hồ*, *Hắc Hồ*, và *Hoàng Hồ* khá phổ biến, còn hai vị thần tướng kia, không thấy có chân dung từng vị đứng riêng một mình.

Ở Trung Quốc cũng có thờ thần hổ, nhưng không giống như ở Việt Nam, và phong cách vẽ tranh *Ngũ Hồ*, hoặc tranh *Bạch Hồ* cũng khác ta rất xa.

Tranh Hồ là tranh Hàng Trống khổ lớn (từ 75cm x 55cm trở lên), thường được bồi thêm cho dày, và hai đầu có hai cây xuất bằng trúc để treo. Loại tranh này, từ tranh Ông Hoàng, Bà Mẫu, Tam Phủ, Tứ Phủ, đến tranh Tố Nữ, Cá Chép Trông Trăng, v.v..., đều được vẽ thẳng lên giấy, kỹ thuật khắc ván chỉ được áp dụng cho các tranh khổ nhỏ 35cm x 25cm. Ngay cả trong trường hợp này, người ta cũng chỉ khắc ván những nét chính, rồi tô màu và điểm xuyết bằng tay. Người nghệ

nhân thường vẽ thuộc lòng, theo một khuôn mẫu nào đó của tiền nhân truyền lại, họ dựa vào trí nhớ là chủ yếu, nhưng ngoài ra cũng dựa cả vào trí tưởng tượng, óc thẩm mỹ và sự nhạy cảm của mình.

Do đó, chất lượng tranh Hàng Trống không đồng đều như tranh Đông Hồ. Nhưng mặt khác, cũng do đó mà đôi khi có được những tác phẩm đẹp vượt bậc.

Có những bức tranh Hồ còn giữ lại được cho tới ngày nay, có chất lượng cao, màu nét sắc xảo, tỷ lệ hài hoà, đó chính một phần là nhờ ở hoa tay và trình độ thẩm mỹ của những nghệ nhân đã sáng tạo ra chúng, nhưng một phần cũng nhờ ở sự thẩm định của quần chúng thế hệ này qua thế hệ khác.

Chúng tôi đã có dịp đề cập đến cái đẹp trong tranh Tết, nói chung, và trong từng bức tranh Gà, tranh Lợn, nói riêng. Tranh Lợn, tranh Gà là tranh khắc gỗ khổ nhỏ. Chúng có cái đẹp khoẻ mạnh, chân chất, mộc mạc của chúng. Tranh Hồ là tranh vẽ tay với một kỹ thuật và một phong cách khác hẳn. Cái đẹp của nó cũng khác, vừa tỉ mỉ hơn trong chi tiết, lại vừa đồ sộ hơn trong bố cục, lộng lẫy hơn trong màu sắc và chất liệu.

Xem tranh Hồ, với con mắt của người ngày nay, hẳn là phải khác với con mắt của người xưa. Ta hãy thử xem xem quan niệm của người xưa ra sao, đặc biệt về cái đẹp, cái chuẩn trong tranh dân gian, nói chung.

Theo chính những nghệ nhân làm tranh đã từng gần gũi, hiểu biết sở thích và trình độ thẩm mỹ của quần chúng ở thành thị, cũng như ở nông thôn trước kia, thì những tiêu

chuẩn đó đã được xác định như sau :

- Đường nét phải rõ ràng, dứt khoát. Mảng màu phải cụ thể.
- Màu sắc phải tươi đậm và trong, màu nào rõ màu ấy.
- Hình vẽ phải cho ngoa ngoắt, cốt bắt lấy dáng động của sự vật.
- Khi vẽ người, ăn nhau ở cái dáng, cái thần. Không nề thực, ngược lại cần cách điệu. Người lẳng lơ thì hình vẽ phải cong cong, v.v... (4)

Xét toàn bộ những tiêu chuẩn trên, chúng ta thấy rằng, mặc dầu chúng chưa được đúc kết thành những khái niệm có định, rõ nét, có quan hệ mật thiết với nhau, và mặc dầu chưa thể hiện được một cái nhìn tổng quát, hoàn chỉnh về giá trị nghệ thuật của một tác phẩm, song chúng đã hàm chứa nhiều khái niệm có tính chất phổ biến, đến nay vẫn còn giá trị, tuy đã được gọi bằng những cái tên khác, chẳng hạn như khái niệm về *nhịp điệu*, về *bố cục*, về *sự tương phản*, v.v...

Nhìn vào một bức tranh thờ như bức tranh Ngũ Hồ chẳng hạn, chúng ta thấy gì ?

Trước hết, tự nó, con hổ, đối tượng chính của bức tranh, đã có một hình dạng hấp dẫn tự nhiên rồi. Cái vẻ đẹp hoang dại, cái tướng hung hãn, dữ tợn, cái dáng đứng mãnh khác thường của nó, ít con thú vật nào bì kịp. Với một thân mình cân đối, thể hiện tính năng động và một sức mạnh tiềm tàng, một bộ lông mao rực rỡ, với những nét vằn uyển chuyển theo từng động tác, với đôi mắt sáng quắc, bộ ria mép oai nghiêm, toàn thân con hổ đã là cả một bức tranh sinh động rồi !

Người nghệ nhân xưa đã khai thác những nhân tố thẩm mỹ sẵn có đó ở ngay trên thân mình đối tượng, để làm giàu thêm cho bức tranh của mình về nhịp điệu, về màu sắc cũng như về sự tương phản giữa những đường cong, nét thẳng, giữa những khối, mảng lớn, với những chi tiết mảnh mai.

Các nghệ nhân Hàng Trống vốn vẫn ưa tìm cái đẹp trong nét vẽ mềm mại, sắc xảo, trong cách tô màu, vờn bóng (chuyển sắc đậm nhạt) ở từng chi tiết nhỏ. Trên tranh Hồ, đó là những đường cong khoẻ mạnh của thân mình con hổ, mềm mại của những nét vằn, hoặc gãy khúc của những đám mây cách điệu hoá, tương phản với những đường thẳng cứng cáp của những cây cờ, giá gương.

Trong quan niệm thẩm mỹ của người nghệ nhân Hàng Trống, nhất là trên các bức tranh thờ, còn có một nét độc đáo khác, không phải là về chi tiết nữa mà là về bố cục.

Bố cục trên tranh thờ Hàng Trống khá đa dạng, và có nhiều điểm đáng chú ý.

Như chúng ta đã biết, trên tranh Ngũ Hồ, cũng như trên tranh dân gian Việt Nam, nói chung, không dùng phép viễn cận (hoặc phép phối cảnh – perspective linéaire). Các nhân vật được vẽ trên cùng một bình diện (*plan*), to nhỏ tùy theo địa vị, ngôi thứ. Cũng nhờ vậy mà bức tranh rất *đầy*, gần như không còn chỗ nào hở để thấy phông nữa, mọi chi tiết đều được đưa lên phía trước.

Trên tranh Ngũ Hồ, ông Hoàng Hồ tướng quân, trấn nhậm Trung khu, quan trọng nhất, nên đứng ở giữa và thân mình hơi to hơn các ông kia. Cũng như trên tranh Bà Chúa



Hắc Hồ – tranh thờ Hàng Trống

Thượng Ngàn, hay *Ông Hoàng Cầm Quân*, thì Bà Chúa và Ông Hoàng là những nhân vật được vẽ to hơn hẳn những nhân vật khác.

Tranh *Ngũ Hồ* tuy có trục đối xứng (axe de symétrie) cũng như hầu hết các tranh thờ Hàng Trống, nhưng về mặt bố cục, khác với cách bố cục thẳng hàng, theo tầng, lớp, chồng lên nhau, như trên các tranh *Bà Chúa Thượng Ngàn*, *Tam Phủ*, *Tứ Phủ*, v.v... (Kiểu bố cục này thường gặp ở trên tranh thờ miền núi⁽⁵⁾, và cả ở trên tranh thờ Trung Quốc). Ở đây, bốn Ông Thần Hồ ở bốn góc, vây lấy Ông Hoàng Hồ ở giữa, chú không đứng chồng lên nhau theo những lớp ngang song song, hàng cò và giá guom đều được bố trí theo những đường xiên chéo, càng làm cho bức tranh thêm sinh động.

Một đặc điểm nổi bật khác, phần nào cũng là do cùng cái quan niệm về bố cục ấy mà ra, của tranh thờ Hàng Trống, nói chung, so với tranh Đông Hồ, là trên tranh thờ Hàng Trống, hình vẽ thường đầy ắp và ra đến khung của bức tranh, trong khi trên tranh Đông Hồ, hình vẽ thường thu gọn thành một khối ở trung tâm, xung quanh để trống như một cái phông (Gà Đàn, Lợn Đàn, Vinh Hoa, Phú Quý, Trâu Sen, Hai Bà Trưng, Bà Triệu, v.v...). Đây là hai cách bố cục hoàn toàn khác nhau, mỗi cách có một giá trị nghệ thuật riêng biệt. Nếu nhìn với con mắt thẩm mỹ ngày nay, thì chúng ta sẽ bảo là cách bố cục của tranh Đông Hồ mang tính chất *ký hiệu*, về căn bản có phần *tĩnh*, còn cách bố cục trên tranh thờ Hàng Trống lại *đầy* hơn, có tính *năng động* hơn, và gần với quan niệm hiện đại về *nhịp điệu* hơn.

Ngoài ra, về mặt màu sắc, tranh Hồ, mặc dầu là tranh thờ có tính chất uy nghiêm, nhưng đã được các nghệ nhân Hàng Trống thể hiện với những màu sắc tươi vui, lộng lẫy, có khi còn phong phú hơn cả những tranh thờ Ông Hoàng, Bà Mẫu: màu được sử dụng là năm màu *ngũ sắc* (xanh, đỏ, trắng, vàng, đen), được điểm xuyết thêm bằng các màu vàng kim, hoặc bạch kim óng ánh. Về mặt này, tranh Hàng Trống, nói chung, cũng khác xa với tranh Đông Hồ, do sử dụng những màu phẩm nhập mà người ta không thấy trên tranh Đông Hồ, và nhất là do chủ yếu vẽ tay nên thường sử dụng kỹ thuật chuyển màu đậm nhạt (dégradé), điều mà trên tranh Đông Hồ không thể làm được.

Bức tranh *Ngũ Hồ* có lẽ là một trong những bức tranh thờ sinh động và phong phú nhất trong tất cả nền tranh dân gian Việt Nam, nói chung, từ tranh Đông Hồ đến tranh Hàng Trống. Nó cũng là một trong những bức tranh dân gian hoàn chỉnh nhất, mang nhiều nhân tố thẩm mỹ gần gũi với những quan niệm thẩm mỹ hiện đại nhất⁽⁶⁾.

Tuy nhiên, tranh Hồ, như đã nói ở trên, do vẽ thẳng lên giấy, không thông qua ván khắc như tranh Gà, tranh Lợn, cho nên chất lượng không đồng đều, điều đó cũng có cái hay và cái dở của nó.

Có những bức tranh Hồ do nghệ nhân khéo tay vẽ, đạt chất lượng cao, nhưng cũng có những bức vẽ bôi bác, sơ lược, vụng về, do người vẽ không những không thuộc mẫu vẽ truyền thống, mà còn không có hoa tay, hoặc trình độ thẩm mỹ thấp kém, không chế ngự được từ hình thể, tỷ lệ, đến nét vẽ và màu sắc.

Có nhiều tuyển tập tranh dân gian xuất bản gần đây, như chúng tôi đã có dịp đề cập đến⁽⁷⁾, trong đó người ta đã chụp và in lại những bức tranh thiếu chất lượng nghệ thuật (tranh vẽ dở, hoặc hình chụp và in lại dở, hoặc cả hai), rồi cục không sử dụng được để giới thiệu, hoặc làm tư liệu tham khảo về tranh dân gian Việt Nam cho bất cứ ai.

Kho tàng tranh dân gian, đặc biệt là tranh thờ và tranh Tết, là một vốn cổ nghệ thuật quý báu. Đó là một điểm son, một niềm tự hào của nền văn hoá Việt Nam.

Đã đến lúc cần có một chủ trương nghiêm túc khuyến khích sự phát triển của nền tranh này, như một sản phẩm của nền nghệ thuật dân gian.

Các nghệ nhân có tay nghề cần được cổ vũ để tiếp tục sản xuất, dựa theo những mẫu truyền thống đã được chọn lọc kỹ càng, hoặc dựa theo những mẫu mới mà họ tự sáng tạo ra được.

Mặt khác, cần phát động việc sưu tầm để tập hợp lại những tác phẩm có chất lượng, nhằm bảo tồn và khai thác cái vốn cổ đó bằng mọi phương tiện thông tin và truyền thông: sách, báo, phim, ảnh và nhất là các viện bảo tàng, các cuộc triển lãm với quy mô lớn, nhằm giới thiệu rộng rãi cho những người yêu thích nghệ thuật trong và ngoài nước.

Văn Ngọc

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Bá Vân & Chu Quang Trứ, *Tranh dân gian Việt Nam*, NXB Văn Hoá, 1984.

Tranh tượng dân gian Việt Nam, NXB Mỹ Thuật Hà Nội.

Tranh cổ Việt Nam, NXB Thông Tin, Hà Nội 1995.

Tranh dân gian Việt Nam, NXB Văn Hoá Dân Tộc, Hà Nội 1995.

Ngô Đức Thịnh, *Hát Văn*, NXB Văn Hoá Dân Tộc, Hà Nội, 1992.

Chú thích:

(1) Ở nhiều nhà, nhất là ở thành thị, tranh Ông Hồ thường được treo ở ngay nơi bàn thờ tổ tiên. Trong tín ngưỡng dân gian, việc thờ thần linh đều có thể đi đôi với việc thờ cúng tổ tiên.

(2) Xem các bài *Tranh Tết, một vốn cổ quý báu* và *Con trâu trong tranh Tết* (ĐĐ số 49 và 60).

(3) Trong hệ thống thần linh của tín ngưỡng đồng bóng, lẽ ra các Thánh Mẫu có địa vị cao nhất (Mẫu là biểu tượng của quyền năng sáng tạo). Ngọc Hoàng Thượng Đế được đưa vào đứng trên cả các Thánh Mẫu là do ảnh hưởng của huyền thoại Trung Quốc, xét cho cùng cũng lôgic, vì nhiều Bà Mẫu vốn là các con gái của Ngọc Hoàng: Mẫu Liễu Hạnh, Mẫu Thượng Ngàn, v.v...!

(4) theo Nguyễn Bá Vân và Chu Quang Trứ, sdd trang 95.

(5) Xem bài *Tranh thờ Việt Nam*, ĐĐ số 50.

(6) Xem ĐĐ số 60, bdd.

(7) Xem ĐĐ số 60, bdd.

Chuyện cọp Bầu Lồng Võ Tòng Tân Khánh

Lưu Linh Tử

LTS : Vài chục năm về trước – nào có xa xôi gì, chỉ là ngày hôm qua đó thôi – cọp còn rành rành trong trí nhớ tập thể nhiều vùng miền Nam. Với những tập tục, cung cách đối xử khi chạm trán với cọp trong rừng, khi cọp về làng...

Năm Dần nói chuyện cọp. Nhớ lại nếp xưa.

Mà cũng để nhắc nhở rằng ngày nay, tại đất nước ta giống cọp đang ở trước nguy cơ bị tận diệt. Diểm lại, cả đất nước Việt Nam chỉ còn được khoảng vài trăm con...

Bầu Lồng là một làng nhỏ ở về hướng Bắc Sài Gòn lối 80 cây số, trước kia thuộc tỉnh Thủ Dầu Một (Bình Dương), rồi thuộc tỉnh Bình Long ⁽¹⁾.

Từ Sài Gòn lên Bầu Lồng phải theo quốc lộ 13, qua Lái Thiêu, Bình Dương, Bến Cát, Lai Khê, Bến Đồng Sổ, Bầu Bàng rồi Bầu Lồng đến Chơn Thành, Hớn Quản, v.v...

Bắt đầu từ Bến Cát trở lên ta thấy rất nhiều cao su mà trước kia người Pháp mộ dân phá rừng để trồng, lấy gốc cao su thay cây rừng thì chúng ta cũng tưởng tượng rừng Bầu Lồng ngày xưa trông lớn bực nào ?

Từ năm 1889 người Pháp bắt đầu áp đặt chế độ cai trị đến miền rừng thiêng nước độc này và cũng găm ghé phá rừng.

Thuở ấy dân cư còn thưa thớt, mỗi làng không nhiều hơn ba mươi nóc gia nhưng họ cũng thành lập ban hội tề như những làng khác.

Việc phá rừng lập nghiệp của người dân quê thật là thiên nan vạn nan. Họ rủ nhau đi khẩn hoang, họ đem cả gia đình tài sản đến một vùng nào đó. Khởi sự họ đốn cây cất nhà gần nhau rồi phá rừng, đốt rẫy và khởi sự tủa lúa trồng khoai. Sau vài mùa, coi bộ yên nơi yên chỗ, họ mới cử vài người lớn tuổi có uy tín về tỉnh xin lập làng, lập ấp và họ được thoả mãn ngay.

Những gia đình khẩn hoang này phần đông đều giống nhau. Họ có ít lắm cũng một đôi trâu hay bò, một cái xe “bo” và một vài gia súc khác để nuôi gây giống. Người gia trưởng đen đúa, nhưng bậm trợn, sức vóc mạnh mẽ, một bà vợ mộc mạc quê mùa nhưng chí thú làm ăn, vài đứa con ngây ngô ốm đỏi...

Họ sống đơn giản, tận lực khai phá, để sống ấm no, bắt chấp cả rừng thiêng nước độc.

Sau vài ba mùa, đời sống của họ tạm đủ với gạo đỏ, củ khoai, ngoài sự việc lập làng lập ấp, họ cũng không quên tín ngưỡng riêng, lập một ngôi đình và một cảnh chùa như bao làng khác. Lần lần xuất đình trong làng tăng thêm, đôi khi

nhiều người xứ khác đến xin với ban hội tề để nhập tịch. Ngoài việc đồng áng, thú vui của người dân là rủ nhau đi săn chồn đuôi thỏ với bầy chó cỏ, con nào con ấy chỉ bằng bắp chơn, nhưng đánh hơi rất tài, chạy theo con thịt rất bền và dai như đĩa đất. Trẻ nhỏ thì cùng nhau rập rờo đánh lưới thỏ hay gài bẫy bắt chim, đuôi cút. Những đêm trăng họ tề tựu lại sân đình, nhà việc hay nhà ông Hương cả, Hương chủ ⁽²⁾ để bày những trò giải trí lành mạnh, không kém phần hào hứng.

Người lớn thì đẩy cây, kéo tay, bẻ chơn, giã gạo thi hay thực tế hơn là học võ để giữ mình. Trẻ nhỏ thì chơi những trò nhộn hơn như u-u bắt mọi, nhảy chạn-chán-chậu, tập chuông-chuồng hay bịt mù khổ lon, những trò giải trí mà người lớn trẻ con đều thích.

Ngày kỳ yên, kỳ bông hay những rằm lớn còn vui hơn nữa, người người đều nô nức dự lễ với niềm tin tưởng nhiệt thành.

Làng Bầu Lồng với tương lai đầy hứa hẹn...

Ngày mai sung mãn phi nhiêu.

Cọp về làng

Suốt một tháng qua, dân làng Bầu Lồng bị một cơn đe dọa trầm trọng. Nguyên do là có cọp về làng quấy nhiễu.

Không phải là cọp mới về làng lần này là lần đầu tiên đâu, nhưng mấy lần trước, cọp về bắt chó, bò, heo rồi đi mất, hoặc bị dân làng xua đuổi bằng tên tẩm thuốc, chó săn, mõ tre, thùng thiếc, khiến cho mấy Ông Ba Mươi nhận thấy dân làng tiếp rước không được thân mật, hoặc hoảng sợ mà bỏ đi.

Lần này, cọp về làng phá nhiều hơn trước. Mỗi đêm mỗi bắt bò, chó, heo hoặc trâu nghé mang đi, mặc cho mõ tre thùng thiếc khua chất óc, cọp cũng không bỏ môi.

Mấy ông thợ săn rình rập suốt đêm này qua đêm khác, để rồi khi gặp không dám bắn mũi tên nào vì Ông Ba Mươi to sầm sầm vừa thấy là kinh khủng rồi. Còn mấy chú chó săn tối đến là chui xuống gầm giường không sửa được một tiếng cho ra hồn, có chăng chỉ rên u ử...

Lần lần cọp khủng bố dân làng cả ban ngày chó không chồ đến ban đêm nữa. Muốn ra đồng làm lụng, họ chồ mặt trời cao hơn một sào rồi hú nhau ra hiệu để gom lại mà đi chung, mỗi người ngoài dụng cụ của mình cũng không quên đem theo khí giới hộ thân như lao, mác thông, lưới đồng ⁽³⁾ hay roi trường, còn đàn bà thì cả mõ tre, thùng thiếc.

Lần nọ, cọp toan bắt trâu ở Gò Đậu cách làng không xa quá hai trăm thước nhưng nhờ con trâu phát cổ ⁽⁴⁾ của ông Hương sư chống cự kịch liệt thêm mấy con trâu cái có con đến vây chém tiếp làm cho Chúa Sơn Lâm rống lên vài tiếng thật to rồi chạy dài không dám bắt trâu nữa.

Từ đó người ta xem con trâu Pháo của ông Hương sư như

(1) Nay thuộc tỉnh Sông Bé (chú thích của Sơn Nam).

(2) Đúng đầu các hương chức ban hội tề là hai ông hương cả và hương chủ, người trách nhiệm về an ninh là hương quản, hương sư lo việc học hành (chú thích của người đánh máy).

(3) Mác thông, Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của viết mác thông, thích nghĩa là mác cán dài hơn một sải, đỡ bình khí; lưới đồng là giáo ngắn dùng làm vũ khí (người đánh máy).

(4) Trâu đục, khi trưởng thành sức sung mãn thì cổ lớn ra gọi là phát cổ hay gọi tắt là trâu cổ (người đánh máy).

con vật quý, bao nhiêu trâu bò gom lại một nơi để cho con trâu Pháo cầm bầy.

Khổ nhất là toán người đi kéo củi thì không làm ăn gì được. Bò mà nghe hơi cạp thì mang xe chạy trốn chết, bất kể hầm hố chông gai, xe gãy tan tành, bò chạy mất, còn chủ thì không bươu đầu sút trán cũng gãy tay.

Suốt tháng trường không biết làm cách nào tránh nạn cạp hoành hành mấy ông hương chức mới bàn nhau xuống ông Cai tổng xin lãnh súng về bắn cạp.

Ý kiến ông Hương quản vừa đưa ra được mọi người tán thành ngay và sáng hôm sau Hương cả và Hương quản cùng về tổng, xin thầy Cai cấp súng. Đường về tổng cũng toàn là rừng rú không chắc là đi yên lành. Họ bèn dùng phương pháp đâm tòi thoa mũi bò⁽¹⁾, đồng thời mượn con trâu Pháo của ông Hương sư đem theo phòng khi gặp cạp cho nó nghênh chiến và trên xe còn có ba bốn anh lực điền gan dạ cùng mình đem theo khí giới để hộ vệ hai ông hương chức.

Lãnh súng

Hai ngày sau, ông Hương cả và Hương quản lãnh súng về làng. Theo thủ tục thì không được lãnh mau lẹ như thế đâu nhưng nhờ ông Cai tổng thông cảm nỗi khổ của dân làng mà bảo lãnh dùm, cho nên Chánh chủ tỉnh mới cấp cho cây súng *ca-lip duôi*⁽²⁾ với mười viên đạn, mỗi viên tròn, nhồi thuốc súng để bắn ra chín viên đạn khá nhỏ⁽³⁾ để đem về bắn cạp.

Dân làng nghe nói lãnh được súng, mừng rỡ vô cùng. Từ đó, ông Hương quản đi đâu cũng ôm kè kè cây súng một bên, dẫn theo chú Phó hương quản và chú Cai tuần, mỗi người cầm một cây roi trường bóng láng.

Dân làng bắt đầu tin tưởng, yên chí làm ăn vì mỗi ngày ông Hương quản và hai người đi hộ vệ đi từ đầu làng đến cuối làng rồi trở lên để canh chừng động tịnh. Ban ngày, họ ra đồng làm lụng, tối đến đóng kín cửa nẻo, nằm yên, nhưng cạp chỉ ngưng hoạt động độ chừng mươi ngày rồi bắt đầu làm dữ trở lại.

Đường như có linh tính, hễ ông Hương quản xách súng đi đầu làng thì cạp xuất hiện ở cuối làng để bắt heo, bắt chó. Ban đêm, khi ông Hương quản đi rông⁽⁴⁾ về, treo súng lên vách thì nghe tiếng cạp *cà-um* rền trời. Có một đêm, cạp lại về nhà ông Hương quản bắt một con heo, ông Hương quản xách súng lên cò, bước ra sân nhìn thấy ông Ba Mươi thì hốt hoảng, thối lui, không dám bắn một tiếng lấy oai, dù là bắn chỉ thiên... đành để cạp bắt heo đi mất. Sáng hôm sau, ông tìm Hương cả, mà báo cáo miệng :

– *Bẩm Cả, đêm rồi cạp về bắt heo tại... nhà tui.*

– *Sao ? Thầy Hương mầy có bắn nó phát nào không ? Tao không nghe súng nổ.*

– *Dạ... Dạ...*

– *Không có bắn sao ? Bậy quá, sao không bắn nó ?*

– *Dạ nó lớn quá trời quá đất. Tui sợ bắn nó không trúng, nó không chết thì... tui cũng chết.*

Sau một hồi thảo luận, cả hai đồng ý, cho đánh mồi mời toàn ban hội tề nhóm lại, rồi sau đó hương chức đồng ý về tỉnh xin lính tập về giết cạp. Hôm sau, họ cụ bị lên đường,

cũng đâm tòi thoa mũi bò, cũng trâu Pháo, cũng mác thông và súng... để xin binh tiếp viện.

Lần này ông Cai tổng không còn sốt sắng trong công việc xin lính tập nữa. Sau khi nghe hết lời thỉnh cầu, ông chỉ cười rồi bảo :

– *Ồi chuyện dễ ợt hè mà Cả quá lo ! Cả và Hương quản nên về rước thầy nghề võ đánh cho một lần thì cạp tổn tới già chớ có gì đâu mà phải xin lính tập⁽⁵⁾ cho rộn chuyện. Làm vậy không sợ Tây nó chê dân mình bất tài sao ?*

Biết không thể lay chuyển ông Cai tổng được vì ông là người ăn một đọi nói một lời, hai ông hương chức Bầu Lồng đành trở về và suy gẫm lời ông Cai tổng bèn rước thầy nghề võ về đánh cạp ; vậy là hữu lý.

Ông Thầy Gia Bẹ

Sau khi dò hỏi mấy ngày ông Hương cả cho người đem lễ vật qua Gia Bẹ (thuộc tỉnh Gia Định) rước thầy nghề võ về Bầu Lồng trừ cạp.

Thật vậy, làng Gia Bẹ có ông thầy nghề võ tục gọi ông Tám rất có tên tuổi.

Thuở thiếu thời, ông từng đụng độ với nhiều tay danh sư và luôn luôn ông thủ thắng. Cạp beo ông cũng từng chiến đấu, phần nhiều chúng chịu được vài chục roi là cúp đuôi chạy mất hoặc trúng nhằm chỗ nhược, chết tại chiến trường.

Quanh vùng ông Tám ở, luôn cả làng Gia Bẹ, trộm cướp đều kiêng oai, không hề dám về phá quấy.

Mặc dầu tuổi đã ngũ tuần, nhưng ông còn tráng kiện, tay chân gân guốc, đi đứng gọn gàng, sức ăn còn bằng một thanh niên trai tráng. Mỗi ngày ông đều tập dượt và học trò của ông học võ, dù dạy lên⁽⁶⁾, cũng đến mươi người.

Khi đoàn sứ giả Bầu Lồng qua tới, ông Tám tiếp đón rất nồng hậu và không đợi phải “ tam cố thảo lư ” như Lưu Bị cầu Gia Cát, ông Tám lật đặt cặp roi trường đi liền.

Hai ngày sau, dân làng Bầu Lồng lại sống trong rạo rục và tin tưởng ở ông thầy Gia Bẹ. Ông Cả lãnh phần tiếp khách quý. Mọi người đều nhìn ngắm ông thầy võ với cặp mắt tò mò thán phục.

Ông Hương cả và ban hội tề thay nhau chuyện trò với ông Thầy thật là thân mật. Ông Cả sai con lo cơm nước bắt gà làm gỏi, mua rượu ngon.

Buổi cơm chiều hôm ấy ăn sớm hơn thường lệ và hầu hết hương chức đều có mặt tại nhà ông Cả để dự bữa cơm chiều giống như bữa đám giỗ nho nhỏ. Mọi người vui vẻ truyện trò, nhưng cơm rượu vừa được nửa bữa thì có tiếng la thất thanh đầu đấy. Mọi người buông đũa, nhìn ra sân vừa lúc đúng con cạp nhảy vào sân, nhìn vào nhà, mặt to chần vằn, vóc cao như con ngựa, thật là khủng khiếp.

(1) Đâm tòi thoa mũi, bò không ngủ thấy mùi cạp, rú đi đường gặp cạp bò không lòng lên chạy bầy (người đánh máy).

(2) Nòng 12, do tiếng Pháp calibre douze.

(3) Đạn chevrotine

(4) Đi rông, do tiếng Pháp ronde.

(5) Lính bắn xú được Pháp luyện tập (người đánh máy).

(6) Thời Pháp, dạy võ bị cấm, phải lên dạy ban đêm (người đánh máy).

Mọi người dường như nín thở, im lặng hoàn toàn, tiếng một con ruồi bay qua nghe cũng rõ. Cọp cũng im lặng đứng nhìn hồi lâu rồi ngồi xuống chống tó⁽¹⁾, quít đuôi, nhìn vào nhà như khiêu khích, như đợi chờ...

Và lúc ấy người ta yên lặng và cũng đợi chờ. họ chờ gì...?

Họ chờ đợi việc mới lạ mà họ vừa quên đi trong chốc lát. Đó là chờ ông thầy Gia Bẹ trở tài. Nhưng chờ mãi hồi lâu không thấy gì lạ, họ nhìn lại thì thấy ông thầy Gia Bẹ ngồi chết trân, mặt xanh như tàu lá, cổ không còn hột máu... trán rịn mồ hôi.

Họ hiểu ra và biết ông thầy đã... sợ cọp rồi. Vậy không lẽ để yên chờ cho cọp chụp, nên họ tự động cùng nhau la hét, đánh thùng thiếc mõ tre, những phương tiện tự vệ tiêu cực mà lúc nào cũng có sẵn để đuổi cọp như bao lần khác.

Cọp biết mình bị xua đuổi, uể oải đứng lên, vươn vai, rồi chậm chậm bước khoan thai, từng bước từng bước một, còn cả um mấy tiếng như đoạ nạt rồi biến vào rừng.

Bấy giờ mọi người mới hoàn hồn, kể cả ông thầy. Ông thú thiết :

– Trời đất quỷ thần ơi ! Cọp này lớn quá trời quá đất... Tôi mới thấy lần thứ nhất.

Vừa nói ông vừa lắc đầu coi bộ buồn xo làm cho mọi người đều buồn lây. Càng lo sợ, họ càng thương ông thầy võ hơn.

Hôm sau, người ta thấy ông Hương cả cho người đâm tời thoa mũi bò, ông Hương quấn vai đeo súng chờ lệnh.

– Hương quản hãy đưa ông thầy về, rồi sẵn trốn mầy xuống luôn dưới Thủ, bắm lại với ông Cai tổng coi ống kính làm sao chó cú như vầy hoài... đây rồi dân làng bỏ hết công ăn chuyện mần thì có phương chết đói cả lũ.

Ông Hương quản chán nản, cúi đầu vâng lệnh ra đi.

Ông Ất, ông Giá

Sau khi đưa ông thầy về Gia Bẹ, Hương quản bèn đánh xe bò về về tỉnh rồi thẳng đường về luôn miệt Tân Long Tân Khánh để gặp mặt ông thầy Cai. Gặp lúc ông thầy Cai đang nói chuyện với hương chức hội tề tại nhà việc Tân Khánh. Ông hương quản Bầu Lồng mang súng bước vào lột khăn cúi đầu chào.

Ông thầy Cai bèn hỏi :

– Sao ? Vụ cọp hùm trên đó ra sao em Hương ?

Hương quản lật đật kể lại tự sự cho thầy Cai và ban hội tề Tân Khánh nghe. Nghe xong thầy Cai phì cười mà rằng :

– Thầy bà gì mà nhát như thỏ để vậy a... Hương quản ?

– Dạ ! Bắm thầy, ông cọp lớn quá chừng, ai mà không sợ...

– Lớn thì lớn chó. Bộ làm thầy nghề võ hể gặp cọp nhỏ thì đánh còn cọp lớn thì chừa hay sao ?

Đoạn ông kêu thường xuyên lại bảo :

– Mầy chạy đi kêu ông Ất ông Giá lại tao mượn chút coi.

Người chạy việc chạy đi ngay, ông thầy Cai (Cai tổng) bảo với Hương quản Bầu Lồng :

– Thăng Hương mầy ở chơi chờ một chút, ông Ất ông Giá

lại đây, qua mượn lên Bầu Lồng đánh cọp giùm cho.

Ông Hương quản vâng lời, đến bộ ván bên hông nhà việc mà ngồi chờ nhưng trong lòng không tin tưởng chi cho lắm.

Một giờ sau, ông Ất ông Giá đến chào ông Cai tổng và hương chức rồi đứng chờ lệnh.

– À, hai đứa bay đến đó hả ? Sao tui bây ? Có rảnh không ? Có rảnh thì làm ơn giùm tao lên Bầu Lồng với Hương quản đây, coi con cọp nào đó về làng phá dữ quá, họ sợ làm ăn gì cũng không được.

– Dạ bắm thầy tôi rảnh chỗ không có việc gì.

– Dạ thưa tui cũng rảnh.

– Ủa, rảnh thì đi giùm. Nghe nói mấy bữa rày có rước ông thầy nào đó mới thấy cọp thì thiếu điều muốn té... mà đánh đập nổi gì.

– Dạ bắm thầy để tôi về lấy roi và dạn bầy trẻ cái đã...

– Dạ bắm thầy cho tui về thay đồ rồi đi luôn thế.

– Ủa, lẹ lẹ đi hai em. Nhớ ở lại trên đó giúp giùm cho xong việc rồi về, chó bỏ nửa chừng đa. Có đánh thì đánh cho nó tởn tôi già, còn có đánh chết được thì chó về đây qua thưởng cho.

Nửa giờ sau, ông Ất và ông Giá theo Hương quản về Bầu Lồng. Riêng Hương quản thì rất ngao ngán và nực cười thầm cho ông thầy Cai tổng, chưa chi mà mong chờ xác cọp về...

Viết đến đây tưởng cũng nên phác họa vài nét đơn sơ về ông Ất ông Giá.

Ông Ất tuổi độ trên ba mươi, người cao lớn, nước da bánh ếch, cổ tay no tròn như ống tre. Người ta đồn rằng bắp tay ông chỉ có một cái xương mà thôi, nhưng chỉ là giả thuyết chó ai dám quả quyết. Lòng tay và lòng chơn ông xòm xạm đen trạ. Ông chuyên sử dụng roi trường bằng cây mật cật⁽²⁾ to bằng cái chén đen mun.

Ông Giá trái lại, trắng trẻo, mảnh khảnh hơn ông Ất độ một bảy một mười. Tay chơn ông cũng liềm lạc, nhặm lẹ, cũng chuyên sử dụng roi trường. Tài ông Ất ông Giá thì hầu hết mọi người biết võ đều kiêng nể. Tuy không phải anh em ruột nhưng thương nhau còn hơn ruột thịt và đi đâu cũng có nhau.

Chiến đấu

Xe bò đi suốt ngày đêm mới về tới Bầu Lồng.

Ông Hương cả lo tiếp đãi như lần trước. Ông sai người lo cơm rượu nhưng cả hai đều chối từ bảo có gì ăn nấy, không uống rượu để tỉnh táo mà đánh cọp vì cọp xuất hiện bất ngờ.

Tuy vui vẻ tiếp đãi, nhưng trong thâm tâm ông Hương cả và toàn ban hương chức hội tề cũng đồng tâm sự với Hương quản trên suốt con đường rừng dài thăm thẳm...

Bữa cơm trưa vừa xong, ông Ất bảo ông Giá :

– Cọp đâu không thấy ; hể đánh thì đánh phút đi cho rồi chó nếu ở đây hoài bỏ hết công chuyện nhà chịu gì nổi...

(1) Tó là cặp nạng chống cang xe ; ngồi chống tó, ngồi chống hai tay, bộ uể oải (người đánh máy).

(2) Mật cật, loại cây thuộc họ cau dứa, đặc điểm là dùng làm roi đánh không bao bị gãy. Gậy dùng làm khí giới trong Nam gọi là roi, cũng còn gọi là côn (người đánh máy).

Ông Ất vừa dứt lời thì nghe tiếng “ hự ” thật to ở ngoài sân, tiếp theo những tiếng la thất thanh của lũ trẻ và tiếng chó ăng ăng.

Đường như có linh tánh, nên cọp khi biết có thầy nghề võ đến là về làng thủ súc ngay. Mọi người còn đang khiếp sợ tìm chỗ rình núp xem ông cọp khổng lồ thì ông Giá nhanh nhẹn cắp roi trường, nhảy ra sân thủ thế, còn ông Ất tay chống roi đứng cạnh cửa mạch, tay kia còn cầm tấm xỉa răng như người vô sự đứng coi...

Ở ngoài sân, cọp thấy có người nhảy ra thủ thế, bèn mọp xuống, rồi bắt kể lợi hại nhảy đến chụp đùa. Ông Giá nhẹ nhàng nhảy qua bên tránh khỏi, rồi thuận tay ông chữa một ngọn roi đâm trúng hông cọp khá mạnh. Cọp rống lên một tiếng như tức giận lắm, nhảy trở lại chụp liền.

Ông Giá loang roi vun vút, lúc đập lúc quơ, cọp nhảy tới nhảy lui miệng luôn gầm thét...

Bụi bay mù mịt, ở ngoài người ta coi mê mịt, hết sợ phần nào, họ lần ra khỏi chỗ núp rồi lần ra sân, xem mê mẩn thích thú. Lúc ấy ông Ất cũng đứng tại cửa mạch mà coi như mọi người, không thêm tiếp tay với ông Giá.

Độ hút tàn điếu thuốc, cọp học lên một tiếng, nhảy ra ngoài vòng chiến đấu, nằm ngửa thủ thế đưa bốn chân lên trời.

Theo mấy thầy nghề võ nói lại thì đó là miếng “ trâu vàng ” miếng tổ của cọp. Ai sơ suất nhảy vào thì chết. Roi đánh vào thì bị cọp bắt roi, tiện dịp cho cọp đoạt roi, móc họng địch thủ.

Ông Giá thấy cọp thủ thế “ trâu vàng ”⁽¹⁾, ông cũng không thêm đánh nữa, đứng chống roi nghỉ cho khỏe.

Một hồi lâu, cọp không thấy ông Giá phá miếng nghề của mình và cọp cũng nghỉ mệt xong, học lên một tiếng rồi nhảy trở vô vòng chiến đấu. Ông Giá vung roi đánh tiếp.

Một lần nữa, dân Bàu Lồng được dịp xem say sưa, xem mê man, cát bụi tung mù không còn phân biệt được người và thú. Lúc sau, cọp lại mệt bèn dùng miếng cũ, ngậm ngửa thủ thế trâu vàng. Ông Giá chống roi đứng chờ tái chiến.

Theo lời người xưa kể lại, cọp rất giỏi võ. Mỗi lần giao đấu với ai, người hoặc thú khác, cọp ta đều chú ý học hỏi những miếng hay, vì thế, nghe có thầy nghề võ ở đâu là tìm đến đấy để thủ súc. Càng thủ súc nhiều thì cọp chiến đấu càng giỏi, biết nhiều miếng võ bí hiểm và lẩn tránh các đòn rất tài tình.

Hễ hơn thì hạ địch thủ, liệu thua thì bỏ xú đi mất, nhưng cũng nhớ rất dai mỗi thù thất bại chua cay, có dịp là tái đấu đặng rửa hờn.

Lần này, chò cũng không thấy ông Giá phá miếng trâu vàng, cọp lại trở mình phóng vào vòng chiến đấu.

Phen này ông Giá đánh rất kịch liệt, roi loang nghe vo vo, lúc đánh trật, roi lún xuống đất, bụi cát tung bay, và không bao lâu người ta nghe cọp rống thật to và vọt một cái ra ngoài

(1). Trâu vàng, theo Sơn Nam, trâu lấc đầu đánh sừng qua lại (Đạo Chơi tr. 108).

(2). Râu mép cọp, tương truyền là thuốc độc, đem cất nhỏ trộn vào thức ăn thì bao tử người ăn trúng bị hủy hoại đến chết, không phương cứu chữa. Thú râu cọp ngay khi cọp vừa bị giết là cốt ý tránh không cho kẻ xấu lấy trộn hại người (người đánh máy).

Có trong tay tờ **Thời Đại**. Đang hí hửng bỗng nghe phán rằng : “ *phải giới thiệu đấy nhé* ”, hoá ra đâm hoảng. Cầm về nhà, đọc từ đầu tới cuối suốt một buổi tối, lại càng hãi kinh. Làm sao giới thiệu trong vài chục dòng một tạp chí gần hai trăm trang, gồm tám bài, mà bài nào cũng đáng trân trọng, bài nào cũng biểu lộ tâm huyết, công phu cùng bản lĩnh của các tác giả ?

Chẳng lẽ dành cho mỗi bài vài dòng ? Thế thì có gì hơn cái mục lục đã được giới thiệu với bạn đọc *Diễn Đàn* trong hai số vừa qua (và cả số này) ! Thôi thì thế này, hãy xin giới thiệu cái “ *nó không phải là* ”, rồi lại nói tới cái “ *nó hy vọng là* ” trước khi ra đời. Bây giờ nó đã nằm đó, cũng phải bàn về cái “ *nó chưa hẳn là* ”. Vòng vo như vậy để cố gắng ngắn gọn khi nói đến cái “ *nó đã là* ”, vì điều ấy người viết chắc rằng bạn đọc *Diễn Đàn* tự nhiên sẽ thấy sau khi đọc (nên giữ kỹ và nếu cho mượn nhớ đòi, vì tương lai của nó là một bộ tạp chí cần có đủ trong tủ sách).

Một buổi chiều tuần trước, HT được gặp nói chuyện với một bậc huynh trưởng, anh tỏ ra khá bất mãn về cuộc bút chiến vừa qua ở Việt Nam chung quanh bài Thụy Khuê phỏng vấn học giả Hoàng xuân Hãn về công trình cụ nghiên cứu Kiều (*Hợp Lưu*, số 29). Anh cẩn thận trao cho bản chụp

vòng chiến toan chạy về rừng. Nhưng, người ta nghe cọp rống thêm một tiếng to hơn và dài hơn, nhìn lại thấy ông Ất đang đứng bên xác cọp, cọp còn vằn mình sắp chết.

Tất cả mọi người đều không thấy ông Ất đánh cọp. Nhưng ông Ất đã độ được đường rút lui của cọp, nên lúc cọp phóng vào rừng, hướng ông Ất đang đứng, ông bèn chống roi phóng mình ra chặn đầu đánh một roi là cọp hết đường tránh né và chịu chết dưới ngọn roi ngàn cân của ông.

Chờ cọp chết hẳn, người ta mới dám mon men lại coi. Ông Ất lấy cỏ tranh thui ngay bộ râu mép cọp⁽²⁾ rồi mượn người khiêng chất lên xe bò. Ông Giá vẫn điếu thuốc hút say sưa... rồi ra giếng xách nước tắm cho sạch bụi chiến trường. Riêng Hương quản hờn hờ ra mặt, lấy thước đo ngang đo dọc coi con cọp được bao lớn đặng làm “ phúc bẫm ”.

Ông Ất toan xin tởi đặng thoa mũi bò thì ông Hương cả cản lại mà rằng :

– *Đâu được em... Mấy em phải ở lại dùng với qua một chén rượu lạt mới phải chớ...*

Ông Ất còn đang lưỡng lự thì ông Giá bước vào, nghe thấy thế bèn bảo :

– *Ờ phải đa, tụi mình ở lại ăn ba hột cơm rồi về. Tôi đói quá đi không nổi đâu.*

Cả ba người cùng cười xoà đồng thời toàn thể dân chúng vui mừng hoan hô reo hò ầm ĩ.

Lưu Linh Tử (Báo **Phổ Thông** số 79, 1.5.1962
Sơn Nam trích dẫn trong **Đạo Chơi**, Nxb TrẻTPHCM, 1994)

THỜI ĐẠI SỐ 1

tất cả các bài viết “ *câu đọc đi, rồi cho mình biết nghĩ sao* ”. Trôi hồi, công trình nghiên cứu 50 năm chưa được in ra, mà mới chỉ qua một đoạn phỏng vấn đã bàn qua bàn lại, như thể mượn có để tự khẳng định hay để ẩu đả nhau. Những chuyện như thế cũng nên có chỗ công bố, vì chẳng thà ồn ào còn hơn im lìm, nhưng qua lại thế là quá đủ cho người đọc đánh giá, chẳng nên thêm vào. Đáng tiếc rằng những ý kiến của bên này hay bên kia chưa chắc đã không có chỗ xác đáng, nhưng khi bản thân người viết không phân biệt vàng thau thì chỉ thiệt cho bản thân mình, và cho tình trạng học thuật nói chung.

Trong “ *Lời phi lộ* ”, ban chủ biên **Thời Đại** có viết “ ... *mở ra một không gian trao đổi giữa trí thức Việt Nam, ở trong nước cũng như ở nước ngoài, quan tâm đến việc xây dựng nền học thuật dân tộc và muốn thúc đẩy những nghiên cứu và thảo luận khoa học về các vấn đề phát triển và hiện đại hóa đất nước... đón nhận các quan điểm khác nhau miễn là được trình bày với chuẩn mực của khoa học* ”. Đó là điều tờ tạp chí hy vọng thực hiện, và thí dụ ở trên cho thấy mong mỏi này không thừa. Thực ra thì kỳ vọng đã có từ lâu giữa nhiều anh em tâm huyết ở mọi nơi, mọi nguồn. HT trong những năm qua đã nhiều khi hội bàn với các bậc huynh trưởng và bạn bè để làm sao có được một cơ quan ngôn luận có tính cách học thuật, vừa có bề rộng lại vừa có chiều sâu như vậy. Những lần ấy, trong buổi chiều ngoài vườn dưới nắng vàng xứ Cali, trong khi chuyện trò với các anh em trong nước, và dĩ nhiên trong nhiều dịp gặp nhau quanh cà phê rượu đỏ ở Pháp... HT luôn luôn ủng hộ hết mình tạp chí tương lai, tuy chỉ ủng hộ chạy là chính, vì bản thân làm một anh cán bộ cho tư bản (mở ngoặc ngoài đề : chủ cán bộ là do người Nhật phiên âm từ chữ *cadre* của Tây, rồi *phe ta* dùng phổ biến, đấy ạ), tuần lễ làm việc thường khi trên dưới năm chục giờ thì làm sao kham nổi cái mục đích trên. Suy ra thì đủ biết cố gắng làm được tờ như **Thời Đại** quả thật vô cùng khó khăn, ngay cả đối với những người tương đối có điều kiện.

Như vậy mà nếu bạn không tìm đọc thì ổng quá. Tuy rằng có thể ai đó chưa hoàn toàn hài lòng, vì khi đã ra đời thì bộ mặt cụ thể của nó là chính nó, không hẳn như cái lúc muông tượng vẫn vương thai nghén. Nhưng rõ ràng nó đã lấp một khoảng trống lớn trong sách báo Việt Kiều chủ trương tại hải ngoại, trong chỗ trước đây có **Tạp san Khoa học Xã Hội** tại Pháp và gần đây hơn có tờ **Đối Thoại** tại Mỹ. Hiển nhiên, nhất là khi mới chỉ qua một số đầu, **Thời Đại** chưa thể hiện hết được như nó muốn thể hiện. Chẳng hạn đã có lời phê bình thân ái và chí lý từ Cali nhấn qua “ *tên Thời Đại mà chưa thời đại lắm* ”, nhìn lại quả thật thế, trong 8 bài thì đã 5 bài nói chuyện cũ ! Trong cả số cũng mới chỉ có được một bài từ trong nước viết riêng cho **Thời Đại**. Cứ theo lối nghĩ tích cực (*positive thinking*) đi, thì có thể nói rằng trong tương lai cái không gian mà tạp chí này có thể toả ra còn rộng lớn, cả về

không gian tự nhiên lẫn không gian tư tưởng. Theo thiên ý không sợ thiếu chủ đề cũng như không thiếu tác giả có tầm quyền. Vấn đề là tạo ra được sự tin tưởng lẫn nhau để cộng tác. Và tờ số một này thực đáng là hòn đá đầu tiên đặt nền móng cho sự tin tưởng đó, vì người ta cảm thấy toàn tâm toàn ý các tác giả hướng về chủ đề của mình, mong ghi lại những gì đáng ghi lại, rút ra cái tổng quát, tìm cái mới, đề nghị cái độc đáo. Vì thế không ồn ào mà đa dạng, không làm dáng mà sắc sảo, vừa toát ra một văn phong học thuật già dặn vừa mang đầy sức sống.

Về các tác giả, có thể giới thiệu dài, nhưng thật ra không cần vì họ đều là những vị đã thành danh lâu năm trong giới Việt Kiều, trong nước, và cũng đều giữ những địa vị cao trong nền học thuật thế giới. Tuy nhiên người ta mong mỗi sẽ được đọc những bài cũng xuất sắc như thế của những tác gia mới tuổi trẻ tài cao.

Đi vào nội dung tờ **Thời Đại** số một thì phải nói ngay, ngoài nhận xét chung là sự nghiêm túc và giá trị cống hiến mới quan trọng có trong từng bài, người điểm không có khả năng hiểu hết những chỗ mà chắc là một bạn khác sẽ thích thú, âu cũng là chuyện tự nhiên trước những chủ đề chuyên sâu. Về âm nhạc học, HT điếc đặc, về kinh tế thì lờ mờ, những môn ấy đọc để học, và hiểu đại khái, cho nên xin không dám lạm bàn. “ *Hệ y tế Việt Nam...* ” là một toàn cảnh đầy đủ tư liệu, có tầm nhìn sâu rộng, làm cơ sở cho những luận bàn có tính chiến lược cho hiện tại và tương lai. “ *Văn hệ Kim vân Kiều...* ” là một khảo cứu văn bản học kỹ lưỡng và độc đáo, nhất là về phía nguồn gốc truyện Kiều tại Trung Quốc, một thí dụ điển hình của cách làm mới trên một chủ đề cũ, cho nên vẫn đóng góp rất... thời đại, điều gì giá trị hơn ? phương pháp làm việc, hay những kết quả mà nó đem lại ? “ *Độc Việt Nam Phật giáo sử luận* ” điểm bộ sách của Nguyễn Lang, (xuất bản đã cách đây gần 25 năm, tái bản tại Hà Nội năm 1994) với tất cả sự trân trọng. Nếu HT không nhớ sai thì Nguyễn Lang là bút hiệu trước đây của Thiền sư Thích Nhất Hạnh. “ *Làng xưa* ” là một đoạn hồi kí về gia đình làng nước, có giá trị chứng từ văn hoá, không chỉ bổ ích cho những thế hệ hai, ba ở nước ngoài, đặc biệt xin đừng bỏ qua *foot notes*.

Nhưng cái đỉnh của số báo này, cái để dành nói cuối cùng trước khi kết thúc, là tài liệu lịch sử gồm ba bức thư của cụ Phan, do Vĩnh Sinh phát hiện và giới thiệu : “ *Về mối liên hệ giữa Phan bội Châu và Nguyễn Ái Quốc...* ”. Trích một đoạn (VS dịch) trong thư cụ Phan gửi Nguyễn cho bạn đọc thòm thòm : “ ... *Nhớ lại hai mươi năm trước đây, khi đến nhà cháu uống rượu gô án ngâm thơ, anh em cháu thấy đều chừa thành niên, lúc đó Phan Bội Châu này đâu có ngờ rằng sau này cháu sẽ trở thành một tiểu anh hùng như thế này...* ”.

Giấy ngắn tình dài.

Hàn Thuỷ

tim đọc

thờiđại

tạp chí nghiên cứu & thảo luận

số 1 (đã phát hành) với các bài :

Trương Đình Hoè, *Văn hệ Kim Vân Kiều truyện*.
 Vĩnh Sinh, *Về mối liên hệ giữa Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc 1924-1925*.
 Vũ Quang Việt, Đặng Thọ Xương, Nguyễn Văn Chính và Nguyễn Sinh Cúc, *Kinh tế nông thôn Việt Nam sau đổi mới và viễn tượng tương lai*.
 Lê Văn Cường, *Một vài vấn đề kinh tế trong thời kỳ chuyển đổi*.
 Nguyễn Huệ Chi, *Đọc "Việt Nam Phật giáo sử luận"*.
 Bùi Mộng Hùng, *Hệ y tế Việt nam trước thử thách của thực tại : liên tục và gián đoạn*.
 Trần Văn Khê : *Nét nhạc dân tộc trong những sáng tác của Lưu Hữu Phước*.
 Bùi Trọng Liễu : *Làng xưa*.

Ban chủ biên lâm thời :

Lê Thành Khôi, Lê Văn Cường, Trần Hải Hạc

Địa chỉ liên lạc : Lê Văn Cường, Editeur Revue THỜIĐẠI, CEPREMAP, 142 rue Chevaleret, 75013 Paris, FRANCE.
 Fax : Lê Văn Cường, Revue THỜIĐẠI, 33 1 44 24 38 57
 E-mail : levanc@cepremap.msh-paris.fr
 Mua dài hạn : 180 FF (4 số) / giá bán mỗi số : 50 FF (ngân phiếu đề tên LE VAN, gửi về địa chỉ trên).

MAISON DES ARTS EUROPE ASIE

20 rue Greneta 75002 PARIS Tel/fax 01 42 33 40 30
 ouvert du mardi au samedi de 10h30 à 19h30
 le dimanche et le lundi de 15h30 à 19h00
 Métro : Réaumur-Sébastopol

Programme de Février 1998

EXPOSITION

WAIT UNTIL DARK

exposition de Hisako FURUMAYA,
 Tamami MINAGAWA et Misato NAOI
 du 3 au 28 février 1998

vernissage le 3 février 1998 à partir de 18h

Wait until Dark. Titre inspiré d'un film à suspense où Audrey Hepburn joue le rôle d'une aveugle.

Obscurité. La M.A.E.A. possède deux espaces dont une cave. Le projet des trois artistes prend en compte les caractéristiques du lieu : obscurité, humidité, circuit fermé.

Lampe de poche. Appareil qui sert à éclairer ; grâce à sa légèreté, on peut facilement l'emporter pour illuminer les œuvres qui apparaissent sous un jour nouveau.

FÊTE DU PRINTEMPS

Fête traditionnelle japonaise
 le 3 février, à partir de 18 h

Bạn đọc và Diễn Đàn

Khuyến cáo trạng tất niên

Vì *Diễn Đàn Forum* là tờ báo gần gũi với tôi nhất, nên từ lâu tôi muốn đóng góp một số ý kiến về những điều cần cải tiến. Mấy bữa nay Montréal tê liệt trong băng giá, hôm nay ngồi không nên xin trình bày tóm tắt :

1) Lập trường của ĐDF không dứt khoát, mục tiêu không rõ ràng. ĐDF chỉ làm được nhiệm vụ của một tờ báo thông tin ít nhiều bình thường và có một số ý kiến phê phán (Những bài viết về Việt Nam thường hay có những cú " đá giòi lái ", một phong cách rất *phulangsa* !).

2) Đường như ĐDF không chú trọng hệ thống cộng tác viên và ý kiến độc giả. Gần như không có độc giả góp ý, tranh cãi, đóng góp bài vở. Quanh quẩn, từ nhiều năm nay, tờ báo vẫn chỉ có ngần ấy người viết bài. Phải chăng đây là điều đáng quan tâm và nên tìm cách cải tiến ?

3) Về nội dung và hình thức, từ nội dung đến hình thức, tờ báo không có cải tiến đáng kể.

a) Về nội dung, thiếu những bài có chiều sâu, báo không tập hợp để giới thiệu những hồ sơ, những chủ đề (mặc dù vốn liếng của e-kip làm báo là khá phong phú và người đọc ở nước ngoài thỉnh thoảng cần có những hồ sơ tham khảo). Ở Pháp là nơi có nhiều nhân vật Việt Nam lui tới, thế mà gần như không bao giờ có phỏng vấn, giới thiệu. Phỏng vấn là một đề mục rất phong phú, hữu ích mà cũng tương đối dễ thực hiện, tại sao báo lại bỏ quên ? Một số cây bút (bị) viết quá nhiều, nên rất khó tập trung sức cho những bài đòi hỏi phải có tầm cỡ hơn, và lắm lúc viết những bài " tào lao ", không đáng viết.

b) Về hình thức, báo ĐDF đáng đoạt chức vô địch ù lỳ. Ở giữa thời đại multimedia mà chỉ biết có chữ và chữ thôi (có lẽ các bạn theo lập trường của báo *Le Monde*). Hình ảnh cực kỳ hiếm, nếu có thì cũng rất tầm thường (đặc biệt các hình ở trang bìa). Hầu như chưa bao giờ có hình chân dung (kể cả khi cụ Hoàng Xuân Hãn qua đời, hay khi giới thiệu nghệ sĩ mới Ea Sola...). Kho tư liệu về hình ảnh hoàn toàn không cân xứng với khối hiểu biết của nhóm làm báo, thậm chí còn kém xa những chú thích chữ nhỏ ở cuối trang báo ! Trình bày báo thì nguyên si từ nhiều năm nay, y như là đã

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
 Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h
 après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 01 45 66 93 27
 Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

đạt đỉnh cao không thể vượt qua được.

Tôi nói những điều trên, không phải nhằm phê bình với ý xấu. Lắm lúc, tôi cũng muốn đóng góp về mặt bài vở và trình bày. Nhưng bây giờ tôi quan tâm nhiều hơn về những việc khác, tự đánh thức mình để làm báo thì quả là rất khó khăn. Vì thế, dù đối với tôi tờ ĐDF có thể cần được cải thiện nhiều hơn, nhưng nếu không được, thì tôi cũng vẫn quý nó và tôi vẫn thầm cảm ơn những anh chị em đã phấn đấu, đã hy sinh để giữ cho tờ báo tiếp tục tồn tại được. Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn các bạn và chúc các bạn vẫn có được nhiều cảm hứng để tiếp tục công việc là *đầy tớ không lương* cho thiên hạ.

Lương Châu Phước (Montréal, Canada)

✉ *Kể ra, với những điểm anh nêu ra trong thư, có thể làm ra một hai số có chủ đề, hồ sơ, và những bài phỏng vấn. Trong khuôn khổ hạn hẹp của trang bạn đọc (lần này nói rộng, nhờ là số tết), xin trả lời vắn tắt vài điểm. Khi nào có can đảm, sẽ trả lời thêm bằng thư riêng, như đã hứa trong điện thoại :*

1) Thông tin trung thực và chính xác sau khi phối kiểm, phê phán trên tinh thần dân chủ nhằm mục đích góp phần vào công cuộc phát triển đất nước : đó là lập trường và mục tiêu của tờ báo. Nếu ĐĐ (F) chỉ làm được điều đó thì chúng tôi đã mãn nguyện lắm rồi. Tiếc thay, chỉ có vậy cũng làm chưa xong. Tại sao, như thế nào mà làm không xong, lá thư của anh cũng đã liệt kê một số căn nguyên mà nói chung, chúng tôi đồng ý.

2) ĐĐ hầu như là tờ báo duy nhất, xuất phát từ phong trào Việt kiều ở các nước Tây phương, còn sống đến ngày nay. Các tờ báo ở Canada, Hoa Kỳ, Tây Đức, Bỉ... đều ngưng xuất bản từ đầu thập niên 90. Lẽ ra biên tập viên và độc giả của các tờ báo này đương nhiên trở thành một mạng lưới cộng tác viên và độc giả của ĐĐ, tạo cho nó một sức mạnh mà những tờ báo khác muốn có cũng không được. Song thực tiễn lại diễn ra không như vậy. Một phần vì êkíp ĐĐ đã chệnh mảng trong việc giữ liên lạc với các bạn ; phần khác nhiều bạn cũng đã quá mệt mỏi, muốn sang trang. Cái nghề làm báo chưa nó thế, nghỉ một thời gian là muốn nghỉ luôn.

3) Cái truyền thống (hay cái tật) không làm chủ đề, ít phỏng vấn, êkíp ĐĐ vốn đã phát huy từ thời làm báo Đoàn Kết, và vẫn khâm phục anh chị em Người Việt, Diễn Đàn Người Việt

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đố

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng, Văn Ngọc.

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,

Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Vân, Hoà Vân

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180 F, 1/4 trang : 300 F, 1/2 trang : 550 F, 1 trang : 1000 F (*giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %*)

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên

Địa chỉ

.....

.....Điện thoại :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp, kể cả các tỉnh và lãnh thổ

DOM-TOM : 250 FF ; châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục (CCP) số 30041 00001 0441614W020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi *money order* 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Úc** : *money order* 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD / năm, séc đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00)

về mặt này. Paris cũng vẫn là nơi gặp gỡ đông đảo các nhân vật bốn phương, đặc biệt từ Việt Nam. ĐĐ cũng mừng vẫn là một tụ điểm mặc dầu tờ báo không có trụ sở. Song vì những lý do dễ hiểu, anh chị em trong nước ghé qua Pháp thường chỉ nhận gặp gỡ thân mật, nói chuyện thoải mái, nhưng xin miễn đưa tin, phỏng vấn.

4) Những bài đào sâu các vấn đề, vì khuôn khổ tờ báo, khó tìm thấy chỗ trên ĐĐ. Cho nên, chúng tôi rất mừng là tạp chí THỜI ĐẠI đã ra đời, đa dạng hoá cảnh quan của báo chí hải ngoại.

5) Chữ ù lý anh dùng rất đạt. Báo Le Monde bây giờ cũng bày trò màu mè, hình ảnh, nên ĐĐ càng thấy cần phải trung thành với sự ù lý đó. Nói một cách nghiêm chỉnh hơn : cho đến hôm nay, chúng tôi vẫn chưa có scanner, còn tư liệu thì vẫn lưu trữ bằng đĩa mềm HD, thậm chí DD. Trong năm 98, khi các chương trình nhận dạng chữ Việt trở thành hoàn chỉnh, và nếu ngân quỹ cho phép (hèm, hèm...), thì chắc ĐĐ cũng sẽ scan, cũng sẽ mở rộng bộ nhớ và tha hồ lưu trữ hình ảnh. Nếu thôi nhé. Vả lại, với 32 trang lỗ mũi, mỗi lần lên khuôn là ép, bóp... thì còn nói gì đến hình với ảnh ?

Tại sao phanh phui lý lịch PPDA ?

Nhân đọc mấy hàng của ông (hay bà) Phong Trần đăng ĐĐ số 69 tháng 12-1997 (được đóng khung ở trang 4), tôi xin bày tỏ đôi lời :

Nhà báo đài TFI của Pháp, Patrick Poivre d'Arvor, đã tìm đến được nhà tù giam giáo sư Đoàn Viết Hoạt để đòi vào thăm người tù lương tâm nổi tiếng trên thế giới. Tôi thấy về nghề nghiệp thì ông là một nhà báo có tài, khôn khéo, mạo hiểm. Về con người thì ông đã làm một nghĩa cử của người ham chuộng dân chủ tự do. Với bấy nhiêu đó đủ để làm tôi kính phục ông. Còn về lý lịch nhà báo thì có nên phanh phui không ? Dám mong có vị cao minh nào chỉ giáo.

Nguyễn Hữu Thành (Paris, Pháp)

☞ Chúng tôi chẳng dám, song cũng xin có đôi lời bày tỏ :

Trong bài báo nói trên, tác giả đã đề cao nghĩa cử của hội Phóng viên không biên giới, và kết luận là mọi người thiết tha với tự do dân chủ cần tiếp tục lên tiếng đòi trả tự do cho giáo sư Đoàn Viết Hoạt và các tù nhân chính trị khác.

Riêng về Patrick Poivre d'Arvor, tác giả không hề đá động tới lý lịch hay đời tư của ông ta, mà gọi đích danh hai hành động với tư cách nhà báo của PPDA : một hành động vi phạm đạo lý nghề nghiệp (ngụy tạo một cuộc phỏng vấn), và một hành động đã bị toà án Lyon kết án.

Chúng tôi hiểu ông khen ngợi tài năng của nhà báo PPDA và cho rằng, bất luận thế nào, ông ta cũng đã làm một việc tốt đối với cuộc vận động dân chủ ở Việt Nam. Đó là ý kiến mà chúng tôi tôn trọng. Và chúng tôi cũng tin rằng ông cho phép chúng tôi được nghĩ hơi khác : trong cuộc vận động ấy, chúng ta kêu gọi sự ủng hộ của dư luận quốc tế, thúc đẩy hành động và sự lên tiếng của các chính phủ (họ làm gì và làm thế nào, thì họ cũng tính toán đến quyền lợi của họ, đó cũng là chuyện thường tình), hoan nghênh mọi nghĩa cử, song cũng không nên đánh đồng mọi hành động. Phân biệt vàng/thau, người/ngòm, tưởng cũng không thừa khi ta nói tới quyền con người.

mục lục

Thời sự & những vấn đề

- | | |
|--------------------------------|---------------|
| 2 Tin tức | |
| 8 Khả năng phiêu lưu của súc ì | Phong Quang |
| 10 Khủng hoảng châu Á... | Bùi Mộng Hùng |
| 13 Bây giờ là... 1998 | Nguyễn Lộc |

Văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- | | |
|--|--------------------|
| 15 Đông Kinh Nghĩa Thục
(đọc sách) | Nguyễn Trọng Nghĩa |
| 20 Trần Dần với khao khát sạch | Dương Tường |
| 21 Tranh Trần Dần | |
| 23 Đạo và Đời | Nguyễn Nam Giao |
| 25 Chu Thuấn Thuỷ ở Việt Nam
và Nhật Bản | Vĩnh Sinh |
| 29 Thế giới Trần Quốc Tiến | Nguyễn Khải |
| 30 Mỹ nhân làng Trọng Nghĩa
(truyện ngắn) | Trần Quốc Tiến |
| 35 Nơi ấy, Trăng
(truyện ngắn) | Lê Minh Hà |
| 38 Tranh hồ | Văn Ngọc |
| 41 Truyện cọp Bầu Lông... | Lưu Linh Tử |
| 44 Đọc Thời Đại số 1 | Hàn Thuỷ |
| 46 Bạn đọc và Diễn Đàn | |

Thơ : Đỗ Kh., Văn Cầm Hải (tr.19),
Vũ Cận, Lê Bi, Thiên Nam (tr.22),
Phan Huyền Thư, Đỗ Quang Nghĩa (tr.37)
Bìa : tranh Trần Dần

DIỄN ĐÀN forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ ❖ Imprimé
par nos soins ❖ Dépôt Légal : 178/9
Commission Paritaire : AS 73324 ❖ Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax : từ Pháp : 01 45 88 54 58 quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail) :

diendan_forum@compuserve.com

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6,92237 Sulzbach-Rosenberg

Ba Lan : P. Le Duc, W-WA ul. GROJECKA 1/3,

00-950 WARZAWA.

Thẻ lệ mua báo : xin coi trang 47

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa
Mac (font ThinArt) hay PC (font VNI, PDT...) ; hoặc qua
Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet)